



Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 1.046

9-2024

MỤC LỤC

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

* * *	Thông báo Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII	3
* * *	Phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII	9
* * *	Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII	12

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, tích cực chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng

TÔ LÂM	Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng - Yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới	17
PHẠM MINH CHÍNH	Khẩn trương khắc phục hậu quả bão, lũ, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, tích cực khôi phục sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát	21
NGUYỄN ĐÌNH KHANG	Xứng đáng với truyền thống 95 năm xây dựng và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay	29
LƯƠNG NGUYỄN MINH TRIẾT	Tỉnh Quảng Nam tích cực chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030	35
NGUYỄN MẠNH DŨNG	Đảng bộ tỉnh Hà Giang chú trọng công tác phát triển đảng trong giai đoạn mới - Kết quả, bài học kinh nghiệm và định hướng thời gian tới	42
NGUYỄN ANH TUẤN	Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với phương hướng và giải pháp trọng tâm tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng	47

Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng

TÔ LÂM	Phấn đấu hiện thực hóa một tương lai hòa bình, ổn định, hợp tác, thịnh vượng và bền vững - Tầm nhìn, mục tiêu và cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế	54
ĐẶNG HOÀNG GIANG	Quan hệ Việt Nam - Liên hợp quốc: Khởi đầu hợp tác mới vì một tương lai tốt đẹp của nhân loại	57
NGÔ LÊ VĂN	Việt Nam - Cu-ba: Tình hữu nghị vượt thời gian	65
THÁI VĂN LONG	Quá trình phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ta trong gần 40 năm đổi mới	72

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

NGÔ VĂN THUẬN	Vùng 4 Hải quân học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Những kết quả nổi bật và cách làm mới	77
----------------------	---	----

Nghiên cứu - Trao đổi

VŨ TRỌNG LÂM	Bảo vệ, phát huy giá trị tài nguyên di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững	83
NGUYỄN BÁ CHIẾN - NGUYỄN VĂN TẠO	Đổi mới tư duy về thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công hiện nay	89

Thực tiễn - Kinh nghiệm

PHẠM ANH TUẤN	Tỉnh Bình Định: Một số giải pháp trọng tâm nhằm hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng nhiệm kỳ mới	95
NGUYỄN ĐỨC DINH	Phát huy vai trò của Bộ đội Tăng thiết giáp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc	100
LÊ TIẾN TRƯỜNG	Phát triển kinh tế xanh: Cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam	105

- **Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản:**
Số 28 Trần Bình Trọng, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 39 429 753; Fax: (024) 39 429 754
E-mail: bbtccs@tccs.org.vn

- **Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản:**
PGS, TS **LÊ HẢI BÌNH**

- **Cơ quan Thường trực tại miền Trung - Tây Nguyên:**
Số 69 Xô Viết Nghệ Tĩnh, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 080 51301; Fax: 080 51303

- **Cơ quan Thường trực tại miền Nam:**
Số 19 Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 080 84083; Fax: 080 84081

- **Tạp chí Cộng sản điện tử:**
<https://tapchicongsan.org.vn>

Bìa 1: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu tại Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 79. Ảnh: TTXVN



Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề Số 8 (năm 2023):
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tiếp tục xây dựng đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong điều kiện mới



Tạp chí Cộng sản điện tử:
<https://tapchicongsan.org.vn>



Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề Số 9 (năm 2023):
Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới



Hồ sơ sự kiện điện tử:
<https://hssk.tapchicongsan.org.vn>

Lời Bộ Biên tập: Từ ngày 18-9 đến ngày 20-9-2024, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã diễn ra. Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm rất cao, Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước. Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chủ trì và có các bài phát biểu rất quan trọng khai mạc, bế mạc Hội nghị. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu toàn văn Thông báo Hội nghị và các bài phát biểu khai mạc, phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII

THỰC hiện Chương trình làm việc toàn khóa, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp từ ngày 18-9 đến ngày 20-9-2024 tại Thủ đô Hà Nội.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thảo luận, cho ý kiến về các nội dung: Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Dự thảo Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng; Dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát

triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; Báo cáo Tổng kết thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 9-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế bầu cử trong Đảng; dự thảo Tổng kết công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; giới thiệu quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm quốc gia 2025 - 2027; chủ trương đầu tư toàn tuyến Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương; bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII và một số nội dung quan trọng khác.

Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì và có bài phát biểu quan trọng khai mạc, bế mạc Hội nghị.

1- Về các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng

1.1. Về Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương đã nghiên cứu, thảo luận, cơ bản tán thành kết cấu và những nội dung chính của Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV; phân tích, nhấn mạnh, làm sâu sắc thêm ý nghĩa, chủ đề của Đại hội XIV; khẳng định Dự thảo Báo cáo chính trị có nhiều nội dung mới, điểm nhấn khác biệt so với Đại hội XIII, mang tầm chiến lược, lịch sử, có tính chất Cương lĩnh để thực hiện trong giai đoạn tới; đánh dấu mốc quan trọng đặc biệt cho Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với yêu cầu của thời đại, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất nhận định: Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức lớn, nhưng với ý chí, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đạt được những thành tựu, kết quả nổi bật: 1- Phát triển kinh tế cơ bản hoàn thành những mục tiêu chủ yếu, quan trọng. 2- Phát triển văn hóa,

xã hội và con người có nhiều mặt tiến bộ. 3- Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế được nâng tầm. 4- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đồng bộ, trong sạch, vững mạnh toàn diện; cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh quyết liệt, đạt nhiều kết quả quan trọng.

Ban Chấp hành Trung ương xác định, trong nhiệm kỳ Đại hội XIV, cần tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh văn hóa, con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; đưa nước ta trở thành nước đang phát triển, thu nhập trung bình cao, có công nghiệp hiện đại vào năm 2030, thiết thực kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, hướng tới hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thành mục tiêu 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao; tạo tiền đề vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới vì một Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

1.2. Về Dự thảo Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất đánh giá Dự thảo Báo cáo đã được chuẩn bị công phu, toàn diện, khá sâu sắc; thể hiện được những vấn đề mới có tính lý luận rút ra từ thực tiễn. Đây là Báo cáo rất quan trọng góp phần hoàn thiện lý luận của Đảng ta về đổi mới, phát triển đất nước trong 40 năm qua; từ đó tiến hành xây dựng phương hướng, quan điểm, mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo. Ban Chấp hành Trung ương khẳng định những thành tựu mà đất nước ta đã đạt được trong 40 năm xây dựng, phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng là rất to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đồng thời cũng thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, những vấn đề khó khăn đặt ra cho từng lĩnh vực, trên cơ sở đó định hướng giải pháp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Ban Chấp hành Trung ương đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, trí tuệ, trách nhiệm nhằm tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Báo cáo, trong đó tập trung nghiên cứu, đóng góp nhiều ý kiến đánh giá về sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng ta trong 6 lĩnh vực: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục giương cao ngọn cờ tư tưởng, lý luận “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về sự sáng tạo, đột phá lý luận trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về văn hóa, xã hội và con người; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

1.3. Về dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội XIV của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương nhận định: Điều lệ Đảng hiện hành đã được thi hành 3 nhiệm kỳ; cơ bản các nội dung của Điều lệ Đảng hiện hành phù hợp thực tiễn; các quy định, hướng dẫn của Trung ương cụ thể, thuận lợi trong thi hành, qua đó bảo đảm vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương thống nhất chủ trương chưa bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội XIV; trên cơ sở tổng kết công tác thi hành Điều lệ Đảng, đề nghị Đại hội XIV giao Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục triển khai nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng ngay từ đầu nhiệm kỳ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng vào thời điểm phù hợp.

1.4. Về Dự thảo Báo cáo 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

Ban Chấp hành Trung ương nhận định 5 năm qua, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, chưa có tiền lệ, ảnh hưởng nặng nề hơn so với dự báo, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn quân, kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, khá toàn diện, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra.

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Thực hiện ba đột phá chiến lược đạt kết quả tích cực, nhất là về phát triển hạ tầng. Phát triển văn hóa, con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có nhiều mặt tiến bộ. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đạt nhiều kết quả. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao.

Về những hạn chế, yếu kém, Ban Chấp hành Trung ương thẳng thắn chỉ rõ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Nền tảng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa vững chắc. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng. Hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội một số mặt chưa cao...

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân của những kết quả, nguyên nhân của hạn chế, yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm, dự báo tình hình trong nước, quốc tế những năm tới, Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, cho ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Ban Chấp hành Trung ương thông qua nội dung cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV (nêu trên); giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương, Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ

đạo các Tiểu ban hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện trên để lấy ý kiến đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

2- Về Báo cáo Tổng kết thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 9-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế bầu cử trong Đảng

Ban Chấp hành Trung ương đánh giá Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành và thống nhất thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng đúng thời điểm, đã kịp thời cụ thể hóa các nguyên tắc, quy định của Đảng về công tác bầu cử, tháo gỡ những vướng mắc, phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Về cơ bản, hầu hết các nội dung của Quy chế bầu cử trong Đảng vẫn phù hợp với thực tiễn hiện nay. Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất bổ sung, sửa đổi một số nội dung nhằm làm rõ hơn, bảo đảm chặt chẽ, cụ thể, bố cục hợp lý hơn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương, Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo hoàn chỉnh, phê duyệt, ban hành thực hiện.

3- Về dự thảo Tổng kết công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; giới thiệu quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất đánh giá, trong bối cảnh, tình hình có nhiều thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen nhưng Đại hội XIII của Đảng đã bầu được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII cơ bản bảo đảm chất lượng, có số lượng, cơ cấu tương đối phù hợp theo đúng Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng; bảo đảm sự kế thừa, đổi mới, phát triển liên tục đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng; góp phần lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi, toàn diện các nhiệm vụ, mục tiêu theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên các lĩnh vực; nâng cao tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV là công việc hệ trọng; là “then chốt” của “then chốt”, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Trên cơ sở thảo luận dân chủ, trách nhiệm và thẳng thắn, Ban Chấp hành Trung ương xác định mục tiêu, yêu cầu công tác nhân sự Đại hội XIV, trong đó Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV, nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước phải là một tập thể trong sạch, vững mạnh, thật sự đoàn kết, thống nhất cao về ý chí và hành động; tiêu biểu về trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực lãnh đạo và uy tín; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, gắn bó mật

thiết với nhân dân. Thực hiện tốt phương châm: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đi đôi với phát huy, mở rộng dân chủ; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương, Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo hoàn chỉnh, phê duyệt, ban hành thực hiện.

4- Về dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm quốc gia 2025 - 2027

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thống nhất với Dự thảo Tờ trình và các báo cáo do Ban cán sự đảng Chính phủ trình; ghi nhận những nỗ lực của Chính phủ trong việc triển khai tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức. Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, phân tích, làm sâu sắc thêm những kết quả đã đạt được; thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, những khó khăn, vướng mắc, những điểm nghẽn và nguyên nhân, phân tích sâu về bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2024; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm quốc

gia 2025 - 2027. Đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương đã tập trung thảo luận, cho ý kiến về các giải pháp đột phá cần tập trung thực hiện trong năm 2025, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu dự kiến khó đạt và đạt cao hơn đối với các chỉ tiêu dự kiến đạt kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, làm cơ sở tạo đà cho nhiệm kỳ mới.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương, Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo hoàn chỉnh ban hành Kết luận; chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh các Báo cáo, trình Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định.

5- Về chủ trương đầu tư toàn tuyến Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam

Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh sự cần thiết của việc sớm đầu tư Dự án để hiện thực hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị và triển khai các quy hoạch; tăng cường kết nối vùng, miền, các cực tăng trưởng, tạo động lực lan tỏa, mở ra không gian phát triển kinh tế mới; bảo đảm nhu cầu vận tải trên hành lang Bắc - Nam, là hành lang vận tải lớn nhất cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất chủ trương đầu tư toàn tuyến Dự án đường sắt tốc độ cao (350km/h) trên trục Bắc - Nam. Giao Ban cán sự đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để trình Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định thông qua chủ trương, một số cơ

chế, chính sách đặc thù để huy động nguồn lực, thủ tục đầu tư Dự án.

6- Ban Chấp hành Trung ương đồng ý chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương. Giao Ban cán sự đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan có liên quan và địa phương hoàn thiện Đề án trình Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 8.

7- Ban Chấp hành Trung ương thông qua Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị lần thứ chín đến Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị lần thứ mười đến Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2023.

8- Ban Chấp hành Trung ương bầu bổ sung 2 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII, gồm: Đồng chí Hà Quốc Trị, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Khánh Hòa và đồng chí Đinh Văn Cường, Vụ trưởng Vụ Địa bàn I, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung khắc phục hậu quả bão, lũ, sớm ổn định đời sống của nhân dân, khôi phục sản xuất, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2024, tăng tốc về đích thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến tới Đại hội XIV của Đảng. □

PHÁT BIỂU KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tổ chức Hội nghị lần thứ mười. Hội nghị diễn ra vào thời điểm rất đặc biệt: Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, nhà lãnh đạo đặc biệt xuất sắc, nhà tư tưởng, ngọn cờ lý luận của Đảng đã vĩnh biệt chúng ta vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; cơn bão số 3 gây thiệt hại hết sức nặng nề về người và tài sản ở hầu hết các tỉnh, thành phố phía Bắc và toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang tập trung nỗ lực cao nhất để khắc phục hậu quả do cơn bão gây ra...

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi xin chào mừng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, toàn thể đại biểu tham dự hội nghị; chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều thắng lợi trong công tác, cuộc sống.

Hội nghị Trung ương lần này diễn ra sớm hơn và ngắn hơn dự kiến, chúng ta sẽ làm việc cả ngoài giờ hành chính. Hội nghị sẽ thảo luận, cho ý kiến về 10 nội dung thuộc 2 nhóm vấn đề chiến lược và một số việc cụ thể; tài liệu đã được gửi trước khoảng 1

tuần, tôi đề nghị các đồng chí tiếp tục dành thời gian nghiên cứu để có những ý kiến thật xác đáng, phản ánh đúng thực tiễn của bộ, ngành, địa phương mình. Tập trung đóng góp những vấn đề cụ thể và những vấn đề có tính khái quát, nhất là những vấn đề thực tiễn đặt ra chưa được đề cập trong dự thảo các văn kiện nhưng cần phải đánh giá tổng kết các nội dung quan trọng về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, những chủ trương, chính sách đổi mới có tính chiến lược đột phá, khả thi cao. Chúng ta xác định Đại hội XIV là đại hội đánh dấu thời điểm đất nước bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - đòi hỏi ngay từ quá trình xây dựng văn kiện, mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, cần phát huy cao nhất trí tuệ, trách nhiệm của mình. Trên tinh thần đó, tôi gợi mở một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, các công việc để tăng tốc “về đích” thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là mục tiêu cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong năm 2025; là nền tảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự

lãnh đạo của Đảng và hướng tới 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mục tiêu này cần phải được thực hiện với quyết tâm cao nhất, nỗ lực lớn nhất, hành động quyết liệt với giải pháp thực hiện hiệu quả nhất, bảo đảm phải đạt và phấn đấu vượt các mục tiêu đề ra. Đây là trách nhiệm của Đảng trước nhân dân, trước lịch sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc, trước bạn bè quốc tế; là minh chứng khẳng định năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, do vậy phải tập trung mọi nguồn lực, biện pháp để hoàn thành. Dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; phân tích khả năng hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Bộ Chính trị đã thảo luận rất kỹ, đánh giá toàn diện, cân nhắc mọi mặt và quyết định báo cáo để Trung ương thảo luận, cho ý kiến.

Thứ hai, về công tác chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng, có 3 vấn đề:

Một là, về các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng: Với vị trí Báo cáo chính trị là trung tâm; Tổng kết 40 năm đổi mới là báo cáo rất quan trọng để chất lọc tinh hoa đưa vào Văn kiện Đại hội XIV; Báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Báo cáo công tác xây dựng Đảng và thi hành điều lệ Đảng là các báo cáo chuyên đề, đề nghị các đồng chí tập trung thảo luận làm rõ: i- Nội dung Báo cáo chính trị trình hội nghị đã đáp ứng tầm mức của báo cáo trung tâm ở tầm quan

điểm, đường lối, chủ trương, đã đúc kết giá trị của quá khứ, hiện tại và hướng tới tương lai hay chưa? Đã là “ngọn đuốc soi đường” dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đạt các mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIII đã đề ra chưa? ii- Các báo cáo chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng; những vấn đề lý luận và thực tiễn được đúc rút qua tổng kết 40 năm đổi mới đã bao hàm đầy đủ căn cứ cho những luận điểm khái quát trong Báo cáo chính trị chưa? Các báo cáo có nhất quán với nhau và có nhất quán với quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 chưa? iii- Nội dung cụ thể trong từng báo cáo, nhất là những đánh giá về tồn tại, hạn chế và phương hướng chiến lược, nhiệm vụ đột phá đã đề ra. Cần làm rõ, những chủ trương, biện pháp đã “đúng”, “trúng”, có đủ sức đột phá để đưa đất nước bước sang kỷ nguyên mới hay chưa? Những yếu tố mới của thực tiễn cần bổ sung là gì?

Về một số vấn đề cụ thể, mong các đồng chí quan tâm thảo luận: i- Về đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ tiếp theo, phải chăng là tập trung cao nhất cho đột phá về thể chế và phát triển, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển lực lượng sản xuất mới cùng với hoàn thiện quan hệ sản xuất tạo cơ hội và các không gian phát triển mới, tạo động lực then chốt cho sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; cùng với phát triển lực lượng sản xuất mới (kết

hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới) và hạ tầng chiến lược (trọng điểm là hạ tầng giao thông và hạ tầng số và hạ tầng năng lượng). ii- Về phương hướng, giải pháp chiến lược: phải chăng là tập trung hoàn thiện quan hệ sản xuất, trọng tâm là 1- Tinh gọn bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng để đưa dân tộc ta tiến lên. 2- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, Trung ương, Quốc hội, Chính phủ tăng cường hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; đồng thời, cải cách triệt để thủ tục hành chính. 3- Khơi dậy động lực, tinh thần cống hiến vì đất nước, khơi thông mọi nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nhân dân. 4- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển, có cơ chế tập trung định hướng vào công nghệ, nhất là công nghệ nguồn, công nghệ lõi..., đồng thời phát triển phải có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Chủ động tích cực tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Hai là, về chuẩn bị nhân sự cho Đại hội XIV

Công tác nhân sự Đại hội XIV là công việc hệ trọng, là “then chốt” của “then chốt”, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của

Đảng để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Báo cáo tổng kết công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và xây dựng phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV rất hệ trọng, là cơ sở cho việc chuẩn bị nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIV và nhân sự lãnh đạo chủ chốt các cơ quan của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tôi tin tưởng rằng, Ban Chấp hành Trung ương sẽ đề cao trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, trước lịch sử vẻ vang của Đảng và truyền thống cha ông để làm thật tốt việc này với tinh thần công tâm, trong sáng, khoa học, khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, đặt lên hàng đầu lợi ích chung, lợi ích quốc gia, dân tộc và cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Ba là, về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng: Đề nghị các đồng chí thảo luận, cho ý kiến đánh giá kết quả đã đạt được, những hạn chế, vướng mắc, những đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng nhiệm kỳ khóa XIV. Những hạn chế, vướng mắc nào do quy định của Điều lệ Đảng, mức độ đến đâu, đã cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng chưa? Hay chỉ cần điều chỉnh các quy định, hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tôi tin tưởng trí tuệ tập thể sẽ được phát huy cao độ tại hội nghị này. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; chúc hội nghị làm việc hiệu quả và thành công tốt đẹp. □

PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII

Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm rất cao, Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra. Trung ương đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn và thống nhất về nhiều vấn đề quan trọng. Trung ương đánh giá cao cách làm đổi mới, cầu thị của Hội nghị lần này. Trung ương cơ bản thống nhất với các đánh giá, bài học kinh nghiệm, bối cảnh tình hình, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá đã nêu trong các dự thảo các Báo cáo.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi ghi nhận, đánh giá cao, biểu dương tinh thần làm việc khoa học, thẳng thắn, trách nhiệm, hiệu quả, đổi mới của Trung ương; công tác chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, chất lượng của các Tiểu ban, của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có liên quan. Hội nghị Trung ương rút ngắn thời gian nhưng rất bảo đảm chất lượng. Sau đây, tôi xin khái quát, nhấn mạnh và gợi mở một số vấn đề để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện:

1- Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao về nhận thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng:

Thống nhất xác định thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là mục

tiêu cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong năm 2025. Nhiệm vụ này sẽ được thực hiện với quyết tâm cao nhất, nỗ lực lớn nhất, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm với các giải pháp thực hiện hiệu quả nhất, tập trung mọi nguồn lực, biện pháp, phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu đề ra.

Trung ương thống nhất cao với phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, về bối cảnh tình hình, quan điểm phát triển, mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Với những kết quả đạt được từ năm 2021 đến nay và dự kiến phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, chúng ta sẽ phấn đấu đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025 do Đại hội XIII đề ra; thực tế đến nay vẫn còn khó khăn, thách thức nhất là việc thực hiện chỉ tiêu GDP - chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng tăng trưởng và việc bảo đảm thực hiện các mục tiêu chiến lược.

Trung ương yêu cầu cả hệ thống chính trị, trước hết là Chính phủ, người đứng đầu các ban, bộ, ngành, địa phương phải thực sự quyết tâm, quyết làm, có các giải pháp quyết liệt, dứt điểm, tăng tốc để thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 được Trung ương thông qua; đạt cho được các chỉ tiêu, nhất là chỉ tiêu GDP

và tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Cần chú trọng tập trung cao nhất các giải pháp ưu tiên để bảo đảm tăng trưởng cao của nền kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, chăm lo tốt nhất cho đời sống người dân, đặc biệt là đối với các địa phương chịu hậu quả nặng nề của cơn bão số 3; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và không ngừng nâng cao vị thế và đóng góp của Việt Nam vào hoà bình, ổn định phát triển của khu vực và thế giới.

2- Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thống nhất với những nội dung chủ yếu về các dự thảo văn kiện, công tác nhân sự và một số vấn đề cụ thể

2.1. Về văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng

Trung ương thống nhất đánh giá: Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết và Văn kiện Đại hội XIV phải đề ra được định hướng chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, nguồn lực con người là nền tảng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam.

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Trung ương cơ bản đã đáp ứng yêu cầu là Báo cáo trung tâm, rõ và mới ở tầm quan điểm, đường lối, chủ trương lớn; các báo cáo về chiến lược

phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng thực sự là các báo cáo chuyên đề, bổ sung quan trọng và cụ thể hóa Báo cáo chính trị; Báo cáo Tổng kết 40 năm đổi mới đã đúc rút khá toàn diện các căn cứ phục vụ xây dựng Báo cáo chính trị.

Trên cơ sở kiên định hệ quan điểm chỉ đạo mang tính nguyên tắc của Đảng; các báo cáo đã làm rõ những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, con người, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, cơ bản đã hoàn thiện chỉnh thể chủ trương, biện pháp “đúng”, “trúng”, có tính đột phá để đưa đất nước bước sang kỷ nguyên mới. Tổng kết 40 năm đổi mới đã thể hiện được những vấn đề mới về lý luận rút ra từ thực tiễn, là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Tuy nhiên, Trung ương cũng yêu cầu cần phải tiếp tục tập trung rà soát, bổ sung, hoàn thiện các báo cáo. Đối với Báo cáo chính trị, cần phải đạt tầm mức công trình khoa học kết tinh trình độ lý luận, tầm cao trí tuệ của toàn Đảng, niềm tin và khát vọng của cả dân tộc, phản ánh những quy luật khách quan, xu thế vận động mới của thời đại và thực tiễn đất nước; kết tinh toàn bộ tinh hoa, giá trị của quá khứ, hiện tại và hướng tới tương lai; không quá dài, chỉ rõ những định hướng lớn để các cấp ủy, mọi đảng viên thấm nhuần và thực hiện; thật sự là “ngọn đuốc soi đường” dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào kỷ nguyên mới, sớm đạt các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng phải thể hiện rõ những luận điểm khái quát trong Báo cáo chính trị; *Tổng kết 40 năm đổi mới* phải phản ánh đầy đủ thực tiễn đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, củng cố luận cứ vững chắc để định ra phương pháp cho cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Trung ương thống nhất xác định 4 nhóm vấn đề lớn để tiếp tục hoàn thiện Văn kiện đó là:

1- *Về đột phá chiến lược*, thống nhất cao xác định đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, nguồn lực trong dân, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước và phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức, cán bộ; đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là ưu tiên cao nhất.

2- *Về phương hướng, giải pháp chiến lược*, có 8 vấn đề đó là: i- Tập trung xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, trọng tâm là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà Cương lĩnh của Đảng đã xác định (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Cộng sản lãnh đạo); ii- Kiên định phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm, đẩy mạnh ba đột phá chiến lược, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại và hội

nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất; iii- Giữ vững độc lập, tự chủ; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế; bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa; kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tinh - gọn - mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo tinh thần tự lực, tự cường; iv- Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; kiên định lập trường, quan điểm và thực hành nghệ thuật ngoại giao thời đại mới thể hiện cốt cách con người Việt Nam “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, “hòa hiếu”, “lấy chí nhân thay cường bạo”; tăng cường đóng góp thiết thực của Việt Nam trong duy trì hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới.

v- Phát triển văn hóa, con người; kiên định lập trường, quan điểm và thực hành “Dân là gốc”, “Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới”; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng cống hiến của mọi người dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc với phương châm dân biết, dân bàn, dân giám sát, dân kiểm tra, dân thụ hưởng. vi- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân,

vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, Trung ương, Quốc hội, Chính phủ tăng cường, sáng tạo hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo, phục vụ và tăng cường kiểm tra, giám sát; đồng thời, cải cách triệt để, giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp. Khuyến khích tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo của các địa phương; vii- Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, khuyến khích bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, đồng thời phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, không làm ảnh hưởng, cản trở phát triển kinh tế, xã hội; viii- Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển. 3- *Về một số vấn đề mới từ thực tiễn* cần tiếp tục khẩn trương tổng kết, làm rõ để xác định trong Văn kiện, như quản trị quốc gia và quản trị địa phương; sự đồng bộ giữa cơ chế điều hành, quản lý, quản trị phát triển trong nền kinh tế thị trường; mối quan hệ giữa tư duy quản lý và tư duy phát triển; nội hàm, cách thức, con đường để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nội hàm, mục tiêu, giải pháp thực hiện thành công đổi mới sáng tạo, công nghệ số trong kỷ nguyên mới; cách thức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để bảo đảm hiệu quả, chống lãng phí; đổi mới tư duy, quan điểm, quy trình xây dựng Luật, cơ quan làm luật; vấn đề đúng vai, thuộc bài trong thực hiện

“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; chính sách xã hội đi đôi với phát triển xã hội; nội hàm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. 4- *Khắc phục các hạn chế đã nêu trong các báo cáo chính trị, kinh tế - xã hội* (về thể chế và pháp luật; vận hành bộ máy; huy động, sử dụng, phân bổ nguồn lực; công nghiệp hoá, hiện đại hóa, liên kết vùng, công nghiệp văn hóa, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo, ô nhiễm môi trường; về hiệu quả sản xuất).

2.2. *Về công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng*: Trung ương nhất trí cao trong trong giai đoạn mới, tiếp tục tập trung vào các nhóm giải pháp xây dựng Đảng, đó là: 1- Tiếp tục tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy tổ chức Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “bộ tổng tham mưu”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong điều kiện mới. 2- Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng; đổi mới mạnh mẽ việc ban hành, quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; làm cho mỗi nghị quyết mới ban hành phải giải quyết được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn, mang tính dẫn dắt, mở đường và được thực hiện hiệu quả trên thực tế cho nhân tố mới phát triển. 3- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong Đảng; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương

thức, nguyên tắc, đường lối công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của Đảng.

Trung ương thống nhất đánh giá việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng là vấn đề rất lớn, hệ trọng, cần được chuẩn bị hết sức thận trọng, khoa học, nghiên cứu bài bản, kỹ lưỡng và tiến hành đồng thời với việc nghiên cứu, bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập. Cơ bản các nội dung của Điều lệ Đảng hiện hành phù hợp với thực tiễn; các quy định, hướng dẫn của Trung ương cụ thể, thuận lợi trong thi hành, bảo đảm vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong tình hình mới. Các vướng mắc, bất cập trong thi hành Điều lệ Đảng có thể được giải quyết, khắc phục thông qua việc bổ sung, sửa đổi các văn bản, quy định hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trung ương thống nhất chủ trương chưa bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội XIV; trên cơ sở tổng kết công tác thi hành Điều lệ Đảng, đề nghị Đại hội XIV giao Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục triển khai nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng ngay từ đầu nhiệm kỳ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng vào thời điểm phù hợp.

2.3. Trung ương tán thành các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế bầu cử trong Đảng; thống nhất giao Bộ Chính trị chỉ đạo tiếp thu ý kiến của Trung ương, hoàn chỉnh để kịp thời ban hành.

2.4. Về phương hướng công tác nhân sự: Trung ương thống nhất với Tờ trình, Báo cáo tổng kết công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và xây dựng phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, giao Tiểu ban Nhân sự nghiêm túc tiếp thu ý kiến của Trung ương, hoàn chỉnh Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV để ban hành theo quy định.

2.5. Trung ương thống nhất cao, cơ bản đồng tình với báo cáo kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2.6. Trung ương thống nhất chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, xác định đây là nhiệm vụ chính trị và ưu tiên nguồn lực đầu tư thực hiện sớm; thống nhất chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương và một số vấn đề quan trọng khác.

Như vậy, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã hoàn thành chương trình đề ra và thành công rất tốt đẹp, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, thành công, lãnh đạo cấp ủy, đơn vị mình thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10, tập trung cao nhất các công việc “về đích” để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các công việc chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội XIV của Đảng; các Tiểu ban tập trung hoàn thiện, bảo đảm cao nhất chất lượng văn kiện phục vụ thảo luận tại đại hội đảng các cấp, lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân. □



TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MẠNH MẼ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG - YÊU CẦU CẤP BÁCH CỦA GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

TÔ LÂM

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lời Bộ Biên tập: Ngày 16-9-2024, Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bài viết “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng - Yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới”. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết rất quan trọng của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

1- Trong hơn 94 năm lãnh đạo Cách mạng, Đảng ta không ngừng tìm tòi, phát triển, bổ sung, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, đưa con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đất nước đang đứng trước thời điểm lịch sử mới, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền để đưa dân tộc tiếp tục tiến lên đang đặt ra cấp bách.

Khái niệm “đảng cầm quyền” lần đầu tiên được V.I. Lê-nin nêu ra năm 1922. Từ những năm 1925 - 1927, trong cuốn *Đường Kách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu về đảng cầm quyền. Bác coi vấn đề Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là nguyên tắc thể hiện vai trò cầm quyền của Đảng; Đảng giữ trọng trách to lớn

đó vì mục đích của Đảng không có gì khác là “lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”⁽¹⁾, “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”⁽²⁾, “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”⁽³⁾. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền”⁽⁴⁾. Về cách lãnh đạo, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành riêng một mục nói về vấn đề này. Người đã đặt câu hỏi: *Lãnh đạo đúng nghĩa là thế nào?* và trả lời: *Lãnh đạo đúng nghĩa là: 1- Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng... 2- Phải tổ chức sự thi hành*

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 5

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 290, 289

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr. 622

cho đúng... 3- Phải tổ chức sự kiểm soát...⁽⁵⁾; và để làm cho đúng cả 3 việc, theo Người, đều phải dựa vào dân.

Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội VII của Đảng lần đầu tiên đề cập “đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng”⁽⁶⁾, nhấn mạnh cần “quy định cụ thể mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, trước hết là ở Trung ương”⁽⁷⁾. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 xác định phương thức lãnh đạo của Đảng, đó là: “Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị”⁽⁸⁾; “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”⁽⁹⁾. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII khẳng định: “Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua các cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước”⁽¹⁰⁾. Các Đại hội VIII, IX, X, XI và XII đều tiếp tục bổ sung, phát triển quan điểm về phương thức lãnh đạo của Đảng; Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới”⁽¹¹⁾. Trên cơ

sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17-11-2022, “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”. Vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được khẳng định trong các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” cũng sớm được khẳng định và thực thi bằng các quy định chặt chẽ trong Hiến pháp, Điều lệ Đảng, các văn kiện của Đảng và các quy định của pháp luật, cũng như các quy chế, quy định của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, các hội quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng với phương pháp, cách thức cầm quyền dân chủ, khoa học, thường xuyên được đổi mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ từng thời kỳ, sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, sự nghiệp đổi mới nói riêng đã lập nhiều kỳ tích, đạt được thành tựu vĩ đại. Từ một đất nước chưa có tên trên bản đồ thế giới, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã vươn lên trở thành biểu tượng hòa bình, ổn định, hiếu khách, điểm đến của các nhà đầu tư và khách du lịch quốc tế. Từ một nền kinh tế lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên lọt vào top 40 nền kinh tế hàng đầu, có quy mô thương mại trong top 20 quốc gia trên thế giới, mắt xích quan trọng trong 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gắn kết với 60 nền kinh tế chủ chốt ở khu vực

(5) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 325

(6), (7), (8), (9) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr. 301, 301, 329, 330

(10) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 438, 439

(11) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 196

và toàn cầu. Từ một đất nước bị bao vây, cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 30 nước, trong đó có tất cả nước lớn, và là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế. Lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân là mục tiêu phấn đấu, Việt Nam được Liên hợp quốc và bạn bè quốc tế xem như một câu chuyện thành công, một điểm sáng về xóa đói, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Đồng thời, đã hình thành thể chế chính trị ổn định với cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng qua nhiều lần kiện toàn, từng bước định hình, đang tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại. Hệ thống chính trị được xây dựng, hoàn thiện, khẳng định vai trò lãnh đạo, quản lý, điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thật sự là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các giai cấp, tầng lớp nhân dân; đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Thể chế đó ngày càng khẳng định sự phù hợp và tính ưu việt, được tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân tin tưởng, ủng hộ, bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Tuy nhiên, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Vẫn còn tình trạng ban hành nhiều văn bản, một số văn bản còn chung chung, dàn trải, trùng lặp, chậm bổ sung, sửa đổi, thay thế. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế, nhưng tính khả thi không cao. Mô hình tổng thể của hệ thống chính trị chưa

hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh. Mô hình tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn những bất cập, làm cho ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý khó phân định, dễ dẫn đến bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng còn chậm; hội họp vẫn nhiều.

2- Để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, bảo đảm Đảng là người cầm lái vĩ đại, đưa dân tộc ta tiến lên mạnh mẽ, cần tiến hành một số công tác trọng tâm, đó là:

Thứ nhất, thống nhất nhận thức và thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tuyệt đối không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng cương lĩnh, đường lối, chính sách và sự tiên phong gương mẫu, thường xuyên tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên; bằng thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước; sự vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, giới thiệu đại biểu ưu tú vào bộ máy nhà nước và thông qua công tác kiểm tra - giám sát. Thông qua cầm quyền bằng pháp luật, Đảng lãnh đạo định ra Hiến pháp và pháp luật, đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Cán bộ, đảng viên của Đảng chấp hành, “thượng tôn” pháp luật. Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội; quyền lực của đảng cầm quyền là quyền lực về việc đề ra chủ trương, đường lối, còn quyền lực của Nhà nước là ban hành pháp luật, tổ chức, quản lý xã hội trên cơ sở pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng để bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Đảng lãnh đạo toàn diện đất

nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “cơ quan tham mưu chiến lược”, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước. Xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp ủy thực sự tinh gọn; cán bộ tham mưu có phẩm chất chính trị, có năng lực, trình độ chuyên môn giỏi, tinh thông nghề nghiệp, trách nhiệm và thông thạo công việc. Nghiên cứu, đẩy mạnh việc hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng; sớm đánh giá toàn diện việc kiêm nhiệm chức danh của Đảng và hệ thống chính trị để có quyết sách phù hợp. Bảo đảm nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng không trùng với nhiệm vụ quản lý; phân biệt và quy định rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp lãnh đạo trong các loại hình tổ chức đảng, tránh tình trạng bao biện làm thay, hoặc tồn tại song trùng, hình thức. Đổi mới mạnh mẽ tác phong, lề lối làm việc theo hướng khoa học, chuyên nghiệp, với phương châm “đúng vai, thuộc bài”.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng thật sự là các “hạt nhân chính trị ở cơ sở”. Nghị quyết của các cấp ủy, tổ chức đảng phải ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện; phải xác định đúng và trúng yêu cầu, nhiệm vụ, con đường, cách thức phát triển của đất nước, của dân tộc, của từng địa phương, từng bộ, ngành; phải có tầm nhìn, tính khoa học, tính thực tiễn, thiết thực và tính khả thi; tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thúc đẩy hành động của cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế, doanh nghiệp và nhân dân thực hiện Nghị quyết của Đảng. Việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết phải tạo ra sự tự nhận thức, tự thấm nhuần, nhất là những quan điểm, chủ trương, giải pháp mới. Tập trung xây dựng chi bộ tốt, đảng

viên tốt; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của Đảng. Đảng kiểm tra, giám sát để công việc được thực hiện tốt hơn, nghị quyết được thực hiện hiệu quả; bộ máy của Đảng, Nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đúng chủ trương, đường lối, đúng người, đúng việc; kịp thời phát hiện nhân tố mới, cách làm hay, sáng tạo; uốn nắn, điều chỉnh biểu hiện lệch lạc, chệch hướng hoặc ngăn chặn hành vi sai trái, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phát huy cao độ vai trò kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp. Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền kiểm tra, giám sát gắn với phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng kiểm tra, giám sát để tham nhũng, tiêu cực. Tập trung chuyển đổi số trong công tác đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và văn kiện của Đảng, kết nối từ Trung ương tới cơ sở, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu khác, phục vụ hiệu quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

V.I. Lê-nin đã dạy: “Khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đảng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua”⁽¹²⁾. Thực tiễn đổi mới luôn vận động, phát triển, đòi hỏi đổi mới không ngừng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trên cơ sở kiên định các nguyên tắc của Đảng; thấm nhuần lời dạy của Tổng Bí thư Lê Duẩn: Phải lãnh đạo chặt chẽ và có nguyên tắc, không bao giờ lung lay trước những khó khăn, thử thách của cách mạng. □

(12) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t. 44, tr. 398

KHẨN TRƯƠNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BÃO, LŨ, NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, TÍCH CỰC KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, KINH DOANH, THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

PHẠM MINH CHÍNH

Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lời Bộ Biên tập: Bão số 3 (Yagi) - cơn bão mạnh nhất trên Biển Đông trong vòng 30 năm qua, đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản đối với 26 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bộ Chính trị, lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng thực hiện khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả bão, lụt. Sự vào cuộc chủ động, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, tinh thần đoàn kết, chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã góp phần giảm đến mức tối đa thiệt hại do Bão số 3 gây ra. Ngày 21-9-2024, Đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có bài viết: “Khẩn trương khắc phục hậu quả bão, lũ, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, tích cực khôi phục sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát”. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết rất quan trọng của Đồng chí Thủ tướng Chính phủ.

1- Bão số 3 là cơn bão mạnh nhất trên Biển Đông trong vòng 30 năm qua và mạnh nhất trên đất liền ở nước ta trong khoảng 70 năm qua, có cường độ rất cao, tốc độ rất lớn,

phạm vi rộng, vùng gần tâm bão mạnh cấp 14, giật cấp 17, thời gian kéo dài, sức tàn phá mạnh và tác động, ảnh hưởng rất nặng nề trên phạm vi rất rộng ở hầu hết các địa phương

(1) Mưa lớn ở các tỉnh miền núi phía Bắc lên đến 400 - 600 mm, một số nơi trên 700 mm đã gây ra đợt lũ lớn tại hầu hết các sông ở Bắc Bộ, đặc biệt lũ sông Hồng tại Yên Bái đã vượt mức lũ lịch sử năm 1968 khoảng 1,3 mét. Mưa lớn hoàn lưu sau bão gây ra tình trạng ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ở nhiều nơi, nghiêm trọng nhất là tại các tỉnh Cao Bằng (huyện Nguyên Bình), Lào Cai (các huyện, thị xã Bát Xát, Sa Pa, Si Ma Cai, Bắc Hà), Yên Bái (các huyện Văn Chấn, Lục Yên, thành phố Yên Bái), Hòa Bình (huyện Đà Bắc)...

Bắc Bộ; trong đó có 2 vấn đề phức tạp, khó dự báo là thời gian bão kéo dài trong đất liền và hoàn lưu bão có mưa rất lớn. Lượng mưa lớn trong cơn bão và hoàn lưu sau bão đã gây ra tình trạng ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ở nhiều địa bàn miền núi và lũ lớn tại hầu hết các sông ở Bắc Bộ⁽¹⁾, dẫn đến thiệt hại rất nghiêm trọng về người, tài sản, cây trồng, vật nuôi, hạ tầng kinh tế - xã hội, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các ngành, các lĩnh vực, nhất là nông nghiệp tại các địa phương bị ảnh hưởng.

Trước diễn biến phức tạp của cơn bão số 3 và mưa lũ sau bão, Bộ Chính trị, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng thực hiện khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả mưa bão. Ngày 9-9-2024, trong lúc đang mưa lũ do hoàn lưu bão, Bộ Chính trị đã họp, chỉ đạo toàn hệ thống chính trị tập trung ứng phó với bão, lũ. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có Thư thăm hỏi đồng bào, chiến sĩ bị ảnh hưởng của cơn bão số 3; trực tiếp đi kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả tại một số địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 10 công điện; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương theo dõi sát tình hình, tập trung ứng phó bão, mưa lũ từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở với phương châm phải chủ động, quyết liệt, phòng ngừa, ứng phó hiệu quả ở mức cao nhất, sẵn sàng cho các tình huống xấu nhất. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các địa phương trực tiếp đi kiểm tra, chỉ đạo triển khai công tác ứng phó, khắc phục hậu quả bão, lũ và kịp thời động viên, thăm hỏi người dân và các lực lượng tham gia phòng, chống bão, lũ, nhất là các gia đình, địa phương có mất

mất về người để giảm thiểu thiệt hại ít nhất có thể. Các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân đã chủ động phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả bão, lũ. Huy động gần 700 nghìn người và gần 9 nghìn phương tiện ứng phó với bão, mưa lũ, sạt lở đất, lũ quét; chủ động triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân⁽²⁾. Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời quyết định trích dự phòng ngân sách trung ương, xuất cấp gạo từ dự trữ quốc gia hỗ trợ các địa phương⁽³⁾. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức Lễ phát động ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ gây ra; đến ngày 21-9-2024 đã huy động được tổng số tiền trên 1.646 tỷ đồng.

2- Mặc dù sự chủ động, tích cực vào cuộc từ sớm, từ xa, từ cơ sở và sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng, cộng đồng doanh nghiệp và người dân đã góp phần rất quan trọng giảm thiểu tác động, ảnh hưởng của bão, lũ, **nhưng thiệt hại vẫn còn rất lớn và để lại hậu quả nghiêm trọng, nặng nề**, làm hàng trăm người chết và mất tích, hàng nghìn người bị thương; hàng trăm nghìn ngôi nhà

(2) Các cơ quan, lực lượng chức năng đã hướng dẫn trên 51 nghìn tàu cá và 220 nghìn người, phương tiện, tàu vận tải hoạt động trên biển thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc về nơi tránh trú an toàn; tổ chức sơ tán 53 nghìn người trên lồng bè, chòi canh nuôi thủy sản, nhà yếu; sơ tán, di dời trên 74,5 nghìn hộ và trên 130 nghìn người tại các vùng ngập sâu do lũ đến nơi an toàn.

(3) Đến ngày 21-9-2024, Trung ương đã hỗ trợ 350 tỷ đồng, 432 tấn gạo, 19 tấn hóa chất khử khuẩn môi trường Chloramin B, 3 triệu viên khử khuẩn nước Aquatabs; hiện nay các địa phương đang tổng hợp, thống kê thiệt hại để đề xuất, kiến nghị Trung ương hỗ trợ.

bị ngập, hư hỏng; hàng trăm nghìn héc-ta lúa, hoa màu, cây ăn quả bị ngập úng, thiệt hại; hàng nghìn lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền bị hư hỏng, cuốn trôi; hàng triệu con gia súc, gia cầm bị chết; gây mất điện, mất liên lạc trên diện rộng ở một số địa phương; hàng trăm sự cố đê điều, tình trạng sạt lở, ngập lụt, chia cắt giao thông cục bộ; nhất là những tổn hại về tinh thần của người dân và sự đau thương, mất mát không gì có thể bù đắp được của những người thân, gia đình có người đã mất, người bị thương do bão, lũ gây ra⁽⁴⁾.

Trước những tổn thất, mất mát to lớn của đồng bào ở những vùng bị thiệt hại, chúng ta vô cùng tiếc thương, thấu hiểu, chia sẻ với những giọt nước mắt, những nỗi đau buồn khôn nguôi của những gia đình đã không may mất đi những người thân yêu. Đi bất cứ nơi đâu trong vùng bị ảnh hưởng của bão, lũ, chúng ta đều cảm thấy xót xa, đau đớn khi tận mắt chứng kiến những ngôi làng, mái nhà, đồng ruộng, vườn cây, ao cá, lồng bè, tài sản của đồng bào bị lũ lụt tàn phá. Chúng ta không bao giờ quên những tấm gương dũng cảm, hy sinh quên mình của các lực lượng tuyến đầu, nhất là cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an đã không quản ngại nguy hiểm, khó khăn để ứng cứu đồng bào, tìm kiếm, cứu nạn trong bão, lũ, trong đó có những đồng chí đã anh dũng hy sinh, thể hiện bản chất tốt đẹp của “*Bộ đội Cụ Hồ*”, của người chiến sĩ Công an nhân dân “*vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”. Chúng ta xúc động và cảm phục về sự chủ động, tích cực, đoàn kết, tinh thần nỗ lực vượt khó của người dân trong vùng bão, lũ, đặc biệt là những tấm gương nhanh trí, sáng tạo, dũng cảm thực hiện các nhiệm vụ nguy hiểm, như kịp thời đưa người dân trong thôn, bản tránh khỏi lũ quét, cứu tàu thuyền trôi tự do trên sông lớn chảy xiết.

Những “*chuyến xe nghĩa tình*”, những tấm lòng hảo tâm, nghĩa cử cao đẹp giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn là minh chứng rõ nét cho tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và truyền thống tốt đẹp yêu nước, thương nòi của dân tộc ta. Chúng ta cũng luôn ghi nhớ sự chia sẻ, giúp đỡ quý báu của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và sự hỗ trợ kịp thời của nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế. Từ thực tiễn công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả bão, lũ, chúng ta càng ***củng cố, tăng cường niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, toàn quân ta***, nhất là sự đồng tâm, hiệp lực của các cấp, các ngành, các địa phương và tình cảm gắn kết bền chặt của đồng bào, chiến sĩ trong những lúc khó khăn, hoạn nạn, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta.

Trong điều kiện còn nhiều hạn chế, bất cập, vượt qua những khó khăn, thách thức lớn trong phòng, chống thiên tai, bão, lũ, chúng ta càng nhận thấy rõ những yếu tố mang tính nền tảng, là cội nguồn sức mạnh của đất nước được phát huy mạnh mẽ, trong đó nổi bật là “***Sáu điểm tựa Việt Nam***” bao gồm: 1- Điểm tựa về tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết trong Đảng, đoàn kết

(4) Theo thống kê sơ bộ bước đầu của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, bão số 3 và hoàn lưu sau bão đã tác động nặng nề, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm 337 người chết và mất tích, 1.929 người bị thương; hư hỏng 238 nghìn ngôi nhà; trên 195 nghìn héc-ta lúa, 47 nghìn héc-ta hoa màu, 36 nghìn héc-ta cây ăn quả bị ngập úng, thiệt hại; trên 4,7 nghìn lồng bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng, cuốn trôi; trên 3,2 triệu gia súc, gia cầm bị chết; đồng thời gây mất điện, mất liên lạc trên diện rộng ở một số địa phương, xảy ra 766 sự cố đê điều, tình trạng sạt lở, ngập lụt, chia cắt giao thông cục bộ. Tổng thiệt hại kinh tế ước tính ban đầu khoảng 61 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GDP nhiều địa phương chậm lại, dẫn đến GDP cả nước trong năm 2024 có thể giảm 0,15% so với kịch bản đề ra.

trong nhân dân, đoàn kết trong nước, đoàn kết quốc tế, “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”, như Bác Hồ kính yêu đã căn dặn; 2- Điểm tựa Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh lãnh đạo; gần 95 năm qua Đảng không có mục tiêu nào khác ngoài mục tiêu mang lại độc lập, tự do cho dân tộc và cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân; 3- Điểm tựa truyền thống lịch sử - văn hóa hào hùng, văn minh, văn hiến của dân tộc, với tinh thần tương thân, tương ái “*thương người như thể thương thân*”, “*lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều*”, “*bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”; 4- Điểm tựa Nhân dân, Nhân dân làm nên lịch sử, sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, “*Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*”; 5- Điểm tựa Quân đội và Công an; “*khi cần, khi khó có Quân đội, Công an*”, “*Quân đội ta từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu*”, “*Công an ta, vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”; 6- Điểm tựa tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc ta, của mỗi người khi khó khăn, thách thức, càng áp lực lại càng nỗ lực, phấn đấu vươn lên, vượt qua giới hạn của bản thân, với tinh thần “*biến không thành có, biến khó thành dễ, biến cái không thể thành có thể*”.

3- Đề khẩn trương khắc phục hậu quả cơn bão số 3, các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng và đồng bào, chiến sĩ cả nước cần tiếp tục tập trung quán triệt nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là tập trung thực hiện hiệu quả 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về bảo vệ tính mạng, an toàn, sức khỏe của nhân dân; hỗ trợ ổn định cuộc sống nhân dân; phục hồi,

phát triển sản xuất, kinh doanh; chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thiên tai, bão, lũ; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để triển khai các chính sách hỗ trợ; kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 143/NQ-CP, ngày 17-9-2024 của Chính phủ, “*Về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để khẩn trương khắc phục hậu quả bão số 3 (Yagi), nhanh chóng ổn định tình hình nhân dân, đẩy mạnh khôi phục sản xuất, kinh doanh, tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát tốt lạm phát*”.

Trong đó, **khẩn trương khắc phục hậu quả sau bão lũ, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân** được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, đặc biệt là đối với các cấp ủy, chính quyền, các lực lượng chức năng ở cơ sở. Tập trung tìm kiếm người mất tích; kịp thời cứu chữa người bị thương; thăm hỏi, chia sẻ, động viên, hỗ trợ hậu sự cho người đã mất; kiểm tra, tiếp cận bằng được những nơi còn bị chia cắt nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho người dân. Cung cấp lương thực, thực phẩm, nước sạch, chỗ ở cho những người dân bị mất nhà ở; rà soát, thực hiện việc tái định cư cho các hộ gia đình bị mất nhà ở, bảo đảm hoàn thành sớm nhất có thể, trước ngày 31-12-2024 với điều kiện sống tốt hơn nơi ở cũ. Bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh; khẩn trương đưa học sinh tới trường và đưa các bệnh viện, cơ sở y tế vào hoạt động ngay trong tháng 9-2024. Sớm khôi phục, bảo đảm các hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, sóng điện thoại, cung cấp điện, nước sạch, các dịch vụ xã hội cơ bản thông suốt. Rà soát, có biện pháp hỗ trợ phù hợp khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm việc làm, sinh kế của người dân trong tất cả các lĩnh vực, nhất là công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Giữ

vững ổn định chính trị, an ninh, an toàn và bảo đảm trật tự xã hội trên địa bàn. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông, không để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng xuyên tạc, chống phá. Đồng thời, tiếp tục rà soát, thống kê đầy đủ thiệt hại để kịp thời đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, sử dụng dự trữ quốc gia, dự phòng ngân sách trung ương và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả bão, lũ theo quy định pháp luật.

4- Cùng với việc sớm ổn định đời sống nhân dân, chúng ta cần tập trung **khôi phục sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát**. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ này mới có thể bảo đảm sự ổn định, bền vững của đời sống, sinh kế của người dân vùng bị ảnh hưởng của bão lũ nói riêng và nhân dân cả nước nói chung; đồng thời, mới tạo ra được nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng và cả nước.

Về khôi phục sản xuất, kinh doanh, các bộ, ngành, địa phương cần tập trung rà soát các cơ chế, chính sách để hỗ trợ kịp thời, hiệu quả các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp để khôi phục nhanh chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, phục hồi và thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh. Khẩn trương thực hiện miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, thuê mặt nước... cho các doanh nghiệp, tổ chức, người dân bị ảnh hưởng, thiệt hại; thực hiện kịp thời việc tạm ứng, chi trả quyền lợi bảo hiểm; ưu tiên bố trí nguồn lực để sớm khắc phục các sự cố, hư hỏng về hệ thống giao thông, đê điều, hồ chứa thủy lợi. Thực hiện các giải pháp chính sách tiền tệ, như cơ cấu lại thời hạn, giữ nguyên nhóm nợ, xem xét

miễn, giảm lãi vay,... cho các khách hàng bị thiệt hại; bổ sung nguồn lực thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội; tiếp tục cho vay mới đối với khách hàng để khôi phục sản xuất, kinh doanh sau bão, lũ. Tập trung khôi phục ngay năng lực sản xuất nông nghiệp; nhân cơ hội này cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi ở các vùng, các địa phương theo hướng thuận thiên, hiệu quả, bền vững hơn; kịp thời hỗ trợ giống, thức ăn, hóa chất và các vật tư cần thiết. Sớm đưa các khu công nghiệp, các dự án sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ bị ảnh hưởng trở lại hoạt động bình thường; khôi phục nhanh chóng các cơ sở logistics và kho bãi bị hư hỏng, không để gián đoạn chuỗi cung ứng. Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính để sớm sửa chữa, xây dựng lại công trình, nhà xưởng bị ảnh hưởng bởi hậu quả thiên tai phục vụ kịp thời phục hồi sản xuất, kinh doanh; áp dụng quy trình, thủ tục đầu tư khẩn cấp đối với các công trình, dự án phòng, chống bão, lũ. Các địa phương chủ động, tích cực huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, phối hợp chặt chẽ cùng các bộ, cơ quan trung ương để tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ theo tinh thần Nghị quyết số 143/NQ-CP của Chính phủ.

Về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, cần xác định rõ đây là một trong những nội dung trọng tâm, nhất quán, xuyên suốt và quan trọng nhất trong công tác chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, xanh và bền vững, góp phần cấu trúc lại nền kinh tế theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Từ nay đến cuối năm 2024 và trong năm 2025, các cấp, các ngành, các địa phương cần tiếp tục tập trung theo dõi sát, nắm chắc tình hình thị trường, giá cả; bảo

đảm cung ứng đầy đủ nguồn hàng, ổn định giá các mặt hàng thiết yếu, nguyên vật liệu cho đời sống và sản xuất, kinh doanh; tuyệt đối không để xảy ra thiếu lương thực, thực phẩm; tiếp tục nghiên cứu tái cấu trúc chuỗi cung ứng năng lượng theo hướng xanh, bền vững và phù hợp với điều kiện tự nhiên của đất nước và nhu cầu của nhân dân; trong ngắn hạn và trung hạn phải tập trung bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu, điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm hàng tăng giá, thao túng giá. Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác để ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tăng cường tiếp cận tín dụng và tiết giảm chi phí, tiếp tục phấn đấu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế. Thực hiện hiệu quả chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các chính sách giãn, hoãn, giảm thuế, phí, lệ phí...; tăng cường tiết kiệm chi, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho an sinh xã hội, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và đầu tư phát triển. Đẩy mạnh hơn nữa giải ngân vốn đầu tư công; ưu tiên bố trí vốn, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia, có tính liên tỉnh, liên vùng, kết nối quốc gia, khu vực, quốc tế. Chú trọng nghiên cứu, khắc phục những hạn chế, bất cập của các thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số địa phương và các dự án vướng mắc, tồn đọng khác theo tinh thần chỉ đạo của

Bộ Chính trị; qua đó góp phần giải phóng nguồn lực, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tăng trưởng kinh tế.

Tập trung làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (*đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu*) và thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (*như phát triển đô thị, kinh tế vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức, các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...*); trong đó, đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế số và chuyển đổi xanh, coi đây là yêu cầu tất yếu khách quan của hội nhập, toàn cầu hóa và cũng là cơ hội thuận lợi để đưa đất nước tiến cùng thời đại, thoát khỏi “*bẫy thu nhập trung bình*”. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn vốn đầu tư xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân để thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế; tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy mạnh thị trường trong nước, thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết và thúc đẩy tích cực hơn nữa trong đàm phán, ký kết các FTA mới với các nước Trung Đông, Châu Phi, thị trường sản phẩm Halal,...

Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ, tạo chuyển biến về chất trong thực hiện ba đột phá chiến lược về thể chế, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng; trong đó, xác định rõ thể chế là “*đột phá của đột phá*” vì vừa là nguồn lực, vừa là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng thể chế theo hướng không chỉ tập trung cho quản lý nhà nước mà còn tập trung cho mở rộng không

gian, kiến tạo phát triển; có cơ chế, chính sách thông thoáng, tạo đột phá trong tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, khơi thông các nguồn lực, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại. Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, không ngừng cải thiện vị thế của Việt Nam trong bản đồ kinh tế khu vực, toàn cầu. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiếp tục đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo mọi thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo vệ toàn diện môi trường; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước.

5- Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của thiên tai và biến đổi khí hậu. Thời gian tới, tình hình thiên tai, bão, lũ, biến đổi khí hậu được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, cực đoan, khó lường với tần suất và cường độ ngày càng lớn, tác động, ảnh hưởng ngày càng nặng nề. Trong bối cảnh đó, công tác phòng, chống bão, lũ nói riêng và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nói chung cần phải có sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, thực

chất, hiệu quả. Đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các địa phương. Trong đó, cần quán triệt sâu sắc quan điểm xuyên suốt đặt tính mạng của người dân lên trên hết, trước hết và không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần, không để ai bị bỏ lại phía sau trong phòng, chống thiên tai cũng như trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Xác định rõ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân, toàn xã hội; phát huy cao nhất sự chủ động, tích cực, tinh thần tự lực, tự cường của các cấp ủy, chính quyền và người dân ở cơ sở; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo đảm tính khoa học, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tiễn; kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại; chú trọng cả ba giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, trong đó lấy chủ động phòng ngừa là chính; chuyển hướng quản lý, phòng ngừa rủi ro theo lưu vực, liên vùng, liên ngành. Đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với sức mạnh thời đại; sử dụng phương pháp tiếp cận mang tính toàn dân, toàn diện, toàn cầu trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

Đề đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁽⁵⁾, các cấp, các ngành, các địa phương tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24-3-2020 của Ban Bí thư, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công

(5) Xem trang sau

tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”; Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Phòng thủ dân sự, Chiến lược, Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia. Tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chương trình, kế hoạch, kịch bản phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm lồng ghép trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng địa phương, ngành, lĩnh vực. Thực hiện linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả phương châm “*bốn tại chỗ*” tại cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương theo từng thời kỳ. Tập trung hướng dẫn, nâng cao nhận thức, kỹ năng quản lý, ứng phó với thiên tai, nhất là ở cấp cơ sở và các địa bàn có nguy cơ cao; tập trung rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy chế tổ chức vận hành, phối hợp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, kỹ thuật đồng bộ, tiên tiến, công nghệ hiện đại; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách để sử dụng hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai. Khẩn trương hoàn thành Chương trình phân vùng rủi ro thiên tai, xây dựng bản đồ phân vùng sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ lớn, chi tiết đến cấp xã, thôn bản. Tập trung bố trí sắp xếp, di dời người dân vùng có nguy cơ cao gắn với tạo việc làm, sinh kế bền vững tại nơi ở mới, bảo đảm bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ. Rà soát quy hoạch, xây dựng các công trình bảo đảm phòng, chống lũ quét, sạt lở đất. Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng, nhất là rừng tự nhiên, phòng hộ. Làm tốt công tác thông tin truyền thông, nhất là những mô hình tốt, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến để nhân rộng. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động sự hỗ trợ, giúp đỡ của các nước, tổ chức quốc tế, đối tác bên

ngoài, nhất là về đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, mô hình quản trị, điều hành tiên tiến, góp phần đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai trong giai đoạn mới.

*

* *

Cơn bão số 3 qua đi nhưng vẫn còn đó những hậu quả, tổn thất nặng nề cả tinh thần và vật chất đối với nhiều người dân, gia đình, bản làng, cộng đồng, địa phương và cả nước. Phát huy truyền thống tốt đẹp “ *tình dân tộc, nghĩa đồng bào*”, luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ kính yêu “*Không có việc gì khó - Chỉ sợ lòng không bền - Đào núi và lấp biển - Quyết chí ắt làm nên*”, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, chúng ta hãy phát huy hơn nữa tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng, kề vai, sát cánh vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, tích cực khôi phục sản xuất, kinh doanh, các hoạt động kinh tế - xã hội, tạo sinh kế cho người dân vùng bị bão lũ trong thời gian sớm nhất; đồng thời, tiếp tục nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, góp phần thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. □

(5) Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; từng bước xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai, cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng. Phấn đấu đến năm 2030, giảm 50% thiệt hại về người do lũ quét, sạt lở đất so với giai đoạn 2011 - 2020; thiệt hại về kinh tế do thiên tai không vượt quá 1,2% GDP...

XÚNG ĐÁNG VỚI TRUYỀN THỐNG 95 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TIẾP TỤC ĐÓNG GÓP VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN ĐÌNH KHANG*

Được thành lập để phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, trải qua 95 năm (1929 - 2024) được Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, rèn luyện, Công đoàn Việt Nam luôn làm tốt vai trò là tổ chức đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, là “sợi dây” nối Đảng, Nhà nước với quần chúng công nhân, viên chức, người lao động, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công đoàn Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang đó, góp phần vào thành công chung của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới.

Trung tâm đoàn kết của công nhân, người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng

Ngay trong quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng, Công hội đỏ - tiền thân của Công đoàn Việt Nam đã là một trong những tổ chức quần chúng trung kiên, mạnh mẽ tập hợp giai cấp công nhân, thợ thuyền rộng khắp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam (Công đoàn) thực sự là trung tâm đoàn kết của công nhân, người lao động Việt Nam. Các đoàn viên công đoàn trở thành lực lượng nòng cốt góp phần làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam - nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Từ đây, giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam trở thành người chủ đất nước và Công đoàn khẳng định vai trò là tổ chức chính trị - xã hội quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong những năm đầu đất nước giành độc lập, thực hiện nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Công đoàn đã tổ chức vận động công nhân, người lao động tập trung xây dựng nhà máy, công xưởng, sản xuất vũ khí, khí tài quân sự; khắc phục khó khăn, hăng hái thi đua

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

lao động phục vụ kháng chiến, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, kết thúc vẻ vang 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Xác định vị trí quan trọng của tổ chức công đoàn trong hệ thống chính trị, năm 1957, Luật Công đoàn được ban hành, xác lập cơ sở pháp lý, “để định rõ vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức Công đoàn trong chế độ dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho giai cấp công nhân phát triển và củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Công đoàn trong công cuộc xây dựng chính quyền, kiến thiết kinh tế, phát triển văn hoá...”⁽¹⁾. Năm 1959, Công đoàn là tổ chức quần chúng đầu tiên được hiến định trong Hiến pháp nước ta⁽²⁾, là chỗ dựa vững chắc cho Nhà nước xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước, mặc dù gặp vô vàn khó khăn, gian khổ, nhưng với trách nhiệm chủ nhân của đất nước, đội ngũ công nhân, viên chức, người lao động đã đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đóng góp quan trọng vào thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; đồng thời, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân lịch sử năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Khi cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, Công đoàn được thống nhất trên phạm vi cả nước, đã tập trung tuyên truyền, vận động công nhân, viên chức, người lao động hăng hái thi đua lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, đi đầu trong thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của Đảng và tham gia bảo vệ Tổ quốc. Vị trí, vai

trò tổ chức công đoàn trong hệ thống chính trị được xác lập rõ trong Hiến pháp năm 1980, khi lần đầu tiên có 1 điều riêng hiến định về tổ chức công đoàn.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Công đoàn đã từng bước đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động để phù hợp với bối cảnh tình hình thực tiễn. Hoạt động công đoàn hướng mạnh về cơ sở, tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ cốt lõi là đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, chăm lo thiết thực lợi ích của đoàn viên, người lao động. Công đoàn tiếp tục phát huy vai trò là tổ chức đại diện tin cậy của người lao động, cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng, Nhà nước, là “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với người lao động. Tổ chức công đoàn tự hào vì những đóng góp trực tiếp cụ thể hóa các nhiệm vụ của công cuộc đổi mới, từng bước xây dựng đất nước giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của Đảng và dân tộc trong gần 40 năm qua.

Phát huy truyền thống vẻ vang, xứng đáng là tổ chức đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động

Đất nước ta tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, khoa học - công nghệ phát triển.

(1) Luật Công đoàn năm 1957, *Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp*, https://moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=1006

(2) Hiến pháp năm 1959, *Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp*, https://www.moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=890

Điều 10:

“Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế theo một kế hoạch thống nhất.

Nhà nước dựa vào các cơ quan Nhà nước, tổ chức công đoàn, hợp tác xã và các tổ chức khác của nhân dân lao động để xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế”.

Thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh, đột phá, tác động sâu rộng, đa chiều, tạo sự thay đổi lớn về lao động, việc làm và quan hệ lao động, đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, việc làm, thu nhập của người lao động; làm thay đổi môi trường hoạt động, đối tượng tập hợp và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn. Hơn lúc nào hết, tổ chức công đoàn nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động.

Để bảo vệ người lao động từ sớm, từ xa, trên diện rộng, các cấp công đoàn, nhất là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chủ động, tích cực đổi mới và nâng cao chất lượng tham gia xây dựng chính sách, pháp luật. Tổ chức công đoàn ngày càng có tiếng nói mạnh mẽ và hiệu quả trong các hội đồng, ủy ban, ban chỉ đạo, các tổ chức dân cử để bảo vệ quyền lợi của người lao động. Trong Hội đồng Tiền lương quốc gia, Công đoàn đã thể hiện rõ, hiệu quả vai trò đại diện người lao động. Năm năm gần đây, với đề xuất của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, mức lương tối thiểu tăng 25,34% đã góp phần cải thiện đời sống đoàn viên, người lao động, thu hẹp khoảng cách giữa tiền lương tối thiểu và mức sống tối thiểu. Công đoàn tích cực nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn về nhà ở, nơi khám, chữa bệnh, phúc lợi xã hội dành cho công nhân, viên chức, người lao động.

Hoạt động thông tin, tuyên truyền, tiếp xúc, đối thoại trong xây dựng chính sách, pháp luật về lao động, việc làm được các cấp, các ngành coi trọng. Chương trình Thủ tướng Chính phủ đối thoại với công nhân, Diễn đàn người lao động do Chủ tịch Quốc hội chủ trì,

đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri chuyên đề với công nhân, viên chức, người lao động; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, người sử dụng lao động đối thoại với đoàn viên, người lao động... đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề quan tâm, bức xúc của công nhân, lao động. Các hoạt động này là kênh quan trọng hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Công đoàn cơ sở thể hiện rõ vai trò trong tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hoạt động thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước, được chú trọng, có nhiều đổi mới; đã từng bước mở rộng thỏa ước lao động tập thể trong nhóm doanh nghiệp, ngành, nghề.

Cùng với đó, các cấp công đoàn đại diện cho tập thể người lao động tích cực tham gia tổ tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động và người lao động; phối hợp tham gia kiểm tra, giám sát, kiến nghị giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật lao động tại doanh nghiệp. Công đoàn tiếp tục phát huy vai trò trong tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; cán bộ công đoàn bám sát cơ sở, tăng cường hoạt động đối thoại ở nhiều cấp, phát hiện sớm và giải quyết kịp thời tranh chấp hoặc nguy cơ tranh chấp lao động, góp phần kéo giảm số cuộc ngừng việc tập thể qua các năm.

Các mô hình chăm lo cho đoàn viên, người lao động tiếp tục được hoàn thiện, mở rộng, đồng thời triển khai nhiều mô hình mới mang đậm dấu ấn của tổ chức công đoàn. Chương trình “Tết sum vầy”, “Tháng công nhân”, “Mái ấm công đoàn”, “Phúc lợi đoàn viên”... lan tỏa mạnh mẽ, thấm sâu đến cơ sở. Mỗi năm, hàng chục triệu lượt người lao động có hoàn cảnh khó khăn được thụ hưởng các chương trình, hoạt động chăm lo của Công đoàn.

Đặc biệt, ba năm đồng hành với đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, hàng vạn cán bộ công đoàn không quản ngại khó khăn, lăn xả vào tâm dịch, chia sẻ, hỗ trợ và chăm lo cho đoàn viên, người lao động. Năm gói hỗ trợ quy mô lớn cho đoàn viên, người lao động và con của người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 được triển khai, với tổng số tiền gần 6 nghìn tỷ đồng cho 10 triệu lượt người lao động được thụ hưởng. Gói hỗ trợ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc đoàn viên, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động, sắp xếp lại lao động do doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 đã giúp hơn 82 nghìn công nhân, người lao động có thêm động lực vượt qua khó khăn.

Việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đoàn viên, người lao động, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được Công đoàn chú trọng. Công đoàn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động. Quan tâm xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, lao động, tổ chức nhiều sân chơi lành mạnh phục vụ người lao động, như chương trình trò chơi truyền hình Giờ thứ 9+, Giải bóng đá công nhân, lao động toàn quốc... Các phong trào thi đua yêu nước do Công đoàn phát động, trọng tâm là phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Tham mưu giỏi, phục vụ tốt” ngày càng thấm sâu, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên, người lao động tham gia, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Qua từng thời kỳ, số lượng công nhân, viên chức, người lao động gia nhập tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế tăng dần, chất lượng được nâng lên, đóng góp trực tiếp, quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Trong 5 năm qua, Công đoàn đã kết nạp hơn 4,4 triệu đoàn viên, thành lập hơn 24 nghìn công đoàn cơ sở⁽³⁾. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách công đoàn các cấp được tập trung thực hiện theo quy định của Đảng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn các cấp được triển khai đồng bộ, thường xuyên.

Những kết quả toàn diện của hoạt động công đoàn và phong trào công nhân, viên chức, người lao động cả nước thời gian qua đã đóng góp quan trọng vào những thành tựu chung của đất nước, góp phần tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị và sự lớn mạnh, hiện đại của giai cấp công nhân Việt Nam, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của tổ chức công đoàn Việt Nam.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Những năm tới, hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ diễn ra phức tạp, gay gắt hơn. Trong nước, Đảng, Nhà nước tiếp tục có nhiều chủ trương, quyết sách lớn nhằm hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại

(3) Số liệu đoàn viên theo Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam: “Tính đến tháng 6-2023, cả nước có 11.072.214 đoàn viên và 123.129 công đoàn cơ sở...”.

hóa đất nước trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt của đời sống.

Với tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đoàn viên, người lao động, yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng, Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2023 - 2028, xác định mục tiêu tổng quát là: Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn, xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, tập trung thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trọng tâm là đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tích cực, chủ động tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Hoàn thiện mô hình tổ chức, thu hút, tập hợp đông đảo người lao động gia nhập công đoàn; xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín và phương pháp công tác tốt. Đổi mới, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, ý thức pháp luật của đoàn viên, người lao động; xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đến cuối nhiệm kỳ, hướng đến kỷ niệm 100 năm ngày thành lập tổ chức công đoàn, phấn đấu xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, là chỗ dựa tin cậy của người lao động, là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng, Nhà nước ta.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Công đoàn xác định một số nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu gồm:

Thứ nhất, tập trung thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đoàn viên, người lao động. Đầu tư nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của tổ chức công đoàn. Phối hợp thực hiện và giám sát việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của người lao động. Chú trọng tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể. Mở rộng độ bao phủ gắn với nâng cao chất lượng thỏa ước lao động tập thể. Nắm chắc tình hình công nhân, quan hệ lao động, triển khai giải pháp phòng ngừa và tham gia giải quyết hiệu quả tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Nâng cao chất lượng công tác tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho đoàn viên, người lao động, tạo bước đột phá về tập trung nguồn lực cho nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền lợi của người lao động. Tích cực nghiên cứu, thực hiện các mô hình chăm lo, chương trình phúc lợi dài hạn cho đoàn viên, người lao động, nhất là về nhà ở, giáo dục, y tế... Đẩy nhanh đầu tư xây dựng thiết chế công đoàn ở khu công nghiệp, khu chế xuất. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô, giúp đoàn viên, người lao động có thêm cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho công nhân, người lao động. Tham gia thúc đẩy bình đẳng giới; bảo vệ quyền lợi của lao động nữ và trẻ em; xây dựng gia đình công nhân, viên chức, người lao động no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và văn minh

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến trong đoàn viên, người lao

động về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần củng cố và nâng cao nhận thức về giai cấp công nhân, về Đảng, về Công đoàn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Tổ chức hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tập trung nguồn lực nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của đoàn viên, người lao động. Triển khai hiệu quả các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Đổi mới việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước, chú trọng tính thiết thực, hiệu quả, sát hợp từng đối tượng, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. Tiếp tục phát triển và nâng cao hiệu quả phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, cụ thể hóa nội dung các đợt thi đua gắn với việc thúc đẩy nâng cao năng suất lao động quốc gia.

Thứ ba, tập trung thực hiện tốt công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; tạo bước đột phá về phát triển đoàn viên, nhất là ở doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước, lao động khu vực phi chính thức. Nâng cao chất lượng đoàn viên công đoàn đi đôi với tăng cường công tác quản lý đoàn viên. Xây dựng cơ cấu tổ chức công đoàn các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Triển khai giải pháp thu hút tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp vào công đoàn, phối hợp với công đoàn để tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật. Quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn. Triển khai các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách, chủ tịch công đoàn cơ sở có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín và phương pháp công tác tốt. Tham mưu, phối hợp với các cơ quan

của Đảng và Nhà nước tổ chức triển khai thí điểm một số mô hình công tác tổ chức, cán bộ theo Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12-6-2021, của Bộ Chính trị, “Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”.

Thứ tư, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong tập hợp, đoàn kết, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết chuyên đề của Đảng. Đẩy mạnh hoạt động công đoàn tham gia xây dựng tổ chức đảng và phát triển đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên trong giai cấp công nhân. Tham gia thành lập và chủ động đề xuất nội dung, biện pháp nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng ở doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước.

Thứ năm, tăng cường sự chủ động của tổ chức công đoàn, tham gia giám sát cán bộ, đảng viên, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Phát huy mạnh mẽ, khẳng định vai trò nòng cốt của Công đoàn trong củng cố và phát triển liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Tiếp bước dưới ngọn cờ của Đảng, phát huy truyền thống vẻ vang 95 năm xây dựng và phát triển, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập, Công đoàn Việt Nam quyết tâm không ngừng đổi mới sáng tạo, đoàn kết, tập hợp, vận động đoàn viên, người lao động hăng hái thi đua lao động, sản xuất, công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, xây dựng Công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. □

TỈNH QUẢNG NAM TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2025 - 2030

LƯƠNG NGUYỄN MINH TRIẾT*

Bám sát tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Nam ban hành nhiều quyết định, kế hoạch nhằm thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp; đồng thời, chỉ đạo đồng bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa và lãnh đạo tổ chức thực hiện thành công đại hội đảng bộ ở cấp mình, tạo nền tảng quan trọng hướng tới chuẩn bị và tổ chức thật tốt Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhìn từ đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng, phía Đông giáp Biển Đông với trên 125km bờ biển, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 10.574,86km². Tính đến năm 2022, dân số của tỉnh là trên 1,5 triệu người theo số liệu của Tổng cục Thống kê (31% dân số sống ở đô thị và 69% dân số sống ở nông thôn). Tính đến tháng 6-2024, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam có 22 đảng bộ trực thuộc (bao gồm 18

đảng bộ huyện, thị xã, thành phố và 4 đảng bộ: khối các cơ quan tỉnh, Công an, Quân sự và Bộ đội Biên phòng); với 1.118 tổ chức cơ sở đảng (bao gồm 384 đảng bộ cơ sở và 734 chi bộ cơ sở), với tổng số 72.343 đảng viên. Đảng bộ tỉnh Quảng Nam từ khi thành lập đến nay đã trải qua 22 kỳ Đại hội.

Đảng bộ tỉnh Quảng Nam tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp theo phương châm kế thừa, ổn định, đổi mới sáng tạo và phát triển. Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương của Đảng; coi trọng chất lượng, hiệu quả, đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức

* Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam

đảng các cấp, đặc biệt là người đứng đầu. Công tác chuẩn bị văn kiện đại hội được tiến hành bài bản, chu đáo, chú trọng nâng cao chất lượng của văn kiện, bảo đảm tính khoa học và phản ánh đầy đủ thực tiễn phát triển của địa phương trên mọi lĩnh vực, nổi bật là việc thảo luận kỹ lưỡng, làm sâu sắc và hiệu quả hơn quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn của văn kiện. Đặc biệt, tỉnh Quảng Nam tổ chức hiệu quả việc lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, chuyên gia, nhà khoa học và các tầng lớp nhân dân (hơn 3 nghìn lượt ý kiến góp ý) vào dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXII. Công tác nhân sự được tiến hành bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Đội ngũ cán bộ bảo đảm chất lượng, tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất và uy tín; có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30-5-2019, của Bộ Chính trị, “Về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” và các hướng dẫn của Trung ương.

Thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025, có thể đi đến một số nhận xét sau:

Thứ nhất, sự đoàn kết, thống nhất cao trong nhận thức và hành động của tập thể cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu là nhân tố quan trọng hàng đầu để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp.

Thứ hai, công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của Trung ương, Tỉnh ủy, mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp.

Thứ ba, thực hiện đúng Điều lệ Đảng, các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy định, quy chế của Đảng trong chuẩn bị và tổ chức đại hội.

Thứ tư, văn kiện đại hội phải được xây dựng trên cơ sở quan điểm, tư tưởng của Đảng, phát huy trí tuệ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Các định hướng phát triển, tầm nhìn dài hạn và khâu đột phá phải tôn trọng quy luật khách quan, phù hợp với thực tiễn; dựa trên tiềm năng, thế mạnh, lợi thế cạnh tranh của địa phương.

Thứ năm, công tác nhân sự đại hội phải được thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện; tiến hành từng bước, từng khâu, thận trọng, kỹ lưỡng; bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

Tập trung thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm

Quán triệt sâu sắc lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đại hội đảng rất quan hệ đến tương lai cách mạng của Đảng ta và của nhân dân ta. Đại hội sẽ làm cho Đảng ta đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa, tư tưởng và hành động đã nhất trí, càng nhất trí hơn nữa. Cho nên, toàn thể đồng chí ta phải thảo luận kỹ càng các đề án và đóng góp ý kiến dồi dào, để

bảo đảm Đại hội thành công thật tốt đẹp”⁽¹⁾. Theo đó, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là sự kiện chính trị quan trọng, là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ, bảo đảm quy định, nghiêm túc, chu đáo nhằm tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; trong đó, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, tập trung chỉ đạo quán triệt sâu sắc, nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14-6-2024, của Bộ Chính trị “Về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” (Chỉ thị số 35-CT/TW) và các chỉ thị, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm thực hiện nghiêm túc, chu đáo công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trên địa bàn tỉnh.

Để tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng các cấp quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW; đồng thời, ban hành Chỉ thị và kế hoạch về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Theo đó, phương hướng tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030

của tỉnh Quảng Nam là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải được các cấp ủy thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy các cấp; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

Để triển khai thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy bước đầu xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quán triệt, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nội dung, quy trình và phương pháp tổ chức đại hội, trọng tâm là xây dựng các văn kiện đại hội và nhân sự đại hội bảo đảm theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW và tình hình thực tiễn của tỉnh⁽²⁾. Trên tinh thần đó, hiện nay, công tác chuẩn bị tổ chức đại hội tổ chức cơ sở đảng và đại hội đảng bộ các cấp đang được tiến hành nghiêm túc, khẩn trương; công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện đi trước một bước góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, tạo khí thế, quyết tâm và niềm tin mới trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, tập trung nâng cao chất lượng xây dựng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 12, tr. 545

(2) Xem trang sau

Báo cáo chính trị là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác, quyết định đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Quá trình xây dựng cần thảo luận thật kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn; dự báo được tình hình, xác định rõ thế mạnh, định hướng, trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội chung của cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh, khu vực và cả nước. Báo cáo chính trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới sát với tình hình thực tế và có tính khoa học, khả thi cao để xây dựng Quảng Nam thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Báo cáo chính trị của đại hội phải thực sự là kết tinh trí tuệ, tâm huyết, trách nhiệm, sự sáng tạo, tầm nhìn, khát vọng của đảng bộ và định hướng phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương. Báo cáo phải gắn kết nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn, kết hợp chặt chẽ giữa kế thừa và đổi mới; tập trung đánh giá khách quan, toàn diện, cụ thể trên tất cả lĩnh vực, đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo, việc đổi mới

tư duy, tầm nhìn và phương thức tổ chức thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng; chỉ ra hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy là kết quả, tấm gương phản chiếu năng lực và phẩm chất, ý chí và hành động, nếp nghĩ và cách làm của cấp ủy trong cả nhiệm kỳ; do đó, quá trình xây dựng báo cáo kiểm điểm cần thực hiện nghiêm túc, khách quan; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII gắn với việc đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; Quy định về những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ

(2) Quyết định số 1270-QĐ/TU, ngày 6-3-2024, của Tỉnh ủy, “Về thành lập Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII”; Quyết định số 1271-QĐ/TU, ngày 6-3-2024, của Tỉnh ủy, “Về thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XXIII”; Quyết định số 1273-QĐ/TU, ngày 6-3-2024, của Tỉnh ủy, “Về thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội XXIII”; Quyết định số 01-QĐ/TBVK, ngày 14-5-2024, của Tiểu ban Văn kiện, “Về thành lập Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XXIII”; Kế hoạch số 01-KH/TBVK, ngày 14-5-2024, của Tiểu ban Văn kiện, “Về hoạt động và xây dựng các Văn kiện của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII”; Thông báo số 01-TB/TBVK, ngày 14-5-2024, của Tiểu ban Văn kiện, “Về phân công nhiệm vụ các thành viên Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII”; Quy chế làm việc số 01-QC/TBVK, ngày 14-5-2024, của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII; Quyết định số 02-QĐ/TBVK, ngày 2-7-2024, của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII, “Về thành lập Tổ Giúp việc Tiểu ban Văn kiện Đại hội XXIII”; Đề cương Báo cáo chính trị Đại hội XXIII

quan của hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030. Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải bám sát quy chế làm việc, kết quả lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng bộ, sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội, cấp ủy các cấp trên địa bàn tỉnh phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

Về phương thức, việc lấy ý kiến thông qua hội nghị, hội thảo, phương tiện thông tin đại chúng và các diễn đàn khác phù hợp với từng đối tượng, nhất là ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ lão thành, nhân sĩ, trí thức... Để thực hiện nhiệm vụ này, ngay từ quý I năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định thành lập Tiểu ban Văn kiện; đến nay, Tiểu ban Văn kiện đã thành lập Tổ Biên tập, Tổ giúp việc, xây dựng kế hoạch, Đề cương, thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên có liên quan.

Thứ ba, công tác nhân sự cần bảo đảm thận trọng, kỹ lưỡng, dân chủ, minh bạch, đúng quy trình.

Quán triệt, thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”⁽³⁾, “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁽⁴⁾. Do đó, công tác nhân sự đại hội phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy các cấp; bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; coi trọng chất lượng, số lượng và cơ cấu hợp lý. Cấp ủy khóa mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, có tầm nhìn, tư duy đổi mới, gắn bó mật thiết với nhân dân; có năng lực lãnh đạo, cầm quyền, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Kiên quyết sàng lọc, lựa chọn hiệu quả để không bỏ “sót” người thật sự có đức, có tài, dám nghĩ, dám làm; đồng thời, kiên quyết không để “lọt” vào cấp ủy khóa mới người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; tham vọng quyền lực, chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, chạy cơ cấu, bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực.

Thực hiện thật tốt việc rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin, nắm chắc cán bộ; đảng viên

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 309, 313

có vấn đề về chính trị phải được cấp có thẩm quyền thẩm tra, kết luận trước khi giới thiệu bầu vào cấp ủy. Phương án nhân sự cấp ủy phải gắn kết chặt chẽ với công tác chuẩn bị nhân sự của các cơ quan nhà nước các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và nhân sự lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI của tỉnh.

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Trung ương⁽⁵⁾ và các quy định, quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban thường vụ cấp ủy các cấp căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn chung để cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình ở cấp mình; trong đó, chú trọng thực hiện một số nội dung trọng tâm: 1- Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; 2- Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy; 3- Thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương gắn với việc sử dụng, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; hoàn thành 100% ở cấp huyện; khuyến khích thực hiện ở cấp xã và các chức danh khác; 4- Thực hiện nghiêm chủ trương người đứng đầu cấp ủy là thủ trưởng các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp. Đối với các trường đại học, cao đẳng, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng trường. Cơ quan, đơn vị người đứng đầu không tái cử hoặc cấp thẩm quyền chưa kiện toàn thì bầu khuyết bí thư cấp ủy; 5- Thực hiện bảo đảm Quy trình nhân sự cấp ủy và bầu cử trong đại hội.

Để thực hiện nhiệm vụ này, ngay từ quý I năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng

Nam thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội; ban hành hệ thống văn bản liên quan để chỉ đạo công tác nhân sự cấp huyện và cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả đại hội điểm và thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội.

Đối với nhiệm vụ này, theo quy định, thời gian tổ chức đại hội điểm cấp cơ sở vào đầu quý I năm 2025; cấp huyện và tương đương vào đầu quý II năm 2025. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ chọn 1 đảng bộ cấp huyện để tổ chức đại hội điểm và 1 đảng bộ cấp huyện thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội; đồng thời, giao ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy chọn 1 đảng bộ trực thuộc cấp ủy cấp huyện để đại hội điểm và 1 đảng bộ thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội (trừ Đảng bộ Quân đội, Công an thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị). Vì thế, để chuẩn bị chu đáo, hiệu quả, bảo đảm quy định, các cấp ủy làm điểm và thí điểm cần nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng, có sự lựa chọn, cân nhắc thận trọng, toàn diện trên tất cả các mặt, nhất là công tác nhân sự. Đơn vị được lựa chọn thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội phải có sự đoàn kết, thống nhất trong

(5) Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 4-8-2017, của Bộ Chính trị, “Về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 2-1-2020, của Bộ Chính trị, “Về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”

nội bộ; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Ngay sau đại hội điểm và thí điểm, cần tập trung, nghiêm túc để đánh giá bảo đảm tính khách quan, thực chất, không qua loa, đại khái để rút kinh nghiệm và nhân rộng, áp dụng.

Thứ năm, chú trọng làm tốt công tác tư tưởng; công tác thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau đại hội đảng bộ các cấp.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền để mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ nhận thức sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác đại hội và nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân. Thông qua công tác thông tin, tuyên truyền nhằm thống nhất ý chí và hành động; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy “cái đẹp” dẹp “cái xấu”; coi trọng, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Thông tin, tuyên truyền để tập trung xử lý, giải quyết kịp thời, hiệu quả hạn chế, bất cập, yếu kém, vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, nhân dân quan tâm.

Thông qua công tác thông tin, tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp nhằm bồi đắp niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy chủ nghĩa anh hùng

cách mạng, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng phát triển tinh thần. Vì thế, công tác thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau đại hội cần bảo đảm đúng sự chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng của cấp ủy, bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng vào đại hội đảng bộ các cấp; gắn chặt nhiệm vụ này với nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân đối với các dự thảo văn kiện trình đại hội. Bên cạnh đó, chủ động, tích cực thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; ngăn chặn, đấu tranh phản bác kịp thời, hiệu quả các hoạt động, âm mưu, thủ đoạn, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, phần tử bất mãn, cơ hội chính trị đối với công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trên địa bàn tỉnh, nhất là ý kiến góp ý vào các văn kiện và các vấn đề liên quan đến nhân sự đại hội.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, đảng viên trên toàn tỉnh Quảng Nam cần quán triệt và nhận thức đầy đủ, sâu sắc về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của đại hội đảng bộ các cấp để thực hiện bảo đảm nguyên tắc, nội dung, tiến độ. Đề cao, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy bảo đảm tính đồng bộ, toàn diện trong công tác chuẩn bị nội dung các văn kiện, phương án nhân sự, các điều kiện phục vụ đại hội; từ việc giải quyết vấn đề nội bộ đến tập hợp, phát huy sức mạnh của nhân dân. Cần xác định rằng, đại hội là dịp để Đảng bộ quán triệt nguyên tắc, phát huy dân chủ, chỉnh đốn đội ngũ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm; bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần đoàn kết, đổi mới sáng tạo. □

ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ GIANG CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI - KẾT QUẢ, BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

NGUYỄN MẠNH DŨNG*

Làm tốt công tác phát triển đảng là nhiệm vụ chính trị của đảng bộ các cấp. Thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã nỗ lực thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này. Từ kết quả và bài học kinh nghiệm đã có, Đảng bộ tỉnh Hà Giang đề ra nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025), trong đó có công tác xây dựng Đảng, hướng tới tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội XIV của Đảng.

1- Hà Giang là tỉnh vùng cao, biên giới, cực Bắc của Tổ quốc, diện tích tự nhiên 7.927,55km², dân số toàn tỉnh trên 90 vạn người với 19 dân tộc cùng sinh sống, mật độ dân số trung bình là 103 người/km²; địa hình chia cắt mạnh, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều. Tỉnh có 11 huyện, thành phố, 193 xã, phường, thị trấn và 2.071 thôn, bản, tổ dân phố; trong đó, có 7 huyện, 34 xã, thị trấn và 122 thôn biên giới (với chiều dài 277,556km), giáp giới với 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc). Tính đến tháng 6-2024, Đảng bộ tỉnh Hà Giang có 15 đảng bộ trực thuộc (10 đảng bộ huyện, 1 đảng bộ thành phố, 3 đảng bộ lực lượng vũ trang và Đảng bộ Khối cơ quan - doanh nghiệp tỉnh); 819 tổ chức cơ sở đảng (tăng 29 tổ chức cơ sở đảng so với năm 2019), trong đó đảng bộ cơ sở là 301 (giảm

15 đảng bộ so với năm 2019), chi bộ cơ sở là 518 (tăng 44 chi bộ so với năm 2019), có 3 đảng bộ bộ phận (tăng 1 đảng bộ so với năm 2019); 3.762 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng bộ bộ phận (tăng 124 chi bộ so với năm 2019). Tổng số đảng viên tính đến tháng 6-2024 là 75.350 đồng chí (tăng 5.226 đồng chí so với năm 2019); trong đó, đảng viên chính thức là 72.435 đồng chí, đảng viên dự bị là 2.915 đồng chí.

Những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành trung ương cùng với quyết tâm chính trị và sự đoàn kết, thống nhất, khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên của cấp ủy, chính quyền, nhân dân các dân tộc

* Quyền Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang

trong tỉnh, tỉnh Hà Giang đã đạt được kết quả khá toàn diện trên tất cả lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Hà Giang xác định công tác phát triển đảng trong giai đoạn mới là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, về “Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở, tăng cường công tác quản lý, phát triển, sàng lọc đảng viên bảo đảm chất lượng”, Tỉnh ủy Hà Giang đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác phát triển tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy Hà Giang đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên mới, bảo đảm số lượng và chất lượng.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện đúng quy định với phương châm: Coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, bảo đảm chặt chẽ về điều kiện, tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục, quy định của Đảng; phát triển đảng viên gắn với củng cố, xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, bảo vệ chính trị nội bộ. Hằng năm, Tỉnh ủy Hà Giang chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc rà soát, nắm chắc số quần chúng tích cực để bồi dưỡng, cử đi học các lớp tìm hiểu về Đảng, xây dựng kế hoạch phát triển đảng. Trên cơ sở kế hoạch phát triển đảng viên của các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch phát triển đảng viên, bảo đảm tỷ lệ 3% đến 4% so với tổng số đảng viên, đạt mục

tiêu Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16-6-2022, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã đề ra. Kết quả, từ năm 2020 đến tháng 6-2024, toàn tỉnh kết nạp được 9.463 đảng viên, tăng bình quân 10%/năm; trong đó, có 40 đảng viên được kết nạp vào Đảng khi đang là học sinh, sinh viên; 309 đoàn viên, thanh niên được kết nạp vào Đảng trước khi thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Số đảng viên mới kết nạp đều giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và có ý thức tổ chức kỷ luật; chấp hành và thực hiện tốt quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu đi đầu trong công cuộc đổi mới, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Nhiều đảng viên hoạt động ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích của nhân dân. Hằng năm, kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên đều đạt từ 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Để đạt được kết quả đó, thời gian qua, cấp ủy, tổ chức đảng đã làm tốt công tác tuyên

(1) Như: Đề án số 06-ĐA/TU, ngày 22-11-2021, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về nâng cao chất lượng đảng viên, giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13-9-2021, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Kế hoạch số 188-KH/TU, ngày 22-2-2022, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 15-11-2022, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16-6-2022, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên; tích cực triển khai, quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, quy định của Đảng về công tác phát triển đảng viên, đặc biệt là việc phát triển đảng ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, góp phần phát huy tốt vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên ở cơ sở, giữ vững niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tạo nguồn phát triển đảng viên. Công tác phát triển đảng viên có nơi chưa bảo đảm về chất lượng, nhất là đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nguyên nhân là do một số cấp ủy và một bộ phận không ít đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên trong giai đoạn mới; nhận thức của một bộ phận quần chúng ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn có mặt còn hạn chế; trình độ, năng lực của một số bí thư chi bộ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển đảng viên. Bên cạnh đó, do điều kiện kinh tế, một bộ phận đoàn viên, thanh niên sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông đi lao động ngoài địa bàn tỉnh, gây khó khăn cho nguồn cán bộ cơ sở cũng như nguồn phát triển đảng viên.

2- Từ thực tế triển khai thực hiện, Tỉnh ủy Hà Giang rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác phát triển đảng, cụ thể như sau:

Một là, quán triệt sâu sắc và nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng về quy định của Đảng, hướng dẫn của Trung

ương về công tác phát triển đảng trong giai đoạn mới; chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển đội ngũ đảng viên; giúp đỡ, tạo điều kiện để đảng viên dự bị phấn đấu trở thành đảng viên chính thức; đồng thời, làm tốt công tác quản lý đảng viên, nhất là đảng viên đi lao động ngoài địa bàn tỉnh.

Hai là, cấp ủy, tổ chức đảng thống nhất nhận thức và hành động về vai trò của công tác phát triển đội ngũ đảng viên và sự cần thiết đẩy mạnh công tác phát triển đội ngũ đảng viên ở tổ chức đảng của mình. Chú trọng phát triển cả về số lượng và chất lượng, tránh chỉ chạy theo chỉ tiêu, thành tích mà xem nhẹ chất lượng.

Ba là, hằng năm, cấp ủy cấp trên có kế hoạch cụ thể về công tác phát triển đội ngũ đảng viên; yêu cầu cấp ủy các cấp xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức quần chúng tham gia phát triển đảng lựa chọn đoàn viên, hội viên, quần chúng ưu tú có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, động cơ, mục đích, lý tưởng vào Đảng đúng đắn, trong sáng. Cán bộ làm công tác đảng vụ phải được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và được bồi dưỡng thường xuyên về công tác đảng, nhất là thủ tục, quy trình kết nạp đảng viên.

Bốn là, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức công đoàn trong công tác phát triển đội ngũ đảng viên, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cho phù hợp. Nội dung hoạt động phải vừa mang tính chất chính trị, vừa thiết thực, phong phú. Gắn nội dung sinh hoạt với các hoạt động phát triển

đội ngũ đảng viên, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, hội viên; động viên, tạo điều kiện để họ tham gia hoạt động xã hội, góp phần gắn kết đoàn viên, hội viên với tổ chức, khơi dậy tiềm năng, phát hiện nhân tố tốt để giới thiệu cho Đảng.

Năm là, phối hợp tốt giữa cấp ủy cơ sở với các ban xây dựng Đảng cấp ủy cấp trên cơ sở trong công tác phát triển đội ngũ đảng viên, đặc biệt là các vấn đề về xây dựng cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, về chấp hành các nguyên tắc, quy định của Đảng về công tác xác minh, thẩm tra lý lịch, bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, tổ chức lễ kết nạp đảng viên.

Sáu là, cấp ủy, tổ chức đảng phải phân công cấp ủy viên phụ trách, cấp ủy cơ sở giao nhiệm vụ cụ thể cho chi bộ trong việc phát hiện, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú phấn đấu vào Đảng, lấy kết quả kết nạp đảng viên để đánh giá, xếp loại cấp ủy viên hằng năm. Giao nhiệm vụ cho đảng viên chính thức giúp đỡ, hướng dẫn quần chúng đối với từng bước, từng khâu của quá trình kết nạp đảng viên, hạn chế thấp nhất việc chỉnh sửa, bổ sung lý lịch của người xin vào Đảng; việc tổ chức thẩm tra, xác minh lý lịch của người xin vào Đảng phải tuân thủ đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Bảy là, quan tâm làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết kinh nghiệm thực hiện công tác phát triển đội ngũ đảng viên của tổ chức đảng. Kịp thời làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng mô hình hay, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

3- Trước yêu cầu ngày càng cao trong giai đoạn mới, đòi hỏi cấp ủy các cấp tiếp tục lãnh đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về công tác phát triển

đảng trong giai đoạn mới, để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, Tỉnh ủy Hà Giang đề ra một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả để tạo sự chuyển biến thực chất hơn về chất lượng sinh hoạt chi bộ, chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức cơ sở đảng theo các văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy Hà Giang⁽²⁾.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo nguồn bồi dưỡng phát triển đội ngũ đảng viên, giúp đỡ đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức; hằng năm, chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, bồi dưỡng đối tượng kết nạp vào Đảng; phân công cấp ủy viên, các tổ chức chính trị - xã hội theo dõi, giúp đỡ và giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên cho từng chi bộ.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy trong công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch kết nạp đảng viên hằng năm và của cả nhiệm kỳ. Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng

(2) Như: Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21-1-2019, của Ban Bí thư, “Về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng”; Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 15-11-2022, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 408-KH/TU, ngày 13-7-2023, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về xây dựng “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”; Kế hoạch số 188-KH/TU, ngày 22-2-2022, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên được kết nạp Đảng; chú trọng kết nạp đảng viên đối với đoàn viên, hội viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động, người quản lý doanh nghiệp, học sinh, sinh viên, quần chúng ưu tú ở địa bàn nông thôn, miền núi, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, lãnh đạo, định hướng để các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phong trào thi đua, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia; thông qua hoạt động, phong trào để phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên, hội viên ưu tú, tạo nguồn phát triển đảng viên.

Thứ năm, cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung chỉ đạo cấp ủy ở khu dân cư rà soát, nắm chắc nguồn để phân công nhiệm vụ cho đảng viên chính thức bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp quần chúng vào Đảng; quan tâm theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng quần chúng là trưởng thôn, tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận, lãnh đạo chi hội các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị chưa là đảng viên để kết nạp vào Đảng. Chú trọng tạo nguồn đối với đối tượng là bí thư chi đoàn, lãnh đạo các đoàn thể, bộ đội xuất ngũ, nhân viên y tế, giáo viên, học sinh, sinh viên, đoàn viên, thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, người lao động trong doanh nghiệp để phát triển đảng viên.

Thứ sáu, làm tốt công tác quản lý đảng viên; nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, lý luận chính trị, cập nhật kiến thức phù hợp với từng đối tượng đảng viên ở cơ sở; siết chặt kỷ cương trong thực hiện quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối

sống, “tự soi”, “tự sửa” trên cơ sở mỗi đảng viên phải chấp hành nghiêm ba quy định: 1- Nhiệm vụ đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng; 2- Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25-10-2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, “Về những điều đảng viên không được làm”; 3- Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

Thứ bảy, thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa đảng viên vi phạm tư cách đảng viên, tuy đã được giáo dục, giúp đỡ, nhưng không tiến bộ, ra khỏi Đảng. Nêu cao trách nhiệm của chi bộ trong việc quản lý, giáo dục, phát hiện, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm theo quy định; kiên quyết đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay từ chi bộ.

Thứ tám, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, nhất là vai trò kiểm tra, giám sát của chi bộ cũng như việc tự kiểm tra, giám sát của đảng viên đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và quy định về những điều đảng viên không được làm, về trách nhiệm nêu gương của đảng viên..., để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm đối với việc làm không đúng, biểu hiện sai trái, lệch lạc. Đồng thời, kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, hiệu quả và kịp thời khắc phục, chấn chỉnh đối với tổ chức đảng để xảy ra sai phạm, yếu kém. □

BỘ TƯ LỆNH BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

NGUYỄN ANH TUẤN*

Đại hội đảng bộ các cấp trong Bộ đội Biên phòng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, khẳng định bản lĩnh chính trị, sự trưởng thành, phát triển của lực lượng Bộ đội Biên phòng qua hơn 65 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng và quyết tâm thực hiện mục tiêu xây dựng Bộ đội Biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng hiện đại. Thời gian tới, cùng với việc hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ đội Biên phòng lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra, cấp ủy, tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng xác định phương hướng và giải pháp trọng tâm tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần vào thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Phát huy kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

Hệ thống tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng được tổ chức và hoạt động theo hai loại hình, đó là: 1- Khối cơ quan Bộ Tư lệnh, nhà trường, đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh được tổ chức thành Đảng bộ Bộ đội Biên phòng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Quân ủy Trung ương. Đảng bộ Bộ đội Biên phòng có 16 tổ chức đảng trực thuộc; 34 đảng bộ cơ sở, 81 chi bộ cơ sở, 19 đảng bộ bộ phận, 249 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận; 2- Khối Bộ

đội Biên phòng tỉnh, thành phố: Ở cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy; đồng thời, chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về tổ chức xây dựng lực lượng và công tác biên phòng; chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân khu về nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ. Đảng

* Trung tướng, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Bộ đội Biên phòng

ủy Bộ đội Biên phòng 44 tỉnh, thành phố là cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, bao gồm các đồn, hải đội, đại đội, tiểu đoàn huấn luyện, các phòng, ban trực thuộc bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30-5-2019, của Bộ Chính trị, “Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”; Chỉ thị số 747-CT/QUTW, ngày 23-9-2019, của Thường vụ Quân ủy Trung ương, “Về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”; Hướng dẫn số 2008/HD-CT, ngày 26-10-2019, của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, “Về việc thực hiện chỉ thị của Thường vụ Quân ủy Trung ương về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng” và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị triển khai đến 100% đảng ủy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố và trực thuộc nhằm học tập, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Quân ủy Trung ương và Tổng cục Chính trị; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức quán triệt đến mọi cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn lực lượng để triển khai thực hiện.

Trong đó, nổi bật là: Công tác chuẩn bị văn kiện được cấp ủy các cấp coi trọng, theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Nội dung các văn kiện đại hội được kết cấu phù hợp, cân đối, rõ ràng, mạch lạc, có tính khái quát cao. Báo cáo kiểm điểm của các cấp ủy thể hiện tính chiến đấu, tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá nghiêm túc kết

quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ, đúng mức kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Công tác chuẩn bị nhân sự đại hội được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công tâm, khách quan, đúng nguyên tắc, đúng quy trình, quy định của Đảng. Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh ủy, thành ủy (nơi có Bộ đội Biên phòng) làm tốt công tác lựa chọn và giới thiệu nhân sự để tham gia ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và cấp ủy ở địa phương bảo đảm đúng, đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định. Công tác bầu cử được tiến hành chặt chẽ, đúng quy trình, nguyên tắc. Sau đại hội, kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm và xây dựng đầy đủ quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu và chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội. Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cấp ủy viên, của các cơ quan chức năng trong công tác chuẩn bị trước, trong và sau đại hội; làm tốt công tác tuyên truyền và bảo đảm phục vụ cho quá trình tổ chức đại hội.

Một số kinh nghiệm

Từ kết quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đảng các cấp trong Bộ đội Biên phòng, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên nắm vững quan điểm, yêu cầu, nội dung chỉ đạo của Trung ương, Quân ủy Trung ương và Hướng dẫn của Tổng cục Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Quân đội.

Hai là, cấp ủy các cấp trong Bộ đội Biên phòng cần chủ động trong công tác chuẩn

bị đại hội từ sớm để ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đại hội bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị. Tập trung làm chuyên biến sâu sắc hơn về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy các cấp, cán bộ, đảng viên, trước hết là cấp ủy, chính ủy (chính trị viên), người chỉ huy, cơ quan chính trị các cấp trong tổ chức đại hội đảng. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đồng chí đảng ủy viên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nội dung đại hội.

Ba là, chấp hành nghiêm túc quy trình, nguyên tắc trong chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới, bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, có số lượng và cơ cấu hợp lý; đề cao trách nhiệm của cấp ủy đương nhiệm, kịp thời tham mưu, đề xuất tháo gỡ vướng mắc nảy sinh trong thực tế.

Bốn là, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất, xây dựng các văn kiện đại hội và công tác chuẩn bị nhân sự; nắm vững quy định của Điều lệ Đảng và quy chế bầu cử trong Đảng để hướng dẫn chỉ đạo các đảng bộ tiến hành đại hội.

Năm là, đề cao tinh thần trách nhiệm, tính tự giác của đại biểu (đảng viên) trong nghiên cứu các dự thảo văn kiện; chuẩn bị đầy đủ, chu đáo, có chất lượng ý kiến tham luận; nắm vững tiêu chuẩn, cơ cấu, nguyên tắc, thủ tục quy định, tránh sai sót, nhầm lẫn trong bầu cử.

Một số giải pháp trọng tâm thời gian tới

Những năm tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn trên thế giới. Tuy

nhiên, các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, xung đột vũ trang đe dọa nghiêm trọng sự ổn định, phát triển bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến các lĩnh vực đời sống xã hội. Trong nước, tình hình vi phạm chủ quyền, lãnh thổ và an ninh, trật tự trên các tuyến biên giới, vùng biển xuất hiện phương thức, thủ đoạn mới; vấn đề biên giới, lãnh thổ gắn với vấn đề dân tộc, tôn giáo trở thành trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch; các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, có vũ trang, tội phạm công nghệ cao, xuyên quốc gia, xuyên biên giới có chiều hướng gia tăng; các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội, bất mãn chính trị tăng cường hoạt động chống phá để xuyên tạc, hạ thấp uy tín của Đảng và nhân sự cấp ủy các cấp. Bên cạnh đó, do tính chất nhiệm vụ, hầu hết tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng đóng quân ở vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo trong điều kiện khó khăn, gian khổ; địa bàn rộng, phân tán trên phạm vi cả nước, xa sự chỉ huy, chỉ đạo; cùng lúc, các tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng vừa phải làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội, vừa thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Tình hình trên có tác động, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng và tổ chức đại hội đảng các cấp trong Bộ đội Biên phòng.

Đảng ủy Bộ đội Biên phòng xác định phương hướng trọng tâm để chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội đảng bộ các cấp trong Bộ đội Biên phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp trong Bộ đội Biên phòng phải được các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; giữ vững kỷ luật, kỷ cương; phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là cán bộ chủ trì, lãnh đạo, chỉ huy các cấp; bảo đảm hiệu quả, an toàn, thiết thực, không phô trương hình thức; kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực. Thông qua đại hội đảng bộ các cấp, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; xây dựng Đảng bộ Bộ đội Biên phòng thực sự tiêu biểu, mẫu mực, lãnh đạo toàn lực lượng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Lãnh đạo tổ chức chặt chẽ, phát huy tốt trách nhiệm, trí tuệ của cán bộ, đảng viên trong nghiên cứu, quán triệt các đánh giá và quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên để tham gia có chất lượng vào các văn kiện trình đại hội. Các văn kiện trình đại hội phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ qua, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đồng thời, nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới có tính khả thi, khoa học, thực tiễn, bảo đảm bám sát các nghị quyết.

Công tác nhân sự phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy các cấp; đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, cán bộ chủ trì theo quy định; bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển; đề cao, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, tăng cường ở cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quan trọng, trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu. Cấp ủy khóa mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, có tầm nhìn và tư duy đổi mới, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua Quyết thắng. Tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, hiệu quả hạn chế, bất cập, yếu kém; vấn đề tồn đọng, kéo dài của cơ quan, đơn vị. Nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong mọi tình huống. Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phản tử cơ hội chính trị, bất mãn để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trong Bộ đội Biên phòng, nhiệm kỳ 2025 - 2030, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong Bộ

đội Biên phòng tập trung thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Quân ủy Trung ương và các văn bản hướng dẫn về tổ chức đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, như: Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 18-8-2014, của Bộ Chính trị, “Về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay”; Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 9-6-2014, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, “Về việc ban hành quy chế bầu cử trong Đảng”; Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30-7-2021, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về thi hành Điều lệ Đảng”; Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 28-9-2021, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14-6-2024, của Bộ Chính trị, “Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” và Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, ngày 18-7-2024, của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, “Về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”... Tập trung làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp; thông qua công tác tổ chức đại hội đảng bộ, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, xây dựng các tổ chức đảng trong Bộ đội Biên phòng thực sự tiêu biểu, mẫu mực, lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, chủ động triển khai, cụ thể hóa, ban hành hệ thống văn bản, phân công trách

nhiệm cho từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác chuẩn bị và lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ các cấp.

Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tập trung quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Trung ương, Hướng dẫn của Tổng cục Chính trị về tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chức năng của Đảng ủy tham mưu, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức đại hội Đảng các cấp trong Bộ đội Biên phòng. Chuẩn bị nhân sự và điều kiện cần thiết để thành lập các tiểu ban giúp việc và tổ chức đại hội; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí trong cấp ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, nắm tình hình, giải quyết, tháo gỡ khó khăn đối với đảng bộ cấp dưới. Xác định cơ cấu thành phần tham gia các tiểu ban, tổ giúp việc bảo đảm theo khối, ngành, lĩnh vực để phát huy tốt năng lực, trí tuệ tập thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chuẩn bị báo cáo chính trị, nhân sự và các điều kiện cho đại hội...

Thứ ba, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong việc nâng cao chất lượng chuẩn bị văn kiện trình đại hội.

Quán triệt yêu cầu chuẩn bị văn kiện đại hội theo Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, xác định báo cáo chính trị là văn kiện trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác, vì vậy ngoài việc phải đánh giá đúng, trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả đạt được, nâng cao chất lượng công tác dự báo; phải dự báo được thời cơ, thuận lợi và thách thức trong nhiệm kỳ tới trên cơ sở khoa học, từ đó xây dựng được mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ tới

sát tình hình thực tế và có tính khả thi cao. Do đó, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần đầu tư, xây dựng hết sức công phu, nghiêm túc, khoa học. Báo cáo chính trị phải thể hiện đầy đủ nội dung, đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực, sát tình hình thực tế; làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và bài học kinh nghiệm; đồng thời, quán triệt quan điểm, chủ trương, định hướng lớn trong dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của Quân ủy Trung ương, căn cứ điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị để xác định phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, khả thi, hiệu quả trong nhiệm kỳ tới và những năm tiếp theo; chú trọng xác định các giải pháp đột phá vào nhiệm vụ trọng tâm, khắc phục khâu yếu, mặt yếu.

Cùng với báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của cấp ủy là nội dung quan trọng cấu thành văn kiện trình đại hội. Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, không né tránh; đánh giá đúng, khách quan, trung thực công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, chỉ huy, điều hành và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ vừa qua; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII, XIII về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì các cấp; chỉ rõ nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong thời gian tới.

Thứ tư, chuẩn bị chặt chẽ, kỹ lưỡng công tác nhân sự bảo đảm cho sự thành công của đại hội đảng bộ các cấp.

Thực hiện nghiêm việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy. Theo đó, công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy chú trọng đến cơ cấu về độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Việc bổ sung quy hoạch thực hiện đầy đủ các bước, đúng quy trình, chặt chẽ, dân chủ, chú ý nắm chắc tình hình dư luận về cán bộ. Quan tâm, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác. Chủ động rà soát cán bộ chỉ huy, quản lý hết tuổi phục vụ tại ngũ hoặc dự kiến không đủ tuổi tái cử để có phương án giải quyết cho chuyên ra, nghỉ công tác, điều chuyển công tác khác và chuẩn bị nhân sự thay thế.

Công tác chuẩn bị nhân sự tiến hành theo phương châm “làm từng bước chặt chẽ, từng việc cụ thể, từng nhóm chức danh từ thấp đến cao, bảo đảm thận trọng, kỹ lưỡng, làm đến đâu chắc đến đó”, nhất là khâu kết luận tiêu chuẩn chính trị. Để thuận lợi cho công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị của nhân sự, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đội Biên phòng chỉ đạo cơ quan chức năng của Đảng ủy ban hành các hướng dẫn, chỉ đạo cấp ủy các cấp tập trung làm tốt công tác rà soát tiêu chuẩn chính trị nhân sự tham gia cấp ủy các cấp trong Bộ đội Biên phòng, nhiệm kỳ 2025 - 2030 nhằm đánh giá chất lượng chính trị và vấn đề chính trị hiện nay; kịp thời phát hiện trường hợp cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị. Trên cơ sở đó, tổ chức thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, bảo đảm nhân sự tham gia cấp ủy

các cấp trong Bộ đội Biên phòng nhiệm kỳ 2025 - 2030 thật sự trong sạch, đáng tin cậy. Quá trình tổ chức rà soát phải được tiến hành toàn diện, chặt chẽ, thận trọng, khách quan, chính xác có quy trình và cách làm cụ thể, đúng nguyên tắc, quy định của Đảng. Không gây ra tâm lý hoang mang trong cán bộ, đảng viên; không để kẻ địch, phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, kích động gây chia rẽ đoàn kết nội bộ. Tăng cường kiểm tra, rà soát về công tác cán bộ, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, không để xảy ra tình trạng “nâng người này, hạ người kia”, gây nghi ngờ, làm mất đoàn kết nội bộ; kiên quyết không để “lọt” vào cấp ủy người có bản lĩnh chính trị không vững vàng, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, “lợi ích nhóm”, có biểu hiện về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật Quân đội... Đồng thời, rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng không chỉ về tiêu chuẩn, mà còn về kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự; có cơ chế sàng lọc để không bỏ sót người tài, có đức và không để lọt người không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện vào cấp ủy các cấp.

Cùng với đó, phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy (nơi có Bộ đội Biên phòng) để rà soát, cơ cấu cán bộ tham gia ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố; cấp ủy cấp huyện, xã biên giới, hải đảo theo Nghị quyết số

33-NQ/TW, ngày 28-9-2018, của Bộ Chính trị, về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia” và Kết luận số 68-KL/TW, ngày 5-2-2020, của Ban Bí thư, “Về 2 năm thực hiện chủ trương thí điểm tăng thêm cấp ủy viên là các bộ đồn biên phòng vào cấp ủy cấp huyện biên giới ở tỉnh Quảng Ninh” và Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 1-7-2020, của Ban Tổ chức Trung ương, “Về việc tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã biên giới”... bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả.

Thứ năm, trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, chính sách, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, tạo không khí phấn khởi, động viên tinh thần nỗ lực phấn đấu, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao của cán bộ, đảng viên và quần chúng các cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua Quyết thắng.

Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân và toàn xã hội, do đó Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đội Biên phòng xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Công tác tuyên truyền phải bảo đảm sâu rộng để cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong toàn lực lượng nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của đại hội đại biểu đảng bộ các cấp; khẳng định kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025... góp phần tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận của cán bộ, chiến sĩ toàn lực lượng Bộ đội Biên phòng, để tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp. □



PHẦN ĐẦU HIỆN THỰC HÓA MỘT TƯƠNG LAI HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH, HỢP TÁC, THỊNH VƯỢNG VÀ BỀN VỮNG - TÂM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT MẠNH MẼ CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ*

TÔ LÂM

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lời Bộ Biên tập: Ngày 24-9-2024, tại Phiên thảo luận chung Cấp cao Đại hội đồng Liên hợp quốc: “Không để ai bị bỏ lại phía sau: Cùng hành động để thúc đẩy hòa bình, phát triển bền vững và phẩm giá con người cho các thế hệ hiện tại và mai sau”, Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bài phát biểu rất quan trọng; khẳng định tâm nhìn, mục tiêu và cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế về hiện thực hóa một tương lai hòa bình, ổn định, hợp tác, thịnh vượng và bền vững, không chỉ cho người dân ở Việt Nam, mà còn cho tất cả quốc gia trên thế giới. Bài phát biểu đã gửi đi thông điệp mạnh mẽ và tầm nhìn của Việt Nam trong một thế giới đầy biến động. Dư luận quốc tế và trong nước đánh giá cao bài phát biểu rất quan trọng này. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu toàn văn phát biểu của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

Thưa Ngài Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc,

Thưa Ngài Tổng Thư ký Liên hợp quốc,

Thưa Quý vị đại biểu,

Trước hết, tôi xin chúc mừng Ngài Phi-lơ-mông Y-ang được bầu làm Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 79 và tin rằng Hội nghị của chúng ta sẽ thành công tốt đẹp.

Tôi cũng đánh giá cao những đóng góp và nỗ lực quan trọng của Ngài Đên-nít Phran-xít, Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc Khóa 78, và Ngài An-tô-ni-ô Gu-tê-rét,

Tổng Thư ký Liên hợp quốc trong nhiệm vụ điều phối các hoạt động của Liên hợp quốc nhằm ngăn chặn chiến tranh, gìn giữ hòa bình, thúc đẩy hợp tác phát triển toàn cầu trong thời gian qua.

Thế giới đang trong thời kỳ thay đổi có tính thời đại. Hòa bình, hợp tác, phát triển tuy là xu thế lớn, song đang đứng trước những khó khăn, thách thức mới, nghiêm trọng hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, sâu sắc, mở rộng về phạm vi

* Đầu đề do Tạp chí Cộng sản đặt

không gian, gia tăng cường độ và tính đối đầu; mâu thuẫn, xung đột chính trị tăng nhanh, môi trường an ninh ngày càng căng thẳng, không gian sinh tồn, phát triển bị thu hẹp, đe dọa, nguy cơ xung đột, hình thành các điểm nóng, kích thích chạy đua vũ trang, nguy cơ căng thẳng, đối đầu, va chạm trực diện ngày càng gia tăng. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa cường quyền, dân tộc vị kỷ đang thách thức luật pháp quốc tế, làm xói mòn các thể chế đa phương và lòng tin vào hợp tác toàn cầu. Vòng xoáy xung đột và bạo lực leo thang ở nhiều khu vực trên thế giới, gây đau thương cho hàng triệu người dân vô tội. Nguy cơ về cuộc chiến tranh hạt nhân giới hạn, thậm chí cuộc chiến thế giới thứ ba vẫn chưa thể loại trừ.

Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt, biến đổi khí hậu, hiện tượng khí hậu cực đoan, thiên tai, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên, già hóa dân số... đang đẩy lùi các nỗ lực phát triển của nhân loại. Các nước nghèo bị bỏ lại phía sau với khoảng cách phát triển ngày càng xa. Siêu bão Yagi mà Việt Nam và một số nước trong khu vực vừa phải hứng chịu với những hậu quả tàn khốc và tang thương, một lần nữa là sự cảnh báo về mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với sự phát triển nhanh, bền vững của tất cả chúng ta. Lương thực trên thế giới đủ nuôi 1,5 lần dân số toàn cầu, nhưng nạn đói vẫn tiếp tục đe dọa hơn 780 triệu người và 2,4 tỷ người không được bảo đảm an ninh lương thực. Chi tiêu quốc phòng liên tục tăng trong gần một thập niên qua, đạt mức kỷ lục hơn 2,4 nghìn tỷ USD năm 2023, trong khi không thể huy động 100 tỷ USD cho các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Chúng ta chỉ còn 1/3 chặng đường triển khai, nhưng hơn 80% chỉ tiêu của các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) có nguy cơ không thể đạt được đúng thời hạn.

Kinh tế thế giới tăng trưởng khó khăn, xu hướng “phân tách”, phân mảnh và gây sức ép,

trùng phạt kinh tế đe dọa sự phát triển nhanh, bền vững. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra cơ hội phát triển bứt phá, song cũng đặt ra những thách thức gắn liền với an ninh, an toàn của xã hội và người dân.

Đây là những khó khăn, thách thức chưa từng có đối với hòa bình, hợp tác, phát triển bền vững và phẩm giá con người của các thể hệ hiện tại và mai sau. Tình hình hiện nay càng đòi hỏi sự chung tay, cùng hành động, cùng nỗ lực và hợp tác chặt chẽ giữa mọi quốc gia, phát huy cao độ vai trò của các thể chế quốc tế, trước hết là Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế khu vực, trong đó có Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), nhằm đạt mục tiêu cao nhất là chấm dứt chiến tranh, xóa bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột, kiến tạo hòa bình, xây dựng thế giới tốt đẹp và đem đến hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Trên tinh thần đó, tôi mong muốn chia sẻ tầm nhìn của Việt Nam cho một tương lai hòa bình, ổn định, hợp tác, thịnh vượng và bền vững hơn cho mọi người dân:

Thứ nhất, hòa bình, ổn định là nền tảng để kiến tạo tương lai thịnh vượng, cần thúc đẩy tuân thủ luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc ở tất cả các quốc gia, trước hết là các nước lớn. Mỗi quốc gia cần hành xử có trách nhiệm, tuân thủ cam kết của chính mình, tuân thủ luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc; trong đó có các nguyên tắc cơ bản về giải quyết hòa bình các tranh chấp, không sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực, bình đẳng về chủ quyền, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của nhau; tôn trọng thể chế chính trị mỗi nước đã lựa chọn và được Nhân dân ủng hộ; đóng góp vào công việc chung của cộng đồng quốc tế tùy theo khả năng của mình. Không ngừng củng cố đoàn kết, sự chân thành, lòng tin giữa các quốc gia, đề cao đối thoại, loại bỏ đối đầu; quyết liệt phản đối các hành vi cô lập và cấm vận đơn phương đi ngược lại với luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thứ hai, bảo đảm sự phát triển bình đẳng của mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, mỗi con người trong điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa khác nhau. Khai thông, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển phù hợp với nhu cầu của mỗi quốc gia. Ưu tiên nguồn lực cho những “vùng trũng” trong triển khai các Mục tiêu Phát triển bền vững. Chú trọng hỗ trợ các quốc gia đang phát triển, chậm phát triển, đặc biệt là về nguồn vốn ưu đãi, chuyển giao công nghệ tiên tiến, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo thuận lợi về đầu tư, thương mại, giảm gánh nặng nợ cho các nước nghèo.

Thứ ba, sớm thiết lập những khuôn khổ quản trị toàn cầu thông minh với tầm nhìn dài hạn về khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo, bảo đảm thúc đẩy sự phát triển tiên bộ, thụ hưởng những thành tựu tích cực; đồng thời, chủ động ngăn chặn, đẩy lùi những hiểm họa đối với hòa bình, phát triển bền vững của nhân loại. Trong bối cảnh đó, tôi hoan nghênh các văn kiện của Liên hợp quốc thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai, nhất là Văn kiện số toàn cầu. Đây sẽ là nền tảng quan trọng thúc đẩy xây dựng quản trị toàn cầu và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực này.

Thứ tư, có tư duy mới kiến tạo tương lai mang tính chuyển đổi mạnh mẽ, toàn diện, tập trung vào chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi quản trị toàn cầu. Trong đó, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số là những công cụ quan trọng giúp các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển tăng cường sức chống chịu, năng lực tự cường nhằm kịp thời ứng phó, chủ động phòng ngừa trước các cú sốc, khủng hoảng và thảm họa trong tương lai. Tập trung cải tổ các cơ chế đa phương, nhất là hệ thống Liên hợp quốc và các thể chế tài chính - tiền tệ quốc tế bảo đảm tốt hơn tính đại diện, công bằng, minh bạch; tăng cường

năng lực, hiệu quả, sự sẵn sàng cho tương lai và theo kịp một thế giới đang thay đổi.

Thứ năm, đặt con người ở vị trí trung tâm chủ thể để hiện thực hóa các tầm nhìn. Lấy người dân là trung tâm, mục tiêu, động lực của mọi chính sách và hành động ở tất cả cấp độ. Đầu tư và phát triển toàn diện thể hệ trẻ về tri thức, văn hóa trên cơ sở các giá trị chung và tinh thần trách nhiệm, cống hiến. Việt Nam hoan nghênh việc Đại hội đồng đã chính thức trao thêm quyền tham gia thực chất hơn cho Nhà nước Pa-le-xtin từ khóa 79 này; khẳng định đoàn kết với Nhà nước và Nhân dân Cu-ba, kêu gọi Hoa Kỳ gỡ bỏ các biện pháp bao vây, cấm vận đơn phương chống lại Cu-ba và đưa Cu-ba ra khỏi danh sách các quốc gia tài trợ khủng bố. Đây là những hành động cụ thể, thiết thực vì sự phát triển bình đẳng, hạnh phúc của các quốc gia, cần thúc đẩy mạnh mẽ trong thời gian tới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi - Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, đã từng nhấn mạnh “Đoàn kết - đoàn kết - đại đoàn kết. Thành công - thành công - đại thành công”. Chỉ khi đoàn kết, hợp tác, tin cậy, chung sức, đồng lòng, chúng ta mới có thể xây dựng thành công thế giới hòa bình, phát triển bền vững và phẩm giá con người cho các thế hệ hiện tại và mai sau, để không ai bị bỏ lại phía sau.

Trong thế giới đang mạnh mẽ chuyển mình ngày nay, mỗi quốc gia đều đóng một vai trò quan trọng trong bản giao hưởng lớn của thời đại. Việt Nam đang ra sức phấn đấu để có thể hiện thực hóa một tương lai hòa bình, ổn định, hợp tác, thịnh vượng và bền vững, không chỉ cho người dân ở Việt Nam, mà còn cho tất cả quốc gia trên thế giới. Đó là tầm nhìn, là mục tiêu và cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế hôm nay và mai sau.

Xin trân trọng cảm ơn. □

QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN HỢP QUỐC: KHỞI ĐẦU HỢP TÁC MỚI VÌ MỘT TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP CỦA NHÂN LOẠI

ĐẶNG HOÀNG GIANG *

Tháng 1-1946, nhân danh Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc bày tỏ nguyện vọng Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Trải qua những khúc quanh lịch sử, ngày 20-9-1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc. Kể từ đó đến nay, Việt Nam luôn là thành viên tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện các sứ mệnh của Liên hợp quốc; đặc biệt, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc ngày càng phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, hiệu quả.

Liên hợp quốc - biểu tượng của hợp tác toàn cầu vì hòa bình và phát triển

Từ tro tàn của Chiến tranh thế giới lần thứ hai, ngày 24-10-1945, Liên hợp quốc được thành lập với sứ mệnh cao cả là “cứu các thể hệ mai sau khỏi thảm họa chiến tranh đã gây ra đau thương tột cùng cho nhân loại hai lần trong một đời người”. Sự ra đời của Liên hợp quốc là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử với cam kết ngăn chặn, loại bỏ các mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh quốc tế, các hành vi xâm lược, thúc đẩy giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Hiến chương Liên hợp quốc là văn kiện nền tảng đặt ra các nguyên tắc cốt lõi mà mọi quốc gia thành viên phải tuân thủ, là khuôn khổ điều chỉnh hành vi của các quốc gia và tạo nền tảng cho hệ thống luật pháp quốc tế hiện đại. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, hành vi đe dọa

sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực nhằm xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của một quốc gia, hoặc gây tổn hại đến hòa bình và an ninh quốc tế, bị nghiêm cấm theo Điều 2 của Hiến chương Liên hợp quốc.

Liên hợp quốc không chỉ đóng vai trò trung tâm trong việc điều phối hành động quốc tế, mà còn là biểu tượng của hy vọng và hợp tác toàn cầu nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa và nhân đạo. Trong gần tám thập niên qua, Liên hợp quốc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần duy trì hòa bình, an ninh, thúc đẩy phát triển toàn cầu và tiến bộ xã hội. Liên hợp quốc đã trở thành biểu tượng cho những khát vọng cao cả nhất của nhân loại.

* Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Trưởng Phái đoàn Thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc

Về hòa bình và an ninh, Liên hợp quốc đã ngăn chặn không để xảy ra chiến tranh thế giới mới và chiến tranh hủy diệt loài người. Trong lĩnh vực chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và giải trừ quân bị, Liên hợp quốc đã thúc đẩy xây dựng khuôn khổ pháp lý thông qua hệ thống điều ước quốc tế quan trọng nhằm ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, hướng tới mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn vũ khí nguy hiểm này. Cùng với sự nổi lên của các thách thức an ninh mới, tại Liên hợp quốc cũng diễn ra những cuộc thảo luận và từng bước xây dựng cơ chế hợp tác, xử lý thách thức trong các lĩnh vực khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, an ninh mạng, vũ khí sát thương tự hành và mới đây nhất là trí tuệ nhân tạo (AI).

Liên hợp quốc luôn tiên phong trong các nỗ lực trung gian hòa giải, giảm thiểu căng thẳng, ngăn ngừa và hỗ trợ giải quyết xung đột khu vực. Các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (PKO)⁽¹⁾ đã đóng góp tích cực vào việc thiết lập lại hòa bình, chấm dứt xung đột và hỗ trợ tái thiết sau xung đột ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới.

Kể từ những ngày đầu thành lập, Liên hợp quốc đã đẩy mạnh phong trào phi thực dân hóa và chống chủ nghĩa thực dân dựa trên nguyên tắc quyền bình đẳng và dân tộc tự quyết được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc. Hoạt động sôi nổi của Hội đồng quản thác (một trong sáu cơ quan chính của Liên hợp quốc) và Ủy ban Chính trị đặc biệt và phi thực dân hóa⁽²⁾ ghi đậm dấu ấn cũng như nỗ lực của các quốc gia thành viên thúc đẩy tiến trình phi thực dân hóa, chấm dứt hoàn toàn thời kỳ thuộc địa trong thế kỷ XX.

Trong lĩnh vực phát triển, các tổ chức thuộc hệ thống phát triển của Liên hợp quốc, như Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Tổ chức Lương thực và Nông

NGHIỆP Liên hợp quốc (FAO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO),... ở nhiều lĩnh vực khác nhau đã hỗ trợ tài chính, tư vấn chính sách, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và y tế trên toàn cầu, đặc biệt là tại các nước đang phát triển. Liên hợp quốc còn là diễn đàn thảo luận các vấn đề phát triển và kinh tế quốc tế, như thương mại, nợ quốc gia, xóa đói, giảm nghèo, hình thành những giá trị phổ quát về phát triển, từ đó xác định mục tiêu chung vì lợi ích của nhân loại và các khuôn khổ hợp tác quốc tế để thúc đẩy các mục tiêu này, tiêu biểu là các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) và Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Các điều ước lớn về bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, như Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, chống sa mạc hóa đều bắt nguồn từ thảo luận tại các hội nghị của Liên hợp quốc và được cụ thể hóa thành văn kiện pháp lý quốc tế.

Hiện nay, Liên hợp quốc là tổ chức có sự hiện diện phủ khắp toàn cầu và hoạt động ở cả những địa bàn khó khăn nhất. Các cơ quan nhân đạo của Liên hợp quốc tiếp tục cứu trợ hàng triệu người bị ảnh hưởng bởi xung đột, hạn hán, bão, lũ, sóng thần, động đất hằng năm. Chỉ tính trong năm 2023, các cơ quan của Liên hợp quốc đã điều phối hoạt động hỗ trợ nhân đạo cho 245 triệu người ở 74 quốc gia và vùng lãnh thổ, kể cả nơi tình hình thực địa phức tạp, như Áp-ga-ni-xtan, Xu-đăng, Y-ê-men và Dải Ga-da. Mới đây, ngay sau khi siêu bão Yagi xảy ra, gây thiệt hại nặng nề ở miền Bắc Việt Nam, các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam đã nhanh

(1) Tính đến tháng 3-2024, đã có 71 Phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc được triển khai (kể từ năm 1948), trong đó 11 phái bộ hiện đang hoạt động với tổng số 71.000 người tham gia đến từ 121 nước thành viên và ngân sách khoảng 6 tỷ USD/năm

(2) Thuộc Đại hội đồng Liên hợp quốc (Ủy ban 4)

chúng tuyên bố sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam khắc phục thiệt hại, trong đó UNICEF cam kết dành 300.000USD để hỗ trợ đối tượng dễ bị tổn thương.

Về quyền con người, Liên hợp quốc đóng vai trò tiên phong trong đàm phán và xây dựng các văn kiện quốc tế quan trọng, trong đó có Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới (năm 1948), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966). Các văn kiện này là nền tảng của hơn 80 điều ước và tuyên bố quốc tế được thông qua sau đó, nhằm tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy bảo vệ quyền con người. Liên hợp quốc cũng đặc biệt chú trọng đến việc bảo đảm thực hiện quyền con người thông qua các cơ chế, như Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, các báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc cùng hệ thống cơ quan công ước quốc tế về quyền con người.

Qua thời gian, Liên hợp quốc đã khẳng định vai trò không thể thiếu trong đời sống chính trị quốc tế và là trụ cột trung tâm của hệ thống đa phương hiện đại. Kể từ thời điểm thành lập với 51 quốc gia thành viên vào năm 1945, hiện nay Liên hợp quốc đã có 193 quốc gia thành viên, trở thành cơ chế đa phương lớn nhất và toàn diện nhất. Để ghi nhận đóng góp to lớn của Liên hợp quốc, Ủy ban Nobel đã trao tặng Giải Nobel Hòa bình cho nhiều cá nhân và tổ chức thuộc Liên hợp quốc trong gần 80 năm qua, tiêu biểu như UNICEF (năm 1965), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO, năm 1969), Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (năm 1988), Liên hợp quốc và Tổng Thư ký Liên hợp quốc Cô-phi An-nan (năm 2001), gần đây nhất là Chương trình Lương thực thế giới (WFP, năm 2020).

Tuy nhiên, quá trình phát triển của Liên hợp quốc cũng phản ánh những biến đổi phức tạp của bối cảnh chính trị quốc tế, chịu

tác động từ lợi ích quốc gia - dân tộc, chia rẽ - đối đầu giữa các nước và nhóm nước. Hiện nay, Liên hợp quốc đang đối mặt với áp lực phải xử lý hàng loạt cuộc khủng hoảng lớn diễn ra đồng thời trên thế giới. Kỳ vọng đối với Liên hợp quốc ngày càng lớn, trong khi nguồn lực tài chính cam kết chưa tương xứng, thậm chí giảm dần, làm suy yếu khả năng thực hiện hoạt động của tổ chức. Năm 2023, nguồn tài chính huy động cho các hoạt động nhân đạo của Liên hợp quốc đạt 22,7 tỷ USD, chỉ đáp ứng 40% nhu cầu thực tế. Giống như nhiều tổ chức khác, Liên hợp quốc cũng chịu nhiều áp lực từ bộ máy công kênh, chông chéo, hoạt động chưa thực sự hiệu quả, chưa đủ khả năng ứng phó với các thách thức ngày càng nhiều và đan xen.

Đôi tác tin cậy và toàn diện vì các mục tiêu chung

Cách đây gần 80 năm, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời cùng với thời điểm Liên hợp quốc được thành lập. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của Liên hợp quốc trong hệ thống quốc tế và vị trí của Việt Nam trong dòng chảy lịch sử thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc và nhiều quốc gia thành viên vào đầu năm 1946, chính thức đề nghị kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc. Dù gặp phải nhiều trở ngại lịch sử và mãi đến năm 1977, Việt Nam mới trở thành thành viên chính thức của Liên hợp quốc, nhưng chính cuộc đấu tranh kiên cường, bền bỉ vì độc lập dân tộc, tự do và thống nhất đất nước là đóng góp tích cực và thiết thực của Việt Nam vào mục tiêu cao cả của Liên hợp quốc - thúc đẩy hòa bình, độc lập, bình đẳng giữa các dân tộc và quyền tự quyết dân tộc; là nguồn cổ vũ, động viên cho phong trào giải phóng dân tộc lên cao và chấm dứt chủ nghĩa thực dân vào thập niên 60 của thế kỷ XX.

Nhìn lại chặng đường gần nửa thế kỷ qua, quan hệ Việt Nam - Liên hợp quốc đã có những bước phát triển vượt bậc, trên nhiều phương diện và ở nhiều cấp độ. Liên hợp quốc là tổ chức luôn đồng hành, gắn bó với Việt Nam ngay từ những ngày đầu tái thiết đất nước sau chiến tranh và trong công cuộc đổi mới sau này.

Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, các tổ chức phát triển của Liên hợp quốc đã nhanh chóng hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh, tái thiết đất nước và vượt qua những khó khăn kinh tế - xã hội hết sức nặng nề. Liên hợp quốc là cầu nối để Việt Nam tiếp cận nguồn viện trợ nước ngoài và từng bước phá vỡ thế bao vây, cấm vận. Trong giai đoạn đổi mới, Liên hợp quốc tiếp tục hỗ trợ Việt Nam phát triển nguồn lực khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng lực, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, chính sách, xóa đói, giảm nghèo. Nguồn vốn, tri thức, kinh nghiệm từ hệ thống Liên hợp quốc không chỉ góp phần giúp Việt Nam thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt nhiều thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển toàn cầu, mà còn đóng vai trò quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Về phía mình, Việt Nam không ngừng khẳng định vai trò chủ động và đóng góp tích cực vào các hoạt động của Liên hợp quốc, chia sẻ sâu sắc các giá trị cốt lõi của tổ chức này. Từ một nước nhận viện trợ của Liên hợp quốc, Việt Nam chuyển mình, từng bước trở thành thành viên tin cậy, hiệu quả của Liên hợp quốc, là nước đóng góp lớn thứ 49 cho ngân sách của Liên hợp quốc, tham gia ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột chính: hòa bình - an ninh, hợp tác phát triển và quyền con người.

Trong lĩnh vực hòa bình - an ninh, Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu ủng hộ chủ nghĩa đa phương và cách tiếp

cận đa phương để giải quyết các thách thức toàn cầu, khẳng định vai trò then chốt của Liên hợp quốc; đề cao tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, nhất là nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền quốc gia; không đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực chống sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị quốc gia; giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình. Việt Nam đã đóng góp tiếng nói mạnh mẽ phản đối các hành động áp bức, xâm lược, chính trị cường quyền và cấm vận đơn phương trong quan hệ quốc tế.

Việt Nam đã tham gia hầu hết điều ước quốc tế quan trọng về chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và giải trừ quân bị, nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ và thúc đẩy việc thực hiện các điều ước này, trong đó có Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANFWZ), và là nước thứ 10 trên thế giới phê chuẩn Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân (TPNW).

Kể từ năm 2014 đến nay, Việt Nam tích cực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, cử hơn 800 lượt sĩ quan quân đội và công an thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực xa xôi, như Nam Xu-đăng, Cộng hòa Trung Phi, Abyei (khu vực tranh chấp giữa Xu-đăng và Nam Xu-đăng) và trụ sở Liên hợp quốc; hỗ trợ thiết thực và gắn bó với người dân địa phương, thực sự trở thành “sứ giả hòa bình” ở mỗi địa bàn đóng quân, qua đó nâng cao hình ảnh, vị thế của lực lượng vũ trang Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Việt Nam đã hai lần được đồng ý thành viên Liên hợp quốc tín nhiệm bầu là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong các nhiệm kỳ 2008 - 2009, 2020 - 2021 và để lại nhiều dấu ấn quan trọng. Việt Nam đã thúc đẩy các sáng kiến về tuân thủ và đề cao Hiến chương Liên hợp quốc, tăng cường hợp tác giữa Liên hợp quốc và Hiệp

hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng như gắn kết vai trò của ASEAN trong các hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nhấn mạnh yêu cầu giải quyết hậu quả bom, mìn sau chiến tranh. Đặc biệt, trên tinh thần nhân ái, hướng tới người dân, Việt Nam chủ trì xây dựng và thúc đẩy thông qua Nghị quyết số 2573 - nghị quyết riêng đầu tiên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về bảo vệ hạ tầng thiết yếu đối với sự sống của người dân (như bệnh viện, trường học, hạ tầng điện, nước,...), được tất cả 15 nước thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cùng đồng bào thành viên Liên hợp quốc đồng lòng bảo trợ. Trong bối cảnh xung đột, bạo lực đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là Dải Ga-da, nội dung bảo vệ người dân trong xung đột vũ trang tại Nghị quyết số 2573 càng thể hiện rõ giá trị nhân văn và ý nghĩa thiết thực.

Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia công việc chung của Liên hợp quốc vì hòa bình và an ninh quốc tế, luôn kiên trì thúc đẩy đối thoại, giảm căng thẳng và đối đầu, tìm kiếm giải pháp bền vững, toàn diện cho xung đột, đề cao việc tuân thủ luật pháp quốc tế.

Trong lĩnh vực hợp tác phát triển, Việt Nam luôn đóng góp tích cực để thúc đẩy trật tự kinh tế - thương mại quốc tế công bằng, bình đẳng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nước đang phát triển. Mặc dù còn hạn chế về nguồn lực, song Việt Nam vẫn luôn là điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu phát triển toàn cầu, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao và mong muốn chia sẻ kinh nghiệm.

Trong giai đoạn 2000 - 2015, Việt Nam đã hoàn thành phần lớn MDGs, đặc biệt là hoàn thành trước hạn mục tiêu xóa bỏ tình trạng nghèo đói cùng cực, đạt kết quả tốt trong các mục tiêu về giáo dục và tiếp cận của người dân với nước và vệ sinh. Kể từ năm

2015 đến nay, Việt Nam nỗ lực thực hiện các SDGs thông qua Kế hoạch hành động quốc gia lồng ghép các SDGs vào chính sách và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đạt tiến bộ vượt bậc trong các mục tiêu giảm nghèo, bảo hiểm y tế toàn dân, cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục có chất lượng với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Ủng hộ mạnh mẽ lời kêu gọi của Tổng Thư ký Liên hợp quốc An-tô-ni-ô Gu-tê-rêz, Việt Nam đã ban hành cam kết quốc gia về chuyển đổi SDGs, ưu tiên một số lĩnh vực quan trọng, trong đó chú trọng an sinh xã hội, việc làm bền vững, phát triển hệ thống y tế, phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng con người toàn diện, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ và cam kết vững chắc của Việt Nam trong việc đạt được các mục tiêu này.

Mặc dù nguồn lực và trình độ phát triển khoa học - công nghệ còn khiêm tốn, song Việt Nam luôn nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, cam kết phấn đấu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất điện; đẩy mạnh kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm rác thải nhựa đại dương. Việt Nam thuộc nhóm nòng cốt thúc đẩy Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc lấy ý kiến tư vấn của Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) về trách nhiệm của các nước đối với biến đổi khí hậu.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Việt Nam là một trong những quốc gia được cộng đồng quốc tế ghi nhận những kết quả tích cực, cũng như sự chia sẻ kinh nghiệm quý báu trong công tác phòng, chống đại dịch. Tại Liên hợp quốc, Việt Nam đã có sáng kiến đề xuất lấy ngày 27-12 hằng năm là Ngày Quốc tế phòng, chống dịch bệnh để nâng cao nhận thức, mức độ sẵn sàng ứng phó với bệnh dịch, được đồng bào các nước thành viên hoan nghênh và đồng lòng bảo trợ.

Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trong triển khai sáng kiến “Thông nhất hành động” (Delivering as One) nhằm cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Liên hợp quốc ở cấp độ quốc gia, với cột mốc quan trọng là khai trương “Ngôi nhà Xanh một Liên hợp quốc” đầu tiên trên thế giới vào tháng 5-2015.

Những nỗ lực bền bỉ của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế công nhận và ủng hộ, nhất trí bầu vào các vị trí quan trọng điều hành các cơ quan của Liên hợp quốc, như Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77 (2022 - 2023), thành viên Hội đồng Chấp hành UNDP, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Văn phòng Dịch vụ của Liên hợp quốc (UNOPS) nhiệm kỳ 2000 - 2002, thành viên Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC) các nhiệm kỳ 1998 - 2000 và 2016 - 2018, Chủ tịch Đại hội đồng Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) nhiệm kỳ 2018 - 2019, tham gia cơ chế điều hành của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO)...

Trong lĩnh vực quyền con người, Việt Nam kiên định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước lấy người dân là “trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước”, bảo đảm và thúc đẩy quyền con người theo các chuẩn mực quốc tế, tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống xu hướng chính trị hóa quyền con người, đồng thời ủng hộ cách tiếp cận dựa trên đối thoại, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau, thu hẹp khác biệt và bất đồng. Việt Nam đặc biệt chú trọng việc thực hiện các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền phát triển, phù hợp với lợi ích chung của các quốc gia đang phát triển.

Việt Nam đã tham gia từ rất sớm và là thành viên của 7 trong 9 điều ước quốc tế chủ chốt về quyền con người, hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thành viên theo các điều ước này và có nhiều đối thoại với 5 cơ quan

công ước về quyền con người; đồng thời, đón nhiều báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc về quyền con người vào làm việc tại Việt Nam.

Tại Liên hợp quốc, Việt Nam đã thúc đẩy sáng kiến công nhận ngày 11-6 là Ngày vui chơi quốc tế (được 138 nước đồng bảo trợ), ghi nhận vai trò của sự phát triển thể chất, tâm lý của trẻ em cũng như tiến bộ của xã hội, qua đó không chỉ nâng cao nhận thức về quyền lợi của trẻ em trên toàn cầu, mà còn mang ý nghĩa đặc biệt hưởng ứng “Tháng hành động vì trẻ em Việt Nam”, giúp các hoạt động bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam ngày càng có ý nghĩa và thiết thực hơn.

Với vị thế và uy tín quốc tế ngày càng nâng cao, Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế tin nhiệm bầu làm thành viên Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc (cơ quan tiền thân của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc - UPR) trong nhiệm kỳ 2001 - 2003 và Hội đồng Nhân quyền các nhiệm kỳ 2014 - 2016, 2023 - 2025; Hội đồng Chấp hành Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) nhiệm kỳ 2025 - 2027. Trong vai trò thành viên của UPR nhiệm kỳ 2023 - 2025, Việt Nam tiếp tục đóng góp vào các hoạt động và quyết định quan trọng của UPR, ưu tiên bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, bình đẳng giới, chuyển đổi số và quyền con người; xây dựng và thúc đẩy thông qua nghị quyết về bảo đảm quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Những thực tiễn nổi bật của Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện khuyến nghị qua bốn chu kỳ theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát của UPR, đã được Liên hợp quốc cùng nhiều quốc gia trong khu vực ghi nhận và đánh giá cao. Những nỗ lực trên không chỉ thể hiện sự cam kết của Việt Nam đối với việc bảo vệ, thúc đẩy quyền con người, mà

còn góp phần củng cố uy tín quốc tế của đất nước trong lĩnh vực này. Việt Nam đã chính thức tiếp tục ứng cử thành viên UPR nhiệm kỳ 2026 - 2028, thể hiện sự quyết tâm và khả năng duy trì vai trò lãnh đạo trong thúc đẩy cũng như bảo vệ quyền con người trên toàn cầu.

Cùng chung tay vun đắp vì một tương lai tốt đẹp hơn của nhân loại

Thập niên thứ ba của thế kỷ XXI đã đi qua gần 1/2 chặng đường với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Những biến động chính trị - an ninh, kinh tế - xã hội trên thế giới, cùng với các hành động đơn phương, chính trị cường quyền, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chia rẽ - đối đầu trong quan hệ quốc tế tiếp tục đặt chủ nghĩa đa phương và Liên hợp quốc trước không ít thử thách. Đồng thời, các thách thức an ninh phi truyền thống, như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng ngày càng gay gắt, tác động cộng hưởng, sâu rộng và xuyên biên giới, đe dọa đến sự phát triển bền vững của tất cả quốc gia.

Có thể thấy, những biến động chưa từng có của thế giới, đơn cử từ tác động của đại dịch COVID-19 mới đây, là minh chứng sống động cho sự cần thiết và ý nghĩa sống còn của hợp tác đa phương và Liên hợp quốc trong một thế giới ngày càng kết nối, phụ thuộc lẫn nhau, nơi không một quốc gia đơn lẻ nào có thể tự mình giải quyết các thách thức toàn cầu. Các nước vẫn luôn mong muốn chia sẻ khát vọng về hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Đứng trước thời điểm lịch sử 80 năm hình thành và phát triển, Liên hợp quốc tiếp tục khẳng định vai trò không thể thay thế trong hệ thống quản trị toàn cầu và là diễn đàn đa phương quan trọng hàng đầu để các quốc gia đối thoại, cùng thúc đẩy giải pháp cho các vấn đề khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh đó, Liên hợp quốc tiến hành tổ chức một chuỗi sự kiện trong Tuần lễ cấp cao của Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 79, mà tâm điểm là Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai (từ ngày 22-9 đến 23-9-2024) với chủ đề “*Giải pháp đa phương vì một tương lai tốt đẹp hơn*” và Phiên thảo luận chung của Đại hội đồng Liên hợp quốc (từ ngày 24-9 đến 28-9-2024) với chủ đề “*Không để ai bị bỏ lại phía sau: Cùng hành động để thúc đẩy hòa bình, phát triển bền vững và phẩm giá con người cho các thế hệ hiện nay và mai sau*”, nhằm kêu gọi tăng cường hợp tác quốc tế và củng cố chủ nghĩa đa phương, trong đó Liên hợp quốc giữ vị trí trung tâm để thúc đẩy thực hiện các mục tiêu chung, nhất là các SDGs. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai có ý nghĩa lịch sử với chương trình nghị sự kỳ vọng đề cập đến tất cả lĩnh vực hợp tác tại Liên hợp quốc và có quá trình chuẩn bị kéo dài trong gần hai năm qua. Đây là dịp để lãnh đạo, nguyên thủ các quốc gia trao đổi và đề xuất giải pháp nhằm ứng phó với những thách thức toàn cầu, đề ra tầm nhìn chiến lược cho Liên hợp quốc, định hướng phát triển tương lai vì một thế giới hòa bình, thịnh vượng, công bằng và bền vững hơn cho nhân loại. Các thảo luận và quyết định trong khuôn khổ Tuần lễ cấp cao khóa 79 Đại hội đồng Liên hợp quốc có tác động lâu dài và sâu rộng đối với quan hệ quốc tế, hợp tác toàn cầu và thúc đẩy các mục tiêu chung.

Đối với Việt Nam, đất nước đang đứng trước kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Từ một vùng đất không có tên trên bản đồ thế giới và bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã vươn lên trở thành biểu tượng hòa bình, ổn định, có quan hệ rộng mở, thế và lực không ngừng được củng cố và nâng cao, sẵn sàng gánh vác, đóng góp nhiều hơn cho

hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam do đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm dẫn đầu tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai và Phiên thảo luận chung cấp cao của Đại hội đồng Liên hợp quốc với thông điệp quan trọng “*Củng cố chủ nghĩa đa phương, cùng hành động để kiến tạo tương lai hòa bình, ổn định, thịnh vượng và bền vững cho mọi người dân*”. Đây là lần đầu tiên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tham dự trực tiếp Đại hội đồng Liên hợp quốc và cũng là hoạt động ngoại giao đa phương đầu tiên của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại tổ chức quốc tế toàn cầu Liên hợp quốc, qua đó tái khẳng định mạnh mẽ ở cấp cao nhất đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả, chia sẻ tầm nhìn và giải pháp của Việt Nam về vai trò của Liên hợp quốc cũng như các vấn đề lớn của thế giới; đồng thời, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với hợp tác đa phương, các chương trình nghị sự lớn của Liên hợp quốc và quan hệ toàn diện với Liên hợp quốc.

Câu chuyện của Việt Nam từ một đất nước phải trải qua các cuộc kháng chiến trường kỳ, cam go, gian khổ để giành độc lập, tự do; từ chịu cảnh nghèo nàn, lạc hậu sau chiến tranh, vươn mình trở thành quốc gia đang phát triển năng động, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân về mọi mặt; từ một nước bị bao vây, cấm vận nay đã mở rộng quan hệ với hầu hết quốc gia trên thế giới, ngày càng tự tin đảm nhiệm vị trí thành viên của Liên hợp quốc, lạc quan hướng về tương lai, gắn mình với tương lai của khu vực và thế giới, chính là những chia sẻ và đóng góp thiết thực nhằm xây dựng một tương lai hòa bình, thịnh vượng, tươi đẹp cho tất cả người dân trên thế giới.

Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cường quan hệ với Liên hợp quốc nhằm thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc; tham gia đóng góp thực chất vào duy trì hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế; ứng phó kịp thời và hiệu quả các thách thức toàn cầu, nhất là cam kết hành động về biến đổi khí hậu; tiếp tục tích cực triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; đẩy mạnh tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; tăng cường quan hệ giữa Liên hợp quốc với các tổ chức khu vực, đặc biệt đề cao vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực. Bên cạnh đó, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động ứng cử vào các cơ chế quan trọng của Liên hợp quốc, trước tiên là UPR nhiệm kỳ 2026 - 2028, Tòa án quốc tế về Luật Biển (ITLOS) nhiệm kỳ 2026 - 2035, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2032 - 2033; từng bước giới thiệu công dân Việt Nam có đủ phẩm chất, năng lực ứng tuyển vào vị trí điều hành, lãnh đạo các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc.

Nhìn lại chặng đường gần nửa thế kỷ qua, quan hệ đối tác Việt Nam - Liên hợp quốc đạt nhiều kết quả tích cực và có ý nghĩa to lớn, vừa đáp ứng được yêu cầu, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam trong từng giai đoạn, vừa góp phần phát huy hình ảnh, vị thế đất nước, tăng cường tiếng nói và “dấu ấn” đóng góp của Việt Nam tại Liên hợp quốc. Những kết quả này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hai bên mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác, hỗ trợ tích cực cho công cuộc phát triển đất nước, hội nhập quốc tế của Việt Nam, cũng như đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu chung của Liên hợp quốc vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững của nhân loại. □

VIỆT NAM - CU-BA: TÌNH HỮU NGHỊ VƯỢT THỜI GIAN

NGÔ LÊ VĂN*

Tháng 1-1966, trong cuộc mít-tinh tại quảng trường cách mạng Giô-sê Mác-ti ở Thủ đô La Ha-ba-na (Cu-ba), Lãnh tụ Cu-ba Phi-đen Ca-xtô-rô Ru-xô đã phát biểu: “Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình”. Lời nói của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtô-rô Ru-xô thể hiện tình cảm sâu sắc, cam kết mạnh mẽ của Cu-ba đối với cách mạng Việt Nam và sự gắn bó, đoàn kết sâu sắc giữa hai dân tộc. Trong suốt hành trình gần 65 năm qua, kể từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (1960 - 2024), mối quan hệ Việt Nam - Cu-ba đã trở thành biểu tượng mẫu mực, thủy chung, trong sáng, hiếm có của tình đoàn kết quốc tế, vượt qua mọi biên giới địa lý và thử thách của thời gian.

1- Cùng chung hoàn cảnh lịch sử, Việt Nam và Cu-ba đã khắc ghi những trang sử vẻ vang trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tinh thần cách mạng bất khuất và lòng yêu nước sâu sắc của nhân dân hai nước Việt Nam - Cu-ba đã tạo nên mối liên kết đặc biệt giữa hai dân tộc.

Dù cách xa về địa lý, Việt Nam và Cu-ba luôn chia sẻ nét tương đồng trong những trang sử hào hùng của cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của hai dân tộc, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ ra: “Hai nước chúng ta đối lập nhau về mặt địa lý nhưng lại có sự đồng nhất hoàn toàn về mặt đạo đức”⁽¹⁾.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc để giành và bảo vệ nền độc lập là một chương quan trọng trong lịch sử của cả Việt Nam và Cu-ba. Hai dân tộc đã cùng phải trải qua những cuộc kháng chiến gian khổ, kéo dài nhiều thập niên để

giành lại độc lập, tự do dân tộc. Trong khi Việt Nam đối mặt với cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, kéo dài từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1954, thì nhân dân Cu-ba cũng thực hiện cuộc cách mạng chống chế độ độc tài Ba-ti-xta. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Việt Nam không chỉ là một cuộc đấu tranh vũ trang đơn thuần, mà còn là một quá trình đấu tranh toàn diện trên các mặt trận chính trị, kinh tế và văn hóa. Từ các cuộc khởi nghĩa đầu tiên, như phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế, đến phong trào Đông Du, Duy Tân và cuối cùng là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 - tất

* Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương

(1) Việt Hùng: “Báo Granma: Mặt Trời không bao giờ lặn dưới lá cờ Cách mạng”, *Thông tấn xã Việt Nam*, ngày 4-9-2024, <https://www.vietnamplus.vn/bao-granma-mat-troi-khong-bao-gio-lan-duoi-la-co-cach-mang-post974127.vnp>

cả đều là những bước tiến quan trọng trong hành trình giải phóng dân tộc. Đỉnh cao của cuộc kháng chiến này chính là chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” (ngày 7-5-1954), mở ra một giai đoạn mới cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời truyền cảm hứng cho các phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Cu-ba, dưới sự lãnh đạo của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ, giành thắng lợi vào ngày 1-1-1959. Sự kiện này không chỉ đánh dấu việc lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta, mà còn là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử khu vực Mỹ La-tinh và thế giới. Cuộc cách mạng Cu-ba đã thể hiện sức mạnh của một phong trào cách mạng được nhân dân ủng hộ rộng rãi, từ nông dân, công nhân đến đội ngũ trí thức. Chiến thắng này đã mang lại hy vọng và niềm tin cho các phong trào cách mạng trên toàn thế giới.

Trong những năm 60 của thế kỷ XX, cả Việt Nam và Cu-ba đều đứng trước những thách thức to lớn trong quá trình bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước. Thời điểm đó, nhân dân Việt Nam phải tập trung sức lực thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam. Miền Bắc nhanh chóng tập trung phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân để trở thành hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cùng lúc ấy, ở phía bên kia địa cầu, sau thành công của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ năm 1959, nhân dân Cu-ba cũng phải đối mặt với thách thức không kém phần gay gắt đến từ bên ngoài.

Lòng yêu nước, tinh thần quật cường của nhân dân hai nước là yếu tố quyết định thành công của cuộc đấu tranh giành độc

lập dân tộc. Nhân dân Việt Nam và nhân dân Cu-ba đều thể hiện tinh yêu nước nồng nàn và ý chí không khuất phục trước bất kỳ cuộc xâm lược nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đây là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ; vừa là một khẩu hiệu, vừa là một lời nhắc nhở sâu sắc về giá trị cao quý nhất mà một dân tộc cần bảo vệ bằng mọi giá. Tại Cu-ba, tinh thần bất khuất của nhân dân Cu-ba được thể hiện mạnh mẽ qua khẩu hiệu nổi tiếng của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ: “Patria o Muerte” (“Tổ quốc hay là chết”). Đây là quyết tâm son sắt của nhân dân Cu-ba sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả tính mạng, để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước.

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản tại cả hai nước, đặc biệt là vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ, đã đóng góp quyết định vào thắng lợi của hai cuộc cách mạng. “Mục tiêu của cách mạng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”⁽²⁾ là một trong những luận điểm quan trọng trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và con đường cách mạng. Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ từng tuyên bố: “Cách mạng phải vững chắc. Cách mạng phải mạnh mẽ. Cách mạng không phải là sự nghiệp của một ngày hay một năm; mà là từ nay tới mãi mãi. Đó là sự nghiệp vĩnh cửu, mà trong đó nhân tố chính là nhân dân, là những người lao động”⁽³⁾. Tư tưởng lớn của hai nhà lãnh đạo vĩ đại đã dẫn dắt nhân dân hai nước vượt

(2) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, t. 1, tr. IX

(3) Xem: “Những tuyên bố thể hiện tư tưởng của lãnh tụ Cuba Fidel Castro”, *Tạp chí Tuyên giáo*, ngày 3-12-2016, <https://www.tuyengiao.vn/nhung-tuyen-bo-the-hien-tu-tuong-cua-lanh-tu-cuba-fidel-castro-92573>

qua mọi khó khăn, thử thách để giành và giữ vững độc lập, tự do.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng vĩ đại, là một nhà tư tưởng lỗi lạc, định hướng cho cuộc đấu tranh giành độc lập, xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam. Tầm nhìn chiến lược, phong cách lãnh đạo gần gũi, dân chủ của Người đã truyền cảm hứng cho các thế hệ Việt Nam và các nhà cách mạng trên toàn thế giới. Người chỉ rõ: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”⁽⁴⁾. Tại Cu-ba, Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ cũng thể hiện vai trò lãnh đạo xuất sắc trong cuộc cách mạng Cu-ba và quá trình xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ nhấn mạnh: “*Đấu tranh vì hòa bình là nghĩa vụ thiêng liêng nhất của mỗi người, bất kể tôn giáo, nguồn gốc, màu da và lứa tuổi*”⁽⁵⁾. Ông không chỉ lãnh đạo cuộc cách mạng thành công, mà còn kiến tạo nên một Cu-ba độc lập, tự chủ. Tầm nhìn chiến lược của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đã góp phần quan trọng khơi dậy tinh thần đoàn kết dân tộc và đối phó với thách thức từ bên ngoài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ là hai nhà lãnh đạo có tầm ảnh hưởng vượt ngoài biên giới quốc gia, trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh giành độc lập tại mỗi đất nước, cũng như nguồn cảm hứng cho các phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Tư tưởng và hành động của hai vị lãnh tụ đã góp phần định hình lại bản đồ chính trị thế giới trong thế kỷ XX, nhất là ở các nước đang phát triển.

Trong bối cảnh lịch sử đầy thử thách, Việt Nam và Cu-ba dù cách xa nhau nửa vòng Trái đất đã trở nên vô cùng gần gũi trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ nền độc lập, tự do và quyền tự quyết của dân tộc. Tinh thần đoàn kết, ý chí

quật cường và khát vọng độc lập, tự do của hai dân tộc đã tạo nên một mối liên kết sâu sắc, vượt qua trở ngại về khoảng cách địa lý và những khác biệt về văn hóa. Đồng chí Tô Hữu từng viết: “*Tình hữu nghị và đoàn kết chiến đấu anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cu-ba đời đời bền vững!*”⁽⁶⁾. Đây chính là lời khẳng định tình hữu nghị son sắt, thủy chung, trước sau như một giữa hai nước Việt Nam - Cu-ba nói chung, nhân dân hai nước Việt Nam - Cu-ba nói riêng.

Mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Cu-ba được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ gieo mầm và thúc đẩy, đã trở thành biểu tượng đẹp của tình đoàn kết quốc tế trong thế kỷ XX. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Tư lệnh Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đều là các chiến sĩ tiên phong mở đường và dẫn đường trong cuộc đấu tranh vì phẩm giá con người, đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa thực dân, chống áp bức, bất công. Sự tương đồng về tư tưởng giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đã tạo nền tảng vững chắc cho tình hữu nghị lâu dài giữa Việt Nam và Cu-ba, đồng thời trở thành nguồn cảm hứng cho phong trào đoàn kết quốc tế trên toàn thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ - hai nhà lãnh đạo với tầm nhìn xa, trông rộng - đã sớm nhận thấy giá trị của sự gắn kết giữa các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập, tự do. Hai vị lãnh tụ luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của tình đoàn kết quốc tế, không chỉ giữa Việt Nam và Cu-ba, mà còn giữa tất cả các quốc gia đang đấu tranh cho độc lập, tự do trên toàn thế giới;

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 30

(5) Xem: “*Những tuyên bố thể hiện tư tưởng của lãnh tụ Cuba Fidel Castro*”, *Tlđđ*

(6) *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, 2005, t. 39, tr. 494

không chỉ chia sẻ những lý tưởng cao đẹp, mà còn thể hiện sự ủng hộ thiết thực đối với cách mạng hai nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dõi theo và trân trọng những bước tiến của cách mạng Cu-ba, trong khi Tổng Tư lệnh Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ xem cuộc kháng chiến của Việt Nam như một nguồn cảm hứng bất tận cho cuộc đấu tranh của nhân dân Cu-ba. Sự tương đồng đặc biệt này đã mở đường cho các cuộc gặp gỡ và hợp tác giữa hai quốc gia trong những năm tháng sau đó.

Một minh chứng cho tình đoàn kết sâu sắc này là chuyến thăm lịch sử của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đến vùng giải phóng miền Nam Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị vào năm 1973, trở thành nguyên thủ quốc gia đầu tiên trên thế giới đặt chân đến vùng đất đang phải gánh chịu nhiều bom đạn của Việt Nam. Trong dịp này, Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đã nhấn mạnh: “Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình”. Hành động và lời nói của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ và là biểu tượng sinh động cho tinh thần đoàn kết không gì lay chuyển giữa hai dân tộc. Sự hiện diện của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ trên chiến trường Việt Nam đã trở thành một biểu tượng, đánh dấu sự gắn bó sâu sắc giữa hai quốc gia trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự do của hai dân tộc.

Sự tương đồng về tư tưởng giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ đã tạo nên sự kết nối giữa hai con người và sợi dây gắn kết tinh thần chiến đấu, niềm tin bất diệt vào chiến thắng của hai dân tộc, tác động sâu rộng, góp phần định hình mối quan hệ bền chặt giữa Việt Nam và Cu-ba, tạo nền tảng vững chắc cho hợp tác toàn diện giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, trở thành hình mẫu cho tinh thần đoàn kết quốc tế, lan

tỏa rộng khắp trong phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới, thắp sáng ngọn lửa hy vọng cho các dân tộc đang đấu tranh vì tự do và công lý. Đó cũng là biểu tượng đẹp nhất của tình đoàn kết Việt Nam - Cu-ba.

Sự ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước và hai dân tộc đã trở thành một tấm gương về tình hữu nghị đặc biệt, thủy chung, chân thành và bền vững, vượt qua mọi ranh giới địa lý cũng như thách thức của thời cuộc. Trong suốt cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của Việt Nam, Cu-ba luôn bên cạnh với sự ủng hộ mạnh mẽ cả về vật chất và tinh thần. Những tuyên bố đầy xúc động của Lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ: “Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình”, “Trong cuộc chiến đấu mới này, Việt Nam cần gì đã có Cu-ba bên cạnh”⁽⁷⁾ đã trở thành nguồn động viên tinh thần to lớn cho quân và dân Việt Nam. Giai đoạn những năm 60 của thế kỷ XX, dù còn nhiều khó khăn về kinh tế do bị bao vây, cấm vận, Chính phủ và nhân dân Cu-ba vẫn dành cho Việt Nam sự ủng hộ chân thành, không toan tính cả về vật chất và tinh thần. Cu-ba đã cử nhiều chuyên gia, bác sĩ, nhân viên y tế sang hỗ trợ, giúp đỡ điều trị cho các thương binh và người dân bị nạn của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, cử chuyên gia cầu đường sang tham gia cùng bộ đội Trường Sơn mở rộng đường mòn Hồ Chí Minh, giúp đào tạo hơn 1.000 sinh viên Việt Nam ở trình độ đại học và cao học. Các tàu thuyền Cu-ba vẫn cập cảng Hải Phòng vận chuyển hàng cứu trợ của nhân dân Cu-ba giúp nhân dân Việt Nam. Trên mặt trận ngoại giao, Cu-ba

(7) Xem: “Cuba đã giúp đỡ Việt Nam như thế nào?”, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 22-11-2017, <https://ct.qdnd.vn/ho-so-tu-lieu/cuba-da-giup-do-viet-nam-nhu-the-nao-521839>

giúp vận động các nước ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Năm 1973, Cu-ba đã tặng Việt Nam 5 công trình quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội với tổng trị giá khoảng 80 triệu USD, bao gồm Khách sạn Thắng Lợi tại Thủ đô Hà Nội, Bệnh viện Việt Nam - Cu-ba tại Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình), đường Xuân Mai, Trại bò giống Ba Vì, Xí nghiệp gà Lương Mỹ⁽⁸⁾.

Việt Nam cũng luôn dành tình cảm chân thành, khẳng định tình đoàn kết và ủng hộ Cu-ba là lương tâm và trách nhiệm của những người cộng sản và toàn thể nhân dân Việt Nam; là đạo lý, truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam thủy chung với đồng chí, bạn bè. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Nhân dân ta kiên quyết đứng bên cạnh nhân dân Cuba anh em”⁽⁹⁾. Nhân dân Việt Nam đã quyên góp ủng hộ 50.000 tấn gạo, quần áo, đồ dùng học tập cho học sinh, máy tính và một số mặt hàng tiêu dùng cần thiết khác⁽¹⁰⁾, góp phần giúp nhân dân Cu-ba vượt qua thời kỳ khó khăn đặc biệt trong những năm 90 của thế kỷ XX. Nhiều dự án viện trợ, hợp tác được triển khai, như giúp Cu-ba sản xuất lúa gạo, từng bước bảo đảm an ninh lương thực. Trên các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế, tiếng nói của Việt Nam luôn vang lên mạnh mẽ, bảo vệ quyền độc lập, tự chủ của Cu-ba, yêu cầu gỡ bỏ các lệnh bao vây, cấm vận đơn phương và phi lý chống Cu-ba.

Quan hệ Việt Nam - Cu-ba không chỉ là một mối quan hệ ngoại giao thông thường, mà đã trở thành một biểu tượng của sự thủy chung, trong sáng, hiếm có giữa các quốc gia trên thế giới. Từ giai đoạn kháng chiến đến thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước, hai dân tộc vẫn luôn sát cánh bên nhau, cùng chia sẻ lý tưởng và nguyện vọng xây dựng một thế giới hòa bình, độc lập và thịnh vượng. Đây là một minh chứng sống động

cho sức mạnh của tình đoàn kết quốc tế, một tấm gương sáng về tình hữu nghị chân thành, bền vững giữa các dân tộc, được tôi luyện qua thử thách của lịch sử và thời gian. Sự gắn bó, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước đã tạo nên một mối quan hệ đặc biệt hiếm có trên trường quốc tế, một tình hữu nghị vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính thời đại.

2- Phát huy truyền thống gắn bó, thủy chung giữa hai nước, hai dân tộc, trong những năm qua, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Cu-ba không ngừng được củng cố, thúc đẩy và phát triển trên mọi lĩnh vực. Hai bên phối hợp chặt chẽ, ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế.

Về chính trị - ngoại giao, quan hệ gắn bó, tin cậy giữa hai Đảng, hai nước không ngừng được củng cố. Mối quan hệ đặc biệt không có tiền lệ Việt Nam - Cu-ba không chỉ được thúc đẩy qua các kênh song phương, mà còn trên các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế. Sự tin cậy lẫn nhau giữa Việt Nam - Cu-ba được thể hiện rõ nét qua các chuyến thăm cấp cao thường xuyên của lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước, trong đó có: Thủ tướng Cu-ba Ma-nu-en Ma-rê-rô Crút (Manuel Marrero Cruz) thăm chính thức Việt Nam (tháng 10-2022); Chủ tịch Quốc hội Cu-ba Ê-xtê-ban Êc-năng-đê (La-giô Esteban Lazo Hernandez) thăm Việt Nam và tham dự Lễ kỷ niệm 50 năm nhân chuyến thăm của Lãnh tụ Cu-ba Phi-đen Ca-xtơ-rô Ru-xơ tới vùng giải phóng miền Nam Việt

(8) Xem: “Cuba đã giúp đỡ Việt Nam như thế nào?”, *Tlđđ*

(9) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđđ, 2005, t. 43, tr. 145

(10) Xem: “Cuba đã giúp đỡ Việt Nam như thế nào?”, *Tlđđ*

Nam (tháng 9-2023); Đồng chí Thường trực Ban Bí thư Đảng Cộng sản Cu-ba Rô-béc-tô Mô-ran-lét Ô-giê-đa (Roberto Morales Ojeda) thăm Việt Nam, tham dự Hội thảo lý luận lần thứ V giữa hai Đảng (tháng 5-2023); Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang thăm chính thức Cu-ba (tháng 4-2024)... Mỗi chuyến thăm là dịp để hai bên trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng Đảng, lãnh đạo, quản lý và phát triển đất nước, qua đó củng cố quan hệ đoàn kết, truyền thống, hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước. Các hoạt động đối ngoại cấp cao đã góp phần quan trọng củng cố, phát triển mối quan hệ bền chặt giữa hai quốc gia, tạo động lực cho hợp tác toàn diện trong nhiều lĩnh vực.

Trong lĩnh vực ngoại giao đa phương, Việt Nam và Cu-ba duy trì quan hệ hợp tác và ủng hộ lẫn nhau tại các tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương, nhất là tại Liên hợp quốc. Việt Nam tích cực thúc đẩy, hỗ trợ Cu-ba ký kết Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC, tháng 11-2020); ủng hộ Cu-ba ứng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2021 - 2023. Cu-ba ủng hộ Việt Nam ứng cử vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

Hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước trong những năm gần đây đã có những bước tiến quan trọng. Đặc biệt là, Hiệp định thương mại Việt Nam - Cu-ba được ký kết vào tháng 11-2018, chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1-4-2020, là cơ sở pháp lý quan trọng để doanh nghiệp hai bên thúc đẩy hợp tác, nâng cao kim ngạch thương mại trong thời gian tới. Hiện nay, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ hai của Cu-ba tại khu vực châu Á, với các mặt hàng xuất khẩu chính sang Cu-ba là gạo, than đá, thiết bị điện tử, điện gia dụng, quần áo, giày dép; các

mặt hàng nhập khẩu từ Cuba chủ yếu là dược phẩm, nguyên liệu sản xuất trong ngành dược. Trong giai đoạn năm 2019 trở về trước, kim ngạch xuất, nhập khẩu hai nước luôn đạt tỷ lệ tăng trưởng ấn tượng ở mức trên 20%/năm. Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19, kim ngạch thương mại giữa hai nước trong các năm 2020, năm 2021, năm 2022 giảm nhẹ, lần lượt đạt 178,5 triệu USD, 261,7 triệu USD và 182 triệu USD⁽¹¹⁾. Trong 8 tháng năm 2024, kim ngạch trao đổi thương mại song phương đạt 134,7 triệu USD, tăng 187% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, Việt Nam xuất khẩu 133,36 triệu USD, tăng 184,3% và nhập khẩu 1,33 triệu USD từ Cu-ba⁽¹²⁾. Có thể thấy, mặc dù phải đối mặt với thách thức về khoảng cách địa lý, hợp tác thương mại song phương giữa Việt Nam và Cu-ba vẫn không ngừng phát triển.

Về hợp tác đầu tư, đến nay, Việt Nam là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Cu-ba tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã thúc đẩy các dự án đầu tư tại Cu-ba, như các dự án đầu tư/liên doanh của Tổng Công ty Viglacera, Công ty Thái Bình và Công ty Agri VMA tại ZED Mariel,... Hiện nay, mặc dù còn khó khăn từ sự khác biệt về cơ chế giữa hai nước, tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới, song các dự án này vẫn được duy trì sản xuất, kinh doanh. Trong đó, có 7 dự án do doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại ZED Mariel trong các lĩnh vực: kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất bột giặt,

(11) Mai Phương: “Tiếp tục củng cố quan hệ truyền thống tốt đẹp Việt Nam - Cuba”, *TTXVN/Vietnam+*, ngày 12-4-2024, <https://baotintuc.vn/thoi-su/tiep-tuc-cung-co-quan-he-truyen-thong-tot-dep-viet-nam-cuba-20240412074139356.htm>

(12) Uyên Hương: “Việt Nam-Cuba còn nhiều dư địa tăng trưởng thương mại”, *TTXVN/Vietnam+*, ngày 20-9-2024, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-cuba-con-nhieu-du-dia-tang-truong-thuong-mai-post977947.vnp>

bim tã lót, năng lượng mặt trời, thức ăn chăn nuôi và sản xuất lúa gạo; góp phần cung cấp hàng hóa cho thị trường Cu-ba và tạo việc làm cho người dân địa phương. Phía Cu-ba cũng luôn sẵn sàng tạo điều kiện ưu tiên cho nhà đầu tư Việt Nam.

Trong lĩnh vực *nông nghiệp*, Việt Nam và Cu-ba đã xây dựng mô hình hợp tác hai bên cùng có lợi. Việt Nam hỗ trợ Cu-ba về kỹ thuật trồng lúa, ngô và cải tiến công nghệ canh tác, góp phần nâng cao năng suất nông nghiệp của Cu-ba, trong đó có thể kể đến dự án hợp tác hỗ trợ Cu-ba phát triển sản xuất lúa gạo quy mô hộ gia đình giai đoạn 2011 - 2015 với tổng số vốn đầu tư 43 triệu USD đã đạt kết quả tích cực. Về phía Cu-ba, với thế mạnh trong canh tác mía, cà phê và thuốc lá, Cu-ba đã hỗ trợ đắc lực cho Việt Nam phát triển các ngành này. Hiện nay, trên cơ sở dự án phát triển sản xuất lúa gạo giai đoạn 2019 - 2023, hai nước tiếp tục triển khai dự án sản xuất lúa gạo giai đoạn mở rộng 2023 - 2025. Bên cạnh đó, hoàn tất thủ tục để triển khai các dự án hợp tác nuôi trồng thủy sản, sản xuất ngô tại Cu-ba...

Trên lĩnh vực *y tế*, hai nước đã chia sẻ cho nhau thành tựu nghiên cứu khoa học y tế, đặc biệt là về vắc-xin. Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19, Việt Nam đã gửi sang Cu-ba nhiều thuốc men và hàng hóa quan trọng phục vụ phòng, chống dịch bệnh. Cu-ba đã gửi cho Việt Nam nhiều loại thuốc được sản xuất với dây chuyền công nghệ cao và hàng triệu liều vắc-xin do Cu-ba sản xuất. Không chỉ vậy, là một quốc gia có nền y học tiên tiến, Cu-ba góp phần to lớn đào tạo đội ngũ bác sĩ cho Việt Nam và cung cấp các loại thuốc chữa bệnh hiệu quả⁽¹³⁾. Trong lĩnh vực công nghệ sinh học và dược phẩm, Cu-ba đã trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy, hỗ trợ Việt Nam trong nghiên cứu và sản xuất vắc-xin cũng như các loại thuốc đặc trị. Những dự án

nghiên cứu chung giữa hai nước không chỉ mang lại lợi ích thiết thực cho ngành y tế Việt Nam, mà còn là minh chứng cho sức mạnh của tình đoàn kết quốc tế.

Trong tương lai, Việt Nam và Cu-ba có nhiều tiềm năng mở rộng hợp tác, nhất là trong các lĩnh vực mới mà hai bên có thế mạnh và có nhu cầu, như công nghiệp, nông nghiệp, chế biến lương thực - thực phẩm, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, phát triển công nghệ xanh, công nghệ sinh học, dược phẩm, dịch vụ y tế, xây dựng, du lịch,... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của hai nước và ứng phó với các thách thức toàn cầu.

Trên nền tảng vững chắc của tình hữu nghị sâu sắc và lịch sử lâu đời, quan hệ Việt Nam - Cu-ba sẽ tiếp tục được củng cố và phát triển trong thời gian tới. Đặc biệt, chuyến thăm cấp Nhà nước tới Cu-ba của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm theo lời mời của đồng chí Bí thư thứ nhất, Chủ tịch nước Cu-ba Mi-ghen Đi-át Ca-nen Béc-mu-dê (từ ngày 25 đến 26-9-2024) có ý nghĩa lịch sử đối với triển vọng hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Cu-ba. Chuyến thăm thể hiện sự tiếp nối mối quan hệ đoàn kết, truyền thống, thủy chung, trước sau như một của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam với Đảng, Nhà nước và nhân dân Cu-ba anh em. Đây là hoạt động đối ngoại hết sức quan trọng giữa hai nước, khẳng định sự coi trọng và tình cảm bạn bè thân thiết của Việt Nam đối với Cu-ba, sẵn sàng đồng hành, hợp tác, cùng phát triển với Cu-ba để không ngừng củng cố, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai nước Việt Nam - Cu-ba. □

(13) “Việt Nam tiếp nhận thuốc phòng, chống dịch COVID-19 do Cuba tài trợ”, *Thông tấn xã Việt Nam*, ngày 5-8-2020, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tiep-nhan-thuoc-phong-chong-dich-covid-19-do-cuba-tai-tro-post655849.vnp>

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA ĐẢNG TA TRONG GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI

THÁI VĂN LONG*

Ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường luôn trở thành động lực mạnh mẽ trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng kể từ khi ra đời từ năm 1930 đến nay, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ luôn được Đảng ta đặt ra thường xuyên. Trải qua gần 40 năm đổi mới, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ngày càng được nhận thức, bổ sung sâu sắc, đầy đủ hơn, phản ánh năng lực tư duy và tầm trí tuệ lãnh đạo đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ qua các kỳ đại hội Đảng trong gần 40 năm đổi mới

Sự phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới được thể hiện qua mỗi kỳ đại hội Đảng. Đại hội VI (năm 1986) của Đảng diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh lạnh đang đi vào hồi kết. Tình hình chính trị thế giới có nhiều biến động, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng trầm trọng, sụp đổ, tan rã. Trong khi đó, nước ta không còn nhận viện trợ, đầu tư từ các nước xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế bị thu hẹp, cô lập, cấm vận, nhất là đối với thị trường các nước ngoài khối xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, Đảng ta kịp thời phân tích, đánh giá tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Theo đó, Đại hội VI của Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tranh thủ điều kiện thuận lợi về hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi vào phân công và hợp tác quốc tế trong Hội

đồng Tương trợ Kinh tế (SEV), đồng thời mở rộng quan hệ với các nước khác. Không chỉ vậy, Đảng ta chủ trương “tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới”⁽¹⁾. Chủ trương này của Đảng thể hiện cách tiếp cận mới, đó là độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, “đóng cửa” với thế giới, từ đó mở đường cho tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm đầu đổi mới.

Đến Đại hội VII (năm 1991), Đảng ta khẳng định: “Độc lập dân tộc là điều kiện

* PGS, TS, Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 84

tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc”⁽²⁾. Điềm mới trong nhận thức lý luận về độc lập, tự chủ là Đảng ta đã làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời coi đây là bài học xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Về đối ngoại, Đại hội VII của Đảng đề ra nhiệm vụ “tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”⁽³⁾. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* (Cương lĩnh 1991) khẳng định bản lĩnh, trí tuệ của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân kiên định con đường đổi mới, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo tinh thần Đại hội VII của Đảng và Cương lĩnh 1991, từ chỗ bị cô lập, cấm vận, đất nước ta đã chủ động phá thế bao vây, bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, thực hiện chủ trương “muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế”. Đây là minh chứng sinh động và ý nghĩa về tầm quan trọng của việc nhận thức và phát triển lý luận về độc lập, tự chủ của Đảng trong lựa chọn con đường phát triển đất nước trước những biến động của thời cuộc.

Năm 1996, Đại hội VIII của Đảng mở rộng cách tiếp cận về nội hàm độc lập, tự chủ từ nâng cao ý thức độc lập, tự chủ đến yêu cầu tạo lập được vị thế độc lập, tự chủ bao gồm “độc lập, tự chủ về kinh tế, quốc phòng, an ninh”⁽⁴⁾, sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập... và “Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế”⁽⁵⁾. Cái mới trong nhận thức và phát triển lý luận về độc lập, tự chủ của Đại hội VIII của Đảng là đưa thuật ngữ “hội nhập kinh tế quốc tế” vào văn kiện, đồng thời làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc

lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng khẳng định: “Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc”⁽⁶⁾. Đến Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (tháng 12-1997) nhận thức rõ hơn: Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường là cơ sở vững chắc để đẩy mạnh hơn nữa đoàn kết, hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nâng cao ý chí tự lực, tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội IX (năm 2001) của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc, khó lường, trong đó chính trị cường quyền nổi lên và kinh tế thế giới dần lâm vào suy thoái, khủng hoảng; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế khách quan, đặt ra nhiều cơ hội và thách thức đối với Việt Nam. Trước tình hình đó, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ tiếp tục được Đảng ta nhận thức, bổ sung đầy đủ hơn, gắn quan hệ giữa độc lập, tự chủ với hội nhập kinh tế quốc tế: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa...”⁽⁷⁾. Chủ trương này phản ánh bước chuyển lớn về tư duy lý luận độc lập, tự chủ trong đường lối đối ngoại của Đảng. Quan điểm chỉ đạo được Đại hội IX đưa ra là: “... phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về

(2), (3), (4), (5) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), *Sđd*, tr. 224, 331, 22, 84

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, tr. 74

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 43

đường lối, chính sách... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế..., kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước”⁽⁸⁾. Mở rộng quan hệ với các nước, trung tâm kinh tế quốc tế, nhưng không để nền kinh tế nước nhà bị lệ thuộc hay chịu sự chi phối từ bên ngoài.

Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 12-7-2003, của Hội nghị Trung ương 8 khóa IX, “Về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, xác định việc giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ đối ngoại và củng cố môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tích cực, chủ động tiến hành hoạt động đối ngoại trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, thực hiện hội nhập khu vực và quốc tế.

Tại Đại hội X (năm 2006) của Đảng, nhận thức về lý luận về độc lập, tự chủ được đúc rút thành bài học kinh nghiệm: “... trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh”⁽⁹⁾. Đại hội X bổ sung cụm từ “tích cực” vào chủ trương hội nhập: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác...”⁽¹⁰⁾. Đồng thời bổ sung: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước... Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương”⁽¹¹⁾.

Đến Đại hội XI (năm 2011), nhận thức lý luận của Đảng về độc lập, tự chủ được khẳng định rõ hơn khi thống nhất dùng khái niệm “độc lập, tự chủ” thay cho “độc lập tự chủ” để thể hiện đúng hai mặt “độc lập” và “tự chủ” của “chủ quyền quốc gia”. Nhằm cụ thể hóa mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong đường lối phát triển, ngày 10-4-2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị

quyết số 22-NQ/TW, “Về hội nhập quốc tế” nhằm hướng tới củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Một điểm mới trong nhận thức và phát triển lý luận của Đảng về độc lập, tự chủ là đã đưa mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là một trong tám mối quan hệ lớn cần tập trung giải quyết trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)⁽¹²⁾.

Trên cơ sở nhận thức đúng về xu thế thời đại và cục diện thế giới, Đại hội XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục khẳng định quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là một trong mười mối quan hệ lớn⁽¹³⁾, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt. Đồng thời, trên cơ sở làm sáng tỏ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, Đảng ta chỉ đạo việc thực hiện các chính sách: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ,

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 25 - 26

(9) Văn kiện Đại hội đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Sđd, tr. 622

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 112

(11) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd, tr. 114

(12) Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 72 - 73

(13) Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 17 - 18

hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế⁽¹⁴⁾. Đảng khẳng định quan điểm: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi...”; “xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”⁽¹⁵⁾.

Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng diễn ra trong bối cảnh thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó đoán định. Đại dịch COVID-19 gây đảo lộn nghiêm trọng về kinh tế, xã hội toàn cầu. Tuy nhiên, khi dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát tại hầu hết các nước trên thế giới, thì những yếu tố bất định, rủi ro từ an ninh phi truyền thống, như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, xung đột chính trị, cạnh tranh chiến lược; rủi ro lạm phát, tài chính - tiền tệ; an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh chuỗi cung ứng... đã và đang đặt ra nhiều thách thức đối với việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại”⁽¹⁶⁾. Đồng thời, tiếp tục nhấn mạnh: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia”⁽¹⁷⁾.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ta trong bối cảnh mới của tình hình khu vực và thế giới

Trong những năm qua, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển tuy vẫn là xu thế lớn, nhưng đang

bị thách thức nghiêm trọng. Cạnh tranh chiến lược nước lớn, nhất là cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc - hai cường quốc hàng đầu thế giới - đã và đang tác động đa chiều đến định hình trật tự thế giới mới. Vấn đề tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, biển, đảo diễn biến phức tạp ở nhiều khu vực. Chạy đua vũ trang, cuộc chiến thương mại ngày càng phức tạp làm cho quá trình toàn cầu hóa và kinh tế thế giới đối mặt với nhiều trở ngại. Chủ nghĩa cường quyền, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy gia tăng. Các vấn đề toàn cầu, an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, đồng thời đưa tới cả thời cơ lẫn thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Bối cảnh thế giới, khu vực phức tạp, khó lường nêu trên đặt ra không ít vấn đề liên quan đến độc lập, tự chủ của các nước, nhất là những nước nhỏ, đang phát triển.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng được hình thành, phát triển qua các thời kỳ lịch sử cách mạng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945 - 1975), Đảng ta đã nhận thức và giải quyết vấn đề độc lập, tự chủ trong hoạt động đối ngoại đi đôi với tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế. Đó là, thực hiện đường lối kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi lịch sử vào Mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ bảo vệ nền độc lập và tìm tòi con đường đổi mới (1975 - 1985), đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng đã dần tiếp cận với những biến chuyển của thời cuộc cũng như trong nước;

(14), (15) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, *Sđd*, tr. 153, 77, 153

(16), (17) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, *Sđd*, t. I, tr. 161, 164

tư duy của Đảng cũng đổi mới từng phần quan trọng về mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Giữ vững độc lập, tự chủ, từng bước thoát khỏi bao vây, cấm vận là kết quả của sự tìm tòi, sáng tạo, phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng, tạo cơ sở, tiền đề cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước giai đoạn tiếp theo - thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay). Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong thời kỳ đổi mới và trong bối cảnh mới của tình hình khu vực và thế giới có thể bước đầu được định hình qua cách nhìn của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Độc lập, tự chủ đồng nghĩa với việc mọi quyết định phải trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc và các nguyên tắc chung của cộng đồng quốc tế... Độc lập, tự chủ là cơ sở để huy động ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo sức mạnh tổng hợp, qua đó giúp củng cố độc lập, tự chủ. Độc lập, tự chủ được hiểu một cách biện chứng, linh hoạt, trong đó hội nhập quốc tế là chấp nhận có nghĩa vụ, ràng buộc nhất định, nhưng luôn bảo đảm sự độc lập, tự chủ của quốc gia trên tất cả các mặt kinh tế và quốc phòng, an ninh và đối ngoại, văn hóa và xã hội⁽¹⁸⁾.

Để nhận thức sâu sắc và vận dụng đúng đắn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, cần xử lý đúng đắn, hài hòa các mối quan hệ:

Thứ nhất, mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ với mở cửa, hội nhập quốc tế. Độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, “đóng cửa” với thế giới, mà phải mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới.

Thứ hai, mối quan hệ hữu cơ giữa độc lập, tự chủ với định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc độc lập dân tộc.

Thứ ba, mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế. Tâm điểm

của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ chính là sự gắn kết giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đó là, tiếp cận toàn diện về độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, lấy nội lực là quyết định, huy động tối đa ngoại lực. Hội nhập quốc tế để phục vụ độc lập, tự chủ, còn độc lập, tự chủ là nền tảng cho hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện và hiệu quả.

Thứ tư, mối quan hệ giữa kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Muốn giữ được độc lập, tự chủ thì trong đối ngoại nói riêng cần nắm vững quan điểm kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó dựa vào sức mình, dựa vào nội lực đất nước là chính, khơi dậy và phát huy cao độ nội lực, trong khi tranh thủ tối đa ngoại lực.

Tóm lại, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong đổi mới và hội nhập quốc tế hình thành cùng với quá trình Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế tại Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, việc Việt Nam hoạch định, triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả, hài hòa quan hệ với các nước lớn và theo hướng ngày càng tự chủ chiến lược, vừa giữ vững tổng thể cục diện đối ngoại, vừa khẳng định một Việt Nam bản lĩnh, tin cậy và có trách nhiệm, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vững vàng, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ là sự bảo đảm độc lập, tự chủ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước những biến động của thời cuộc, góp phần quyết định thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. □

(18) Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr. 43 - 44



VÙNG 4 HẢI QUÂN HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH - NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT VÀ CÁCH LÀM MỚI

NGÔ VĂN THUẬN*

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh luôn được Vùng 4 Hải quân triển khai thực hiện nghiêm túc, sáng tạo, sát với thực tiễn đơn vị; góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong bối cảnh mới, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, Vùng 4 Hải quân tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo Bác, xây dựng tổ chức đảng và đơn vị vững mạnh toàn diện, “mẫu mực, tiêu biểu”, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo được phân công.

Nghiêm túc chỉ đạo, sáng tạo trong triển khai thực hiện

Vùng 4 Hải quân là đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, quản lý bảo vệ khu vực biển, đảo vùng Nam Trung Bộ từ Bình Định đến Bình Thuận, bao gồm quần đảo Trường Sa, nơi có các mục tiêu trọng yếu, vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh của đất nước. Những năm qua, Vùng 4 Hải quân nghiêm túc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18-5-2021, của Bộ Chính trị khóa XIII, về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, ngày 28-12-2021, của Quân ủy Trung ương, “Về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới” trong điều kiện tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh thực hiện chiến

lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “phi chính trị hóa” quân đội... Tuy nhiên, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh và các cơ quan chức năng của Quân chủng Hải quân, bằng tinh thần chủ động, linh hoạt, sáng tạo, khắc phục khó khăn, Đảng ủy Vùng 4 Hải quân đã lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, sáng tạo Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW đạt nhiều kết quả nổi bật:

Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Vùng và cấp ủy, chỉ huy các cấp đã quán triệt sâu sắc Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW và các kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên⁽¹⁾ về đẩy mạnh học tập và làm theo Bác, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”; xây dựng và triển khai thực hiện tốt các kế hoạch gắn với thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ -

* Chuẩn Đô đốc, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Vùng 4 Hải quân

(1) Xem trang sau

Người chiến sĩ Hải quân” thời kỳ mới⁽²⁾. Thường xuyên đánh giá kết quả và xác định đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới là nội dung trọng tâm trong nghị quyết lãnh đạo thường kỳ, nhiệm kỳ. Bên cạnh đó, thực hiện nghiêm Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII, “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa””; phân công thực hiện cụ thể; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, cán bộ, đảng viên, nhất là vai trò nêu gương của cán bộ chủ trì các cấp; chú trọng lựa chọn nội dung trọng tâm, khắc phục khâu yếu, mặt yếu, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Kết quả nổi bật

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt nghiêm túc Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW và chuyên đề toàn khóa cho 100% cán bộ, đảng viên, quần chúng⁽³⁾ bảo đảm chất lượng, thời gian

theo quy định. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp giáo dục sát với đặc điểm tình hình, đối tượng người học, gắn với thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”⁽⁴⁾, như học tập tập trung, lồng ghép trong thực hiện ngày đảng, ngày chính trị và văn hóa tinh thần ở cơ sở, sinh hoạt các tổ chức, hệ thống truyền thanh nội bộ, hoạt động thư viện, phòng truyền thống, phòng Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện “Lời Bác dạy ngày này năm xưa”, “5 đặc trưng của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ””, “10 biểu hiện chủ nghĩa cá nhân”, “6 đặc trưng của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân”” với nội dung và biện pháp sáng tạo, đồng bộ, đa dạng hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng về học tập và làm theo Bác, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong cơ quan, đơn vị.

Tổ chức tốt đợt sinh hoạt chính trị về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Trong đó, các cơ quan, đơn vị tổ chức tốt việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, trọng tâm là Nghị quyết số 847-NQ/QUTW. Tổ chức thành công Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân chủng Hải quân lần thứ XIII; Kế hoạch số 719-KH/ĐU, ngày 24-3-2022, của Đảng ủy Quân chủng Hải quân, “Về thực hiện Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới”; Kế hoạch số 1934-KH/ĐU, ngày 9-1-2024, của Đảng ủy Quân chủng Hải quân, “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân” thời kỳ mới”...

(2) Kế hoạch số 701-KH/ĐU, ngày 24-1-2024, của Đảng ủy Vùng 4 Hải quân, “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân” trong Đảng bộ và toàn Vùng”...

(3) Kế hoạch số 422/KH-CT, ngày 26-1-2022, của Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân, “Về tổ chức Hội nghị nghiên cứu, quán triệt và triển khai Kết luận, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết số 847-NQ/TW”. Quân số tham gia: Đảng viên 4.611 đồng chí, quần chúng 3.920 đồng chí

(4) Tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, với 100% quân số tham gia, 100% cán bộ, đảng viên xây dựng kế hoạch học tập gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao; kết quả giáo dục chính trị hàng năm: 100% đạt yêu cầu, hơn 80% khá, giỏi

địch⁽⁵⁾. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, Đảng ủy Vùng đặt ra yêu cầu cao về trách nhiệm nêu gương của cán bộ chủ trì các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW với phương châm “trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo”.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ trong thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW với thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW và Nghị quyết số 847-NQ/QUTW có tác động to lớn tới nhận thức, thay đổi nếp nghĩ, cách làm, đề cao tinh thần tự giác, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng. Cán bộ, đảng viên, quần chúng trong toàn Đảng bộ Vùng 4 Hải quân có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhận thức sâu sắc về tình hình nhiệm vụ; 100% cán bộ, chiến sĩ phấn khởi, tự giác nhận nhiệm vụ và chấp hành nghiêm chỉ thị, mệnh lệnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thường xuyên nắm chắc tình hình, nhất là tình hình các khu vực biển trọng điểm do Vùng quản lý, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Chủ động tham mưu chính xác, kịp thời với Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân, nhanh chóng triển khai lực lượng, phương tiện, thực hiện tốt chủ trương, đôi sách, xử lý hiệu quả các tình huống; tổ chức và tham gia các cuộc diễn tập đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Duy trì và tổ chức tuần tra, canh gác, kiểm soát quân sự khu vực đóng quân, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Hoàn thành tốt nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng, bảo đảm trọng thị, an toàn tuyệt đối, được các nước đánh giá cao; tổ chức đón tiếp chu đáo các đoàn đại biểu, cơ quan, chính đảng đến thăm, kiểm tra, động viên quân và dân trên quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1, bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ huấn luyện

chiến đấu theo đúng phương châm, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu, yêu cầu đột phá của công tác huấn luyện. Trong công tác huấn luyện, kịp thời động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy sáng kiến, tích cực khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ đội ngũ chỉ huy các cấp; trình độ kỹ, chiến thuật cho cán bộ, chiến sỹ; củng cố niềm tin vào vũ khí, trang bị, cách đánh, khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Tham gia các hội thi, hội thao đạt kết quả tốt⁽⁶⁾.

Thứ ba, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Hàng năm, cấp ủy, chỉ huy các cấp Vùng 4 Hải quân xây dựng kế hoạch giáo dục, học tập bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới về quan điểm, chủ trương của Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Quân chủng Hải quân về trách nhiệm thực hiện vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung, nêu gương trong đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân nói riêng⁽⁷⁾. Triển khai thực hiện tốt mô hình “Đảng viên đi đầu dắt quần chúng”, gắn kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đảng viên với kết quả hoàn thành nhiệm vụ của quần chúng được phân công giúp đỡ. Hàng năm, 100% cán bộ, đảng viên, quần chúng đăng ký học tập và làm theo Bác gắn với cam kết không vi

(5) Năm 2022, 2023, Vùng 4 Hải quân có 35 bài viết tham gia thi cấp Quân chủng

(6) Năm 2022: Giải nhất toàn đoàn Hội thao thể dục thể thao do Quân chủng Hải quân tổ chức. Hội thi cán bộ huấn luyện điều lệnh giỏi Quân chủng Hải quân tổ chức đạt kết quả cao (Lữ đoàn 101 giải nhất toàn đoàn; Lữ đoàn 162, 955 đạt giải khuyến khích; có 7 cá nhân đạt giải: 1 nhất, 1 nhì, 1 ba và 4 khuyến khích). Giải nhì toàn đoàn Hội thi chuyên ngành thông tin tàu Quân chủng tổ chức. Hội thi Hải đội trưởng, Chính trị viên Hải đội, Đội trưởng, Chính trị viên đội Quân chủng Hải quân lần thứ 2 (đạt 2 giải ba, 2 giải khuyến khích). Năm 2023: 1 giải nhì thư viện cấp Vùng, 1 giải ba thư viện cấp Lữ đoàn, 1 giải ba phòng Hồ Chí Minh; 1 giải nhì nhân viên thư viện, phòng đọc tiêu biểu...

(7) Xem trang sau

phạm 10 biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, không vi phạm nghiêm trọng pháp luật, kỷ luật. Thực hiện 7 dám: “Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách và dám hành động vì lợi ích chung”. Lấy kết quả thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW là một trong những tiêu chí quan trọng để bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cơ quan, đơn vị, đánh giá cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Do đó, cán bộ, đảng viên trong toàn Vùng luôn mẫu mực trong phát huy phẩm chất đạo đức, lối sống, lan tỏa ý nghĩa, giá trị truyền thống tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân” trong tình hình mới.

Thứ tư, phát huy vai trò các tổ chức quần chúng.

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ Vùng 4 Hải quân đã quán triệt các nội dung, tiêu chí phấn đấu của đoàn viên, hội viên trong học tập và làm theo Bác; nhiều phong trào, mô hình cụ thể, thiết thực trong việc học tập và làm theo, góp phần xây dựng các tổ chức đoàn, hội vững mạnh⁽⁸⁾, nổi

bật là tổ chức đợt sinh hoạt chính trị “Tự hào tiến bước dưới cờ Đảng”; “Nghị quyết Đại hội Đảng XIII và hành động của tuổi trẻ”; “Viết tiếp truyền thống vẻ vang 90 năm Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”; “Tuổi trẻ Vùng 4 Hải quân nói không với vi phạm pháp luật, kỷ luật”...; thi tìm hiểu về truyền thống 65 năm ngày thành lập Quân chủng; hội thi cán bộ đoàn giỏi, tuyên truyền ca khúc cách mạng; phối hợp với Ban Thanh niên Quân đội tổ chức thành công Chương trình “Xuân biên cương, hải đảo - Tết thăm tình quân dân”. Tọa đàm “Cán bộ, sĩ quan trẻ”, “Tuổi trẻ Vùng 4 Hải quân phát huy truyền thống, xung kích, sáng tạo, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc”... Qua đó, tạo động lực, khí thế sôi nổi của tuổi trẻ Vùng 4 Hải quân trong tuyên truyền, học tập và triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW.

Thứ năm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; kiên quyết chấn chỉnh, xử lý nghiêm vi phạm.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã bổ sung nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW vào kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra (UBKT) các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả

(7) Như: Quy định số 646-QĐ/QUTW, ngày 6-11-2012, của Thường vụ Quân ủy Trung ương, “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong Quân đội”; Quy định số 55/QĐ-TW, ngày 19-12-2016, của Bộ Chính trị khóa XII, “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23-9-2019, của Bộ Chính trị, “Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25-10-2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, “Quy định về những điều đảng viên không được làm”...

(8) Nhiều mô hình hoạt động tiêu biểu, như “Tuổi trẻ Vùng 4 Hải quân xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; “Tuổi trẻ Vùng 4 Hải quân chung tay xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị gắn với xây dựng cảnh quan, môi trường đơn vị sáng, xanh, sạch, đẹp”; “Phụ nữ Vùng 4 Hải quân đoàn kết, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng gia đình hạnh phúc, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân”, “Tô tư vấn tâm lý, tình cảm quân nhân”, “Mỗi tuần học một điều luật” ở các cơ quan, đơn vị; “Tàu chính quy mẫu mực”, “Con tàu Thanh niên”... Trong đó, mô hình “Con tàu ngoại ngữ”, “Tô tư vấn tâm lý tình cảm quân nhân” được các đơn vị trong Quân chủng Hải quân học tập, làm theo. Các mô hình đã góp phần nâng cao tinh thần tương thân, tương ái, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao...

công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng việc hướng dẫn, chỉ đạo của UBKT cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp dưới. Chủ động phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ngay từ cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát chuyên đề; tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng các cấp trong thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiểm tra, giám sát việc tự phê bình và phê bình, thực hiện trách nhiệm nêu gương và khắc phục hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Quân đội với nhiệm vụ phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí” và Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Vùng. Thực hiện tốt công tác thẩm tra, xác minh, đánh giá, kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ theo quy định của Đảng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, kỷ luật quân đội đúng quy định, đúng người, đúng lỗi vi phạm, không để sai sót, kéo dài.

Thứ sáu, thực hiện cơ chế, chính sách, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội.

Chủ động rà soát, bổ sung và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu của cấp ủy, như đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân, công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy chế lãnh đạo của Đảng ủy Vùng 4 Hải quân với công tác đầu tư và xây dựng, nhất là kiểm tra trước, trong và sau quá trình triển khai đầu tư mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất, xây dựng cơ bản, xây dựng công trình,... bảo đảm công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo, chỉ huy các cấp với cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt công tác quản lý tư tưởng bộ đội; kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt... Bảo đảm đầy đủ chế độ, tiêu chuẩn vật chất, tinh thần cho bộ đội, nhất là chế độ bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, phụ cấp đặc thù cho các đối tượng; tổ chức các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, tặng quà gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Qua đó, củng cố tư tưởng trong cơ quan, đơn vị, giúp cán bộ, chiến sĩ an tâm công tác, khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua”, giai đoạn 2019 - 2024, phong trào Thi đua quyết thắng của Vùng 4 Hải quân không ngừng phát triển, có nhiều đột phá, đổi mới toàn diện, thực sự là động lực to lớn, cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ đoàn kết vượt qua khó khăn, gian khổ, vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ⁽⁹⁾. Nổi bật là, xuất hiện nhiều mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, như: “Câu lạc bộ tiếng Anh”, “Câu lạc bộ thủy thủ nghiên cứu khoa học”, “Huấn luyện giỏi, sẵn sàng chiến đấu cao”, mô hình “bát nước thao trường”, “con heo đất”, mô hình “Mỗi ngày một câu hỏi, mỗi tuần một điều luật”, “Chi bộ 4 tốt”; “Đơn vị 3 tiêu biểu”,... góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trên các mặt công tác.

Bên cạnh kết quả nổi bật trên, việc học tập và làm theo Bác của Vùng 4 Hải quân còn một số hạn chế, khuyết điểm: 1- Một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên, quần chúng nhận thức về mục đích, ý nghĩa của việc phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới chưa sâu sắc, nhất là thời gian đầu; 2- Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có nội dung chưa cụ thể, chưa sát với tình hình, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, chức trách, nhiệm

(9) Phong trào Thi đua quyết thắng phát triển sâu rộng, hướng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của Vùng, trọng tâm vào nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, duy trì nghiêm chế độ, lực lượng, phương tiện trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, quan sát, trinh sát, theo dõi nắm chắc tình hình; kịp thời tham mưu, đề xuất xử trí hiệu quả tình huống, không để bị động, bất ngờ. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ an toàn hoạt động kinh tế trên biển

vụ của cán bộ, đảng viên, quần chúng... Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trên là do nhận thức của một số cấp ủy, chỉ huy về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đẩy mạnh học tập và làm theo Bác, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới thời gian đầu chưa sâu sắc, đầy đủ. Vai trò tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn của các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ có thời điểm chưa thường xuyên, sâu sát, kịp thời, hiệu quả chưa cao; chưa đề xuất được giải pháp đột phá để khắc phục khâu yếu, mặt yếu. Vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của một số cán bộ, đảng viên chưa được phát huy...

Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tình hình mới

Một là, phát huy vai trò, trách nhiệm, đổi mới tư duy, cách nghĩ, cách làm trong lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới; nghiên cứu, cụ thể hóa phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới sát với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị; kịp thời giải quyết hiệu quả vấn đề nảy sinh, xử lý nghiêm minh vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội, vi phạm đạo đức, tư cách quân nhân, tư cách người cán bộ, đảng viên, góp phần giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân” thời kỳ mới.

Hai là, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì các cấp; thực hiện tốt phương châm “trên trước, dưới sau; trong trước, ngoài sau; học tập đi đôi với làm theo, chú trọng việc làm theo bằng hành động cụ thể”. Duy trì chất lượng, hiệu quả sinh hoạt thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề của chi bộ và các tổ chức quần chúng để

trao đổi, tọa đàm về nội dung, biện pháp thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW.

Ba là, tích cực đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện những chuẩn mực theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ của Vùng. Chú trọng các hình thức giáo dục, tuyên truyền ở cơ sở, như học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, tư tưởng, tọa đàm, thi tìm hiểu, gặp mặt, tôn vinh điển hình tiên tiến.

Bốn là, duy trì nghiêm việc xây dựng cam kết phấn đấu, kế hoạch học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, tăng cường “tự soi”, “tự sửa”; kiên quyết đấu tranh, phản bác, đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân, giữ vững và phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ - Người chiến sĩ Hải quân”. Lấy kết quả học tập, làm theo Bác và việc thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng là một trong những tiêu chí quan trọng để bình xét thi đua, khen thưởng, đánh giá, phân loại tổ chức, cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đơn vị.

Năm là, thường xuyên làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; xây dựng, nhân rộng tập thể, cá nhân, điển hình tiên tiến trong thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn Vùng. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; đề cao trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì các cấp; vai trò của các tổ chức, lực lượng trong cơ quan, đơn vị; phát huy tốt dân chủ, đoàn kết, thống nhất; xây dựng Đảng bộ Vùng 4 Hải quân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Vùng vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”, các tổ chức vững mạnh xuất sắc. □



BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

VŨ TRỌNG LÂM*

Đất nước ta có bề dày lịch sử, văn hóa hàng nghìn năm với hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng đa dạng, độc đáo, giàu giá trị. Các di sản văn hóa không chỉ làm phong phú đời sống tinh thần cho con người và xã hội, mà còn là nguồn lực quý giá để phát triển ngành du lịch theo hướng bền vững.

1- Di sản văn hóa là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Điều 1, Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xác định rõ: Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở Việt Nam. Trong đó, di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác; di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Luật Du lịch năm 2017 phân chia tài nguyên du lịch thành hai loại: 1- Tài nguyên du lịch tự nhiên, bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch; 2- Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch. Theo đó, di sản văn hóa được xác định là một nguồn tài nguyên, nguồn lực quan trọng phục vụ cho phát triển du lịch.

Theo thống kê của Cục Di sản (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), tính đến cuối năm 2022, trên toàn quốc có khoảng 7 vạn di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 15 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn

* PGS, TS, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Về di sản văn hóa vật thể, cả nước có trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 3.591 di tích quốc gia, 123 di tích quốc gia đặc biệt, hơn 4 vạn di tích đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa⁽¹⁾, 5 di sản văn hóa thế giới, 1 di sản hỗn hợp thể giới - Quần thể danh thắng Tràng An (duy nhất tại Việt Nam và Đông Nam Á), 265 hiện vật, nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia.

Với kho di sản văn hóa giàu có này, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, Việt Nam ngày càng coi trọng nguồn lực di sản và xem di sản văn hóa nói riêng và văn hóa nói chung là một loại tài nguyên, nếu được sử dụng phù hợp sẽ là động lực, chất xúc tác cho phát triển bền vững. Có thể nói, di sản văn hóa là tài nguyên quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; được hun đúc và phát triển qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước với những biến cố thăng trầm của lịch sử; là biểu tượng của sự trường tồn; là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc. Hệ thống di sản văn hóa không những tạo nên sự đa dạng, phong phú, bản sắc của nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mà còn là nhân tố, nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên phương diện kinh tế - xã hội, nhiều di sản văn hóa đã trở thành sản phẩm văn hóa - du lịch hoàn chỉnh, vừa là động lực, vừa là mục tiêu cho sự phát triển du lịch.

2- Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, sự phát triển của du lịch phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên và môi trường. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Tổ chức Du lịch quốc tế (UNWTO), du lịch bền vững là du lịch có tính đến tác động kinh

tế, xã hội và môi trường trong hiện tại và tương lai, giải quyết nhu cầu của khách du lịch, ngành công nghiệp, môi trường và cộng đồng tại chỗ⁽²⁾. Vì vậy, du lịch bền vững cần sử dụng một cách tối ưu tài nguyên, duy trì các quá trình sinh thái thiết yếu, giúp bảo tồn di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học; tôn trọng tính xác thực về văn hóa - xã hội của các cộng đồng tại chỗ, bảo tồn di sản văn hóa, các giá trị truyền thống sống động, đồng thời đóng góp vào sự hiểu biết và hài hòa giữa các nền văn hóa; bảo đảm các hoạt động kinh tế lâu dài, khả thi, phân chia công bằng lợi ích về kinh tế - xã hội cho tất cả các bên liên quan, bao gồm tạo việc làm ổn định, cơ hội tạo thu nhập cũng như dịch vụ xã hội cho cộng đồng tại chỗ và góp phần xóa đói, giảm nghèo. Việc phát triển du lịch bền vững đòi hỏi sự đồng thuận và tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp, đối tượng trong xã hội và sự tham gia có ý thức của tất cả các bên liên quan.

Có thể thấy, phát triển du lịch bền vững là phát triển hoạt động du lịch với mục tiêu mang lại lợi ích kinh tế, tạo việc làm cho xã hội và cộng đồng; thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của các thành phần tham gia du lịch trên cơ sở khai thác các nguồn tài nguyên; đồng thời, có ý thức đầu tư tôn tạo, bảo tồn và duy trì tính nguyên vẹn của các nguồn tài nguyên di sản văn hóa, bảo đảm môi trường trong sạch; phải gắn trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng trong việc khai thác, sử dụng và

(1) Xem: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Báo cáo tổng kết 20 năm thi hành Luật Di sản văn hóa năm 2001 và hơn 10 năm thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa năm 2009*, Hà Nội, 2022

(2) UNWTO and UNEP: *Making Tourism More Sustainable - A Guide for Policy Makers* (Tạm dịch: *Làm cho du lịch bền vững hơn - Hướng dẫn cho các nhà hoạch định chính sách*), 2005, tr. 12

bảo vệ các loại tài nguyên, môi trường. Việc phát triển du lịch bền vững là phù hợp với xu thế chung, tất yếu của thế giới, bảo đảm sự phát triển chung của mỗi quốc gia. Hiện nay, vấn đề kết hợp giữa bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di sản với phát triển du lịch ở nước ta đang được áp dụng, triển khai ở nhiều địa phương, vùng di sản và đang tạo ra nhiều kết quả khả quan, nhất là về mặt kinh tế, nhưng cũng đang gây ra không ít hệ lụy tiêu cực đối với việc bảo tồn di sản văn hóa.

Về mặt tích cực, việc phát triển hoạt động du lịch văn hóa có thể đem lại nhiều lợi ích cho công tác bảo tồn, khai thác, sử dụng tài nguyên di sản văn hóa. Cụ thể như:

Thứ nhất, thông qua phát triển du lịch văn hóa, khách du lịch và cả cộng đồng cư dân sinh sống trên không gian vùng di sản có thể nhận thức đầy đủ về sức hấp dẫn, độc đáo và giá trị văn hóa ẩn chứa trong di sản văn hóa. Từ đó, chính quyền địa phương sẽ có biện pháp chủ động để bảo vệ tài nguyên di sản văn hóa, xây dựng thành thương hiệu, biểu tượng của địa phương; người làm công tác phát triển du lịch sẽ bảo vệ và duy trì đúng mức đối với di sản nhằm bảo đảm lợi ích kinh tế và lợi nhuận mà du lịch di sản văn hóa mang lại.

Thứ hai, phát triển du lịch trên nền tảng khai thác giá trị di sản văn hóa có thể được sử dụng bền vững và giá trị kinh tế có thể được tạo ra liên tục. Lợi ích kinh tế bao gồm lợi ích trực tiếp thu được từ vé du lịch và hoạt động du lịch liên quan đến di sản và lợi ích gián tiếp thu được do phát triển các ngành dịch vụ liên quan. Phát triển du lịch trên vùng di sản góp phần thúc đẩy hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, như cơ sở lưu trú, giao thông, trung tâm kinh tế - thương mại, dịch vụ thông tin, dịch vụ tài chính, dịch vụ vui chơi giải trí, trải nghiệm...; kích thích chi

tiêu, tạo nguồn thu cho địa phương và vùng di sản, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân trong vùng, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Thứ ba, bằng cách tham quan, lưu trú, trải nghiệm trên các vùng di sản, khách du lịch có thể trực tiếp giao lưu, tiếp xúc, cảm nhận đầy đủ toàn bộ không gian tồn tại của di sản văn hóa; có thêm nhiều trải nghiệm với xúc cảm thú vị đối với không gian di sản. Điều này sẽ khuyến khích mong muốn bảo vệ di sản, quảng bá, lan tỏa, tuyên truyền về di sản và không gian di sản của khách du lịch và người dân, thúc đẩy du lịch phát triển mạnh mẽ hơn.

Trên thực tế, ở Việt Nam, nhiều địa phương trên cả nước đã và đang hình thành, phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa khá đa dạng, như tuyến du lịch kết nối di sản thế giới các nước ASEAN, tuyến du lịch di sản miền Trung, tuyến du lịch trên khu di sản thế giới hỗn hợp Tràng An, festival Huế, festival biển Nha Trang, lễ hội carnaval Hạ Long...; các chương trình nghệ thuật đặc sắc, như “Ký ức Hội An”, “Tinh hoa Bắc Bộ”... Năm 2023, Tổ chức Giải thưởng Du lịch thế giới (WTA) bình chọn Việt Nam là “Điểm đến di sản hàng đầu thế giới”. Đây là lần thứ tư Việt Nam được nhận giải thưởng này. Đây là minh chứng sống động cho việc phát huy giá trị của di sản trong phát triển du lịch, khẳng định ảnh hưởng tích cực của các di sản văn hóa tại Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương, vùng có di sản, góp phần cân bằng và bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Có thể nói, hoạt động du lịch bền vững không chỉ tạo ra giá trị kinh tế, mà còn thúc đẩy sự ủng hộ của cộng đồng đối với việc bảo vệ, khai thác và tôn vinh giá trị của di sản trong tương lai.

Về mặt tiêu cực, việc phát triển du lịch có thể tạo ra nguy cơ, thách thức đối với việc bảo tồn di sản văn hóa như:

Thứ nhất, vận hành thương mại quá mức sẽ dẫn đến hiện tượng đô thị hóa, thương mại hóa, nhân tạo hóa và cả tình trạng quá tải tại các khu di sản. Ở một số nơi, hoạt động du lịch theo đuổi lợi ích kinh tế ngắn hạn, bỏ qua tính dễ bị tác động của di sản văn hóa và các vấn đề liên quan di sản văn hóa, như sự vượt quá khả năng về năng lực vận chuyển du lịch, đón khách du lịch, việc chú trọng lợi ích trước mắt mà bỏ qua lợi ích lâu dài, coi trọng lợi ích địa phương hơn lợi ích tổng thể quốc gia; coi trọng lợi ích trực tiếp hơn lợi ích gián tiếp. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng; dẫn đến tình trạng hư hỏng, xuống cấp, biến dạng di sản văn hóa.

Thứ hai, trong quá trình khai thác di sản phục vụ hoạt động du lịch, các nguyên tắc về tính xác thực, toàn vẹn của việc bảo vệ di sản cũng như nhu cầu bảo vệ lâu dài, sử dụng bền vững thường không được chú trọng; các giá trị đặc trưng, bản sắc di sản và môi trường, không gian tồn tại của di sản bị phá hủy hoặc bị làm sai lệch. Khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, biệt thự, cáp treo và công trình cảnh quan quy mô lớn được xây dựng ở những nơi không phù hợp trong vùng di sản văn hóa hoặc việc xây dựng lộn xộn, kiến trúc không tương thích khiến cho di sản văn hóa trở nên lạc lõng, suy giảm giá trị vốn có.

Thứ ba, việc khai thác di sản văn hóa cho du lịch có nơi chưa được phân chia công bằng cho đại bộ phận cộng đồng địa phương. Ở nhiều nơi, phát triển du lịch dựa trên tài nguyên di sản không mang lại lợi ích cho sự phát triển chung của cộng đồng; không tạo ra sinh kế cho cộng đồng dân cư

địa phương; đôi khi còn tạo ra sự bất bình đẳng, chênh lệch giàu - nghèo; hoặc cộng đồng địa phương không được trao quyền, không được tham gia, không được hưởng lợi phù hợp; cộng đồng chưa thực sự trở thành chủ nhân, đối tượng, mục tiêu hướng tới của sự phát triển du lịch trên nền tảng giá trị di sản.

Thứ tư, việc phát triển du lịch có thể làm suy yếu của các cấu trúc xã hội hoặc lối sống, nếp sống truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp trong vùng di sản.

3- Có thể thấy, đến nay, quan điểm về di sản văn hóa của Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII vẫn còn nguyên giá trị. Đó là: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”⁽³⁾. Quan điểm này được thống nhất trong các kỳ đại hội của Đảng và được nhấn mạnh trong bài phát biểu của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 24-11-2021: Di sản văn hóa là “tài sản vô cùng quý báu do Tổ tiên, Cha ông ta mấy nghìn năm để lại”⁽⁴⁾...; do đó cần “quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc”⁽⁵⁾.

(3) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t. 57, tr. 309

(4), (5) Xem: Nguyễn Phú Trọng: “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 979, tháng 12-2021, tr. 13

Trước yêu cầu của thời kỳ mới, để nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy di sản và gắn kết hiệu quả giữa hoạt động bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch theo hướng bền vững cần thực hiện các nguyên tắc, yêu cầu và một số giải pháp chủ yếu sau:

Nguyên tắc chung trong kết hợp bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và phát triển du lịch là khi thực hiện hoạt động du lịch ở địa phương và vùng di sản, cần lưu giữ đầy đủ những yếu tố về không gian môi trường tự nhiên, văn hóa lịch sử của di sản để bảo đảm tính xác thực của di sản văn hóa. Di sản không tồn tại độc lập mà tồn tại trong không gian tự nhiên và xã hội nhất định, tạo thành một tổng thể chung. Cần bảo vệ cả di sản văn hóa và toàn bộ môi trường tự nhiên, xã hội và không gian văn hóa xung quanh nó. Nguyên tắc cao nhất đối với việc bảo vệ di sản văn hóa là tạo điều kiện cho di sản văn hóa, không gian tồn tại của di sản được phát triển phù hợp và bền vững. Mục đích chính của việc bảo tồn di sản văn hóa là truyền lại đầy đủ tinh thần, tư duy, cảm xúc, thẩm mỹ và giá trị lịch sử - văn hóa mà nó chứa đựng cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Vì vậy, cần có biện pháp khoa học trong quá trình bảo vệ, khai thác, phát huy di sản văn hóa để làm cho di sản văn hóa không những được tiếp tục tồn tại, mà còn có thêm “đời sống mới” trong bối cảnh mới trên nền tảng giữ vững giá trị đặc sắc vốn có của di sản.

Khi khai thác tài nguyên di sản văn hóa phục vụ hoạt động du lịch, cần đáp ứng các *yêu cầu* sau:

Thứ nhất, bảo đảm di sản văn hóa không bị khai thác quá mức giới hạn, đem đến tác động tiêu cực về môi trường, văn hóa, kinh tế - xã hội; đồng thời, cần tránh bảo tồn di sản văn hóa một cách cứng nhắc, thiếu sức sống và không được phát huy hiệu quả. Phát

triển du lịch trên cơ sở bảo tồn và phát huy, làm giàu, tôn trọng, giữ gìn những giá trị cốt lõi, bản sắc, tính độc đáo của tài nguyên văn hóa thông qua việc xây dựng sản phẩm du lịch xanh đặc trưng có chất lượng cao và thân thiện với môi trường; đồng thời, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực từ du lịch đến tài nguyên di sản văn hóa.

Thứ hai, quản lý di sản văn hóa với tư cách là tài nguyên du lịch bằng thể chế, chính sách đồng bộ với cơ cấu tổ chức, nguồn lực tài chính và các biện pháp quản lý phù hợp, bảo đảm phát triển hài hòa, cân bằng. Quản lý, sử dụng tài nguyên di sản văn hóa gắn với bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, sinh thái nhân văn của di sản theo khuyến cáo của UNESCO.

Thứ ba, bảo đảm sự tham gia của cộng đồng địa phương, nâng cao lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng, khuyến khích họ trở thành chủ nhân thực sự của hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa các bên liên quan trong sử dụng hợp lý tài nguyên văn hóa gắn với phát triển du lịch xanh, góp phần giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội.

Thứ tư, ứng dụng đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, khuyến khích huy động nguồn lực của các chủ thể liên quan trong việc bảo vệ, phát huy tài nguyên di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững, có thể ở nhiều khía cạnh, như quản lý, sản xuất, kinh doanh, quảng bá, số hóa tư liệu, lưu trữ và cách thức tiêu dùng bền vững, thông minh, giảm tác động đến môi trường.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững, cần chú trọng thực hiện một số *giải pháp* chủ yếu sau:

Một là, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương thức quản trị nhằm bảo

tồn các yếu tố cốt lõi của di sản văn hóa - nền tảng thiết yếu cho phát triển du lịch bền vững và sử dụng tài nguyên di sản văn hóa một cách có kiểm soát để bảo vệ được tài nguyên, tối đa hóa tác động có lợi của du lịch; giảm thiểu tác động tiêu cực về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. Hoạch định chiến lược, kế hoạch trung hạn, dài hạn trong bảo vệ tài nguyên di sản văn hóa, trong đó chú trọng hoạt động nghiên cứu, đánh giá tác động tiềm tàng đối với di sản và định hướng xử lý nhằm bảo đảm hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trong phát triển du lịch.

Hai là, nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ quản lý, cán bộ văn hóa và các tầng lớp nhân dân, nhất là cộng đồng người dân sinh sống trong vùng di sản về giá trị của các di sản văn hóa và trách nhiệm đối với việc bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, lan tỏa thương hiệu di sản của địa phương nói riêng và đất nước, con người Việt Nam nói chung.

Ba là, tăng cường nguồn lực cho hệ thống quản lý di sản ở địa phương và vùng di sản. Hỗ trợ, đầu tư tài chính cho việc bảo vệ và phát huy tài nguyên di sản văn hóa. Các cơ quan quản lý cần áp dụng một tỷ lệ phù hợp được trích ra từ doanh thu du lịch để phục vụ hoạt động bảo tồn và quản lý các giá trị tài nguyên di sản văn hóa cũng như để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng địa phương.

Bốn là, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc gìn giữ, bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản, như xây dựng kho cơ sở dữ liệu số thông tin về khách du lịch, lịch sử, văn hóa, và môi trường; kho dữ liệu thông tin về điểm tham quan, lịch trình du lịch, và gợi ý hoạt động phù hợp trên vùng di sản; tăng cường

công nghệ giám sát, bảo vệ, cảnh báo, phát hiện hoạt động bất thường; tư vấn du lịch thông minh cung cấp thông tin du lịch đa ngôn ngữ... Đa dạng hóa sản phẩm được tạo ra trên nền tảng di sản, để tài nguyên di sản văn hóa có thể tiếp tục được tái tạo, truyền thêm sức sống và gia tăng giá trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm khách du lịch trong và ngoài nước.

Năm là, tăng cường phối hợp giữa các chủ thể, nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân trong quá trình bảo vệ, khai thác và phát huy di sản gắn với phát triển du lịch theo hướng bền vững. Sự năng động, sức sống và tính bền vững của việc sử dụng hợp lý tài nguyên di sản văn hóa cho du lịch bền vững được định hình nhờ sự tương tác và hợp tác hiệu quả giữa các bên liên quan, như nhà khoa học, cộng đồng, khách du lịch, chính quyền địa phương, doanh nghiệp... Sự thành công của du lịch dựa trên nền tảng di sản văn hóa, ngoài vấn đề thể chế, cơ chế, chính sách, còn phụ thuộc vào nhiều tác nhân cụ thể, như người điều hành tour du lịch và nhân sự trong dịch vụ lưu trú, công tác vận chuyển và điểm tham quan... Vì vậy, cần tăng cường mối quan hệ giữa các bên liên quan, có tính đến lợi ích của cộng đồng, của các lực lượng tham gia vào thị trường và của chính quyền địa phương. Các quy trình hợp tác, đối thoại đóng vai trò quan trọng đối với việc giải quyết khác biệt để đạt được sự đồng thuận và thông qua quyết định để bảo đảm các mục tiêu bền vững, từ đó tạo ra lợi ích cho tất cả các bên. Có như vậy thì tài nguyên di sản mới thực sự phát huy hết được giá trị, phục vụ hiệu quả quá trình phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giữ vững an ninh, trật tự cho các địa phương, vùng di sản nói riêng và cả nước nói chung. □

ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ THU HÚT, TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI TRONG KHU VỰC CÔNG HIỆN NAY

NGUYỄN BÁ CHIẾN* - NGUYỄN VĂN TẠO**

Thu hút, trọng dụng và phát huy năng lực, trình độ, trí tuệ của nguồn lực nhân tài tham gia công hiến, làm việc ở khu vực công là nhiệm vụ quan trọng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trước đòi hỏi ngày càng cao và sự cạnh tranh quyết liệt giữa khu vực công với khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế cũng như yêu cầu mới từ nền kinh tế tri thức, thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách nhằm thu hút, trọng dụng và phát huy năng lực, giữ chân nhân tài trong khu vực công.

Nguồn lực nhân tài và vấn đề trọng dụng nhân tài của đất nước

Nhân tài là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tố quyết định hiệu quả công việc, sự phát triển, hưng thịnh của tổ chức cũng như quốc gia. Trong các triều đại phong kiến lịch sử Việt Nam, nhân tài, người tài, hiền tài luôn được xem là báu vật, tinh hoa của dân tộc. “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước kém và suy”⁽¹⁾. Hoàng đế Lê Thái Tổ đã hạ *Chiếu cầu hiền* do nhà văn hóa, nhà chiến lược thiên tài, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn thảo, kêu gọi toàn dân và các quan tiến cử hiền tài cho đất nước đi kèm chính sách trọng thưởng rõ ràng; xem người tài là đối tượng cần được tôn trọng, mưu cầu, rằng “Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về Đông/Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả”⁽²⁾. Về sau, nhà bác học Lê Quý Đôn cũng đánh

giá rất cao vai trò của bậc “sĩ phu” - người có đạo đức, trình độ, tâm huyết đối với sự hưng thịnh của quốc gia.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm nhiệm vụ “*chiêu hiền đãi sĩ*” ra cứu nước, giúp dân, xây dựng Tổ quốc tươi đẹp, Người khẳng định: “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”⁽³⁾ và nhiều lần nhắc nhở, trong mọi công việc phải đề

* PGS, TS, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia

** TS, Học viện Hành chính Quốc gia

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t. 2, tr. 492

(2) Nguyễn Trãi: *Đại cáo bình Ngô* (in trong Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2010, t. 2, tr. 18

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 114

cao nguyên tắc “trọng nhân tài”⁽⁴⁾; chỉ đạo các địa phương kịp thời báo cáo cấp trên, “điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”⁽⁵⁾. Đó là việc làm rất cần kíp và thiết thực để giữ vững nền độc lập cũng như phát triển đất nước.

Thời kỳ Tổ quốc bị đặt dưới ách cai trị của thực dân Pháp, phần lớn nhân tài của dân tộc bị đè nén, chà đạp, chỉ từ khi Đảng ta lãnh đạo đất nước, việc trọng dụng nhân tài mới thực sự được triển khai, nhiều địa phương và cơ quan có chính sách thu hút nhân tài, như đặc cách trong tuyển dụng, hỗ trợ kinh phí sau tuyển dụng, chế độ đãi ngộ cao,... Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Đảng và Nhà nước ta xác định phải lấy chất lượng nguồn nhân lực làm yếu tố cơ bản nhằm rút ngắn khoảng cách tụt hậu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội; trong đó, Luật số 52/2019/QH14, ngày 25-11-2019, của Quốc hội, “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức” quy định: Nhà nước có chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng. Đặc biệt, đội ngũ nhân tài khu vực công ở nước ta là lực lượng cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, trí tuệ, tài năng làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; là những người được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm vào các chức vụ, chức danh, hưởng lương từ ngân sách, quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định hiệu quả quá trình vận hành các cơ quan của Đảng, Nhà nước và toàn hệ thống chính trị; tham mưu, dẫn dắt quá trình đổi mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tạo lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, hiện nay trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,

yêu cầu về trình độ, năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển, về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả ngành, lĩnh vực ngày càng lớn, việc nghiên cứu, xây dựng quan điểm, nhận thức đúng đắn và đề xuất giải pháp phù hợp, toàn diện nhằm nhận diện, thu hút, trọng dụng nhân tài khu vực công là vấn đề cấp thiết, ý nghĩa, góp phần xây dựng đất nước ngày càng bền vững, thịnh vượng.

VỀ HỆ GIÁ TRỊ XÁC ĐỊNH NHÂN TÀI HIỆN NAY

Trong lịch sử thế giới, nhân tài và tiêu chí xác định nhân tài là vấn đề lớn, phổ biến và luôn được các triết gia, nhà quản lý, chính trị gia nghiên cứu, đề xuất, tuy nhiên tư duy, quan niệm ở từng thời điểm có sự khác nhau. Có nhiều thuật ngữ được dùng để mô tả cá nhân có tài năng, trí tuệ, năng lực vượt trội..., như nhân tài, hiền tài, nhân lực chất lượng cao, người giỏi,... Ví dụ, nhân tài được xem là đội ngũ tinh hoa của nguồn nhân lực, năng lực được khẳng định thông qua thực tiễn công tác; là người có hiệu suất làm việc vượt trội, phẩm chất đạo đức tốt, cam kết và sẵn sàng phụng sự tổ chức trong hiện tại và tương lai⁽⁶⁾; hay nhân tài cơ bản là “người có tài năng xuất sắc”⁽⁷⁾. Hiểu một cách cụ thể, nhân tài là người có năng lực vượt trội trong một hoặc một số lĩnh vực,

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 313

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 504

(6) Xem: Nguyễn Bá Chiến - Đoàn Văn Tinh: “Hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ nhân tài hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước điện tử*, ngày 10-8-2021, <https://tcnn.vn/news/detail/51627/Hoan-thien-chinh-sach-phap-luat-ve-tuyen-dung-su-dung-va-dai-ngu-nhan-tai-o-Viet-Nam.html>

(7) Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng, 2003, tr. 711

có nhiều đóng góp tích cực vì lợi ích cộng đồng, nhân loại...; dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận thay đổi để đem lại giá trị mới, mang tính đột phá. Tựu chung, nhân tài có thể được hiểu là người có năng lực, trình độ, trí tuệ, tầm nhìn “hơn người”, có khát vọng cống hiến, khát khao được khẳng định bản thân và được đánh giá thông qua công việc thực tiễn với đóng góp hiệu quả.

Về một số hệ giá trị quan trọng trong xác định nhân tài khu vực công hiện nay

Một là, có đạo đức, phẩm chất chính trị và lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân. Nhiều quốc gia trên thế giới, qua nhiều thời kỳ lịch sử luôn đặt giá trị đạo đức, phẩm chất chính trị, lòng trung thành của đội ngũ quan lại lên hàng đầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, đạo đức là “gốc” của người cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và sẽ là “tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”⁽⁸⁾. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trước hết phải bảo đảm đầy đủ phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị và lòng trung thành với Tổ quốc, nhân dân, rằng “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁽⁹⁾, trong đó lòng trung thành vì quốc gia - dân tộc, vì nhân dân, vì tổ chức là tiêu chí gốc rễ. Ngược lại, nếu người có trình độ, nhưng đạo đức, phẩm chất chính trị kém, không có lòng trung thành thì có thể làm tổn hại cho đất nước hoặc tổ chức. Để khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, viên chức sợ trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9-5-2024, về “Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”, trong đó xác định các chuẩn mực, bao gồm yêu nước, tôn trọng nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc;

bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời..., gắn với nội dung cụ thể về trách nhiệm, bản lĩnh của cán bộ, công chức, viên chức, như tâm huyết, trách nhiệm, dấn thân, nỗ lực hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao, có ý chí, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc... Đây là các tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng và nhân tài phải là đối tượng tiên phong, gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện.

Hai là, có sức khỏe tốt, chịu được áp lực công việc - đây luôn là một trong những yếu tố đánh giá chất lượng nguồn nhân lực. Đại hội XIII của Đảng xác định nhiệm vụ “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao”⁽¹⁰⁾. Theo đó, sức khỏe thể chất có vai trò quan trọng và cần thiết để phát triển con người toàn diện, chỉ khi sức khỏe được bảo đảm, con người mới có năng lực tích cực để lao động, cống hiến và sáng tạo. Đối với người có tài, sức khỏe tốt là điều kiện không chỉ để làm việc, mà còn chịu được áp lực công việc, đồng thời lan tỏa nhiệt huyết, sự năng động, động lực cống hiến cho người xung quanh. Theo đó, tiêu chuẩn quan trọng và cần thiết của nhân tài trong khu vực công là có sức khỏe tốt, bền bỉ, chịu đựng được áp lực công việc.

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 412

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 292

(10) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 231

Ba là, có khát vọng cống hiến và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Để xác định nhân tài thì không thể chỉ dừng lại ở việc xem xét tài năng cá nhân, mà cần chứng minh bằng tinh thần cống hiến và “tính trách nhiệm” với xã hội; tài năng của nhân tài phải được hiện thực hóa trong thực tiễn, nếu không thì mãi chỉ là “tiềm năng”. Từ thâm tâm, nhân tài cần có khát vọng, mong muốn được cống hiến, luôn trăn trở, đau đầu với những vấn đề của tổ chức, nhân dân, hướng tới mục tiêu phục vụ cho lợi ích cộng đồng và xã hội. Đây cũng là trách nhiệm xã hội của nhân tài. Bên cạnh đó, nhân tài phải truyền cảm hứng cho những người xung quanh, thúc đẩy mọi người xác định mục tiêu, lý tưởng sống, làm việc hiệu quả hơn; chính lòng hăng say, nhiệt huyết của nhân tài là yếu tố làm nên sức mạnh tập thể, sự đoàn kết và động lực mạnh mẽ cho xã hội.

Bốn là, có sự linh hoạt, khả năng thích nghi tốt với thay đổi của môi trường trên nền tảng bản lĩnh vững vàng. Trong bối cảnh “Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt”⁽¹¹⁾, đòi hỏi nhân tài linh hoạt, có khả năng thích nghi nhanh, dự báo, dự đoán vấn đề chính xác. Tư duy linh hoạt, sáng tạo sẽ giúp người tài có ý tưởng mới, thay đổi quy trình làm việc để tối ưu hiệu suất công việc. Sự sáng tạo, khả năng hòa nhập, tiếp thu của họ không chỉ giải quyết vấn đề hiện tại, mà còn mở đường cho sự tiến bộ, kiến tạo, đổi mới môi trường làm việc; do đó, sự biến động của môi trường là một “phép thử” đối với nhân tài. Tuy nhiên, sự linh hoạt, thay đổi là cần thiết, nhưng phải dựa trên nền tảng, kim chỉ nam “*dĩ bất biến ứng vạn biến*”, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng,

không dao động, mất phương hướng trước khó khăn, thử thách, cám dỗ,...

Năm là, có năng lực tư duy tốt và năng lực lãnh đạo, quản lý vượt trội, có tố chất của người tiên phong, bản lĩnh, dám đương đầu với thử thách, nhất là khi gặp tình huống bất ổn, thách thức. Tố chất của nhân tài được thể hiện ở năng lực tư duy tốt khi giải quyết công việc và thực hiện mối quan hệ trong và ngoài tổ chức. Theo đó, nhà quản lý được xác định là nhân tài phải có năng lực, kỹ năng quản lý, lãnh đạo vượt trội, có khả năng định hướng, dẫn dắt, đoàn kết trong nội bộ tổ chức; người thực hiện công việc chuyên môn được xác định là nhân tài phải có kiến thức sâu trong lĩnh vực cụ thể cùng khả năng vận dụng để giải quyết hiệu quả công việc. Mặt khác, con người luôn có nhu cầu an toàn, do đó việc giữ vững tinh thần năng động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không sợ sai, sợ mất lòng, không đối phó, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, dám đấu tranh phê phán cái sai, cái xấu,... để xứng đáng với khát vọng, trí tuệ, bản lĩnh của người cộng sản vì dân, vì nước,... là điều không phải ai cũng có thể duy trì, thực hiện; theo đó, đây chính là thước đo thể hiện bản lĩnh, lòng dũng cảm và sự vượt trội của một cá nhân, hướng tới lợi ích chung vì tổ chức, quốc gia - dân tộc.

Nhiệm vụ, giải pháp thu hút, trọng dụng nhân tài khu vực công trong bối cảnh hiện nay

Trách nhiệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực công trong bối cảnh mới là việc làm rất quan trọng và cấp thiết; Đảng và Nhà nước ta cũng đã nhận thức đầy đủ về vai trò của nhân tài và sự cần thiết thu

(11) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr.30

hút, trọng dụng nhân tài phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hệ thống chính sách hiện nay chưa đáp ứng toàn diện yêu cầu của thực tiễn và có phần “thiếu cơ chế, chính sách tuyển chọn và trọng dụng người tài”⁽¹²⁾, đồng thời trong quy định của Đảng và Nhà nước về bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức quản lý, lãnh đạo vẫn còn một số bất cập, khiến quá trình thu hút, trọng dụng nhân tài gặp cản trở, khó khăn. Mặt khác, tiềm lực, vị trí, vai trò của nhân tài, trí thức ở trong và ngoài nước có lúc, có nơi chưa được đánh giá xứng tầm, thiếu hệ thống cơ chế, chính sách hiệu quả để khuyến khích họ đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; hệ thống tiền lương ngạch, bậc chưa phù hợp với sự cống hiến thực tế khiến động lực của người làm việc phần nào bị suy giảm; đặc biệt, quy định hiện hành chưa bao quát đủ nội dung cần để thể chế hóa, xác định các tiêu chí “thế nào là nhân tài?” và quy định cụ thể về cơ chế phát hiện, thu hút nhân tài. Để giải quyết vấn đề trên, thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, rà soát hệ thống quan điểm, chính sách, quy định về nhân tài để bảo đảm sự liên thông, thống nhất. Cho đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương

và chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài, các ngành và địa phương chủ động cụ thể hóa vào hoàn cảnh, điều kiện của địa bàn⁽¹³⁾. Tuy vậy, trong bối cảnh mới, cần tiếp tục tập trung rà soát, kiểm nghiệm chủ trương, chính sách, quy định về thu hút và trọng dụng nhân tài, bảo đảm sự phù hợp, liên thông, thống nhất và khả thi, tiến tới “xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài”⁽¹⁴⁾. Mặt khác, có phương pháp xác định tiêu chí về tài năng, đạo đức cụ thể, tiến tới lượng hóa tiêu chuẩn để có căn cứ, cơ sở phát hiện, tiến cử, giới thiệu và phân công, bố trí công việc; chú trọng vai trò của người đứng đầu trong phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài. Đổi mới tư duy về công tác cán bộ để người được lựa chọn phải là cá nhân đủ đức, thực tài, vì lợi ích của quốc gia - dân tộc.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ, thực hiện thù lao “vượt trội” đối với nhân tài theo đúng tinh thần xem nhân tài là “vốn liếng quý báu” trong xây dựng, phát triển đất nước. Bên cạnh hoạt động cải cách, xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm đang tiến hành, cần chú ý nghiên cứu chính sách tiền lương vượt trội cho đối tượng được xác định là nhân tài, tạo cơ hội để họ được thụ

(12) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. II, tr. 75

(13) Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 5-12-2017, của Chính phủ, “Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ”; Luật số 52/2019/QH14, ngày 25-11-2019, của Quốc hội, về “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức”; Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 31-7-2023, của Thủ tướng Chính phủ, về “Phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24-11-2023, của Hội nghị Trung ương tám khóa XIII, “Về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”; Quy định số 142-QĐ/TW, ngày 23-4-2024, Bộ Chính trị, về “Quy định thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ, cho phép người đứng đầu giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm làm cấp phó”; Quy định số 144-QĐ/TW, của Bộ Chính trị, ngày 9-5-2024, về “Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”,...

(14) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. II, tr. 230

hưởng mức lương riêng với nhiều chế độ ưu đãi xứng đáng, từ đó yên tâm góp sức hết mình vì công việc chung; đồng thời, ngoài chế độ đãi ngộ xứng đáng về vật chất (lương, thưởng,...), cần chú trọng việc động viên, vinh danh người tài, thể hiện sự đề cao, tôn trọng nhân tài đúng với giá trị đã cống hiến.

Thứ ba, bảo đảm cơ chế thăng tiến đối với nhân tài, góp phần kiến tạo môi trường làm việc dân chủ, thân thiện, có sự tôn trọng trong khu vực công; đề cao tinh thần “nói đi đôi với làm”, “rèn luyện suốt đời”, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh⁽¹⁵⁾. Hiện nay, một số quy định về quản lý cán bộ và bổ nhiệm còn chưa đáp ứng yêu cầu thu hút nhân tài, cũng như thiếu giải thích, hướng dẫn cụ thể nên khó áp dụng; do đó, cần xây dựng quy định đặc biệt, chính sách cụ thể hóa và phù hợp về quy định, tiêu chuẩn bổ nhiệm để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với đối tượng được xác định là nhân tài.

Thứ tư, chú trọng công tác bố trí, sử dụng nhân tài sát với năng lực, chuyên môn, khuyến khích người Việt Nam có tài năng, đặc biệt là trong các lĩnh vực trọng điểm cả ở trong nước và nước ngoài, tự giới thiệu mình cho tổ chức để tổ chức xem xét, đánh giá, tuyển chọn, bố trí công việc thích hợp. Thực tế, khi được đặt đúng vị trí, phù hợp với công việc, mỗi người sẽ có động lực làm việc và phát huy được hết khả năng, sở trường của mình. Đối với nhân tài, được sử dụng, bố trí sắp xếp “đúng người đúng việc” là điều kiện để họ có “đất để dụng võ”, sử dụng tài năng phục vụ công việc và tổ chức. Nền hành chính với quy định chặt chẽ về ngạch, bậc, vị trí việc làm mặc dù có mặt tích cực, nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế, như phải tuân theo quy định chặt chẽ, nhiều thủ tục trong bố trí, sắp xếp; do đó, cần chính sách linh hoạt với đối tượng được

xác định là nhân tài, bảo vệ người dám nghĩ, dám nói, dám làm, sáng tạo và có bản lĩnh chấp nhận rủi ro để hướng đến hiệu quả công việc. Về vấn đề này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/NĐ-CP, ngày 29-9-2023, về “Nghị định quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”, nhưng để hiện thực hóa và áp dụng trong thực tế cần có thời gian và cách thức triển khai phù hợp.

Thứ năm, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân tài; nâng cao năng lực cơ quan tham mưu về công tác cán bộ. Chính sách cử nhân tài, cán bộ trẻ đi học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực nhằm phát huy và khai thác tiềm năng rất cần được quan tâm thực hiện; mặt khác, sau quá trình đào tạo, bồi dưỡng cần có chính sách sử dụng để phát huy kiến thức, kỹ năng được học. Cùng với đó, để phát hiện, thu hút và trọng dụng người tài thì xã hội cần kiên quyết phê phán, loại trừ bệnh hẹp hòi, bồi dưỡng “vì bệnh hẹp hòi mà không biết dùng nhân tài”⁽¹⁶⁾; xử lý nghiêm khắc người lợi dụng việc tiến cử người tài để “cài cắm”, sắp xếp, bố trí, thu nạp người thân hoặc lợi dụng mọi cơ hội để thu lợi cá nhân. Phải khắc phục bằng được bệnh địa phương chủ nghĩa và óc bè phái, tâm lý “Ai không thân với mình thì dù họ có tài cũng tìm cách đìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe”⁽¹⁷⁾; tránh tình trạng “Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực”⁽¹⁸⁾. □

(15) Xem: Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 233

(16), (17), (18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 278, 94, 318



TỈNH BÌNH ĐỊNH: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NHẪM HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ MỚI

PHẠM ANH TUẤN*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, hơn 3 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định đã đoàn kết, năng động, sáng tạo, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, khơi dậy mạnh mẽ nguồn lực, triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều nhiệm vụ, giải pháp, đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực. Thời gian tới, tỉnh Bình Định phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra; đồng thời, chuẩn bị chu đáo cho đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

1- Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, nằm ở vị trí quan trọng trên hai trục Hành lang Kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam và trong giao lưu quốc tế; là cửa ngõ ra biển gần nhất, thuận lợi nhất của các tỉnh Bắc Tây Nguyên, vùng Nam Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia và Thái Lan. Tỉnh Bình Định có hệ thống giao thông cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, kết nối thuận lợi giữa các vùng, các địa phương với phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển⁽¹⁾. Phát huy tiềm năng, lợi thế, thời gian qua Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định đã đoàn kết, năng động, sáng tạo trong triển khai giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đạt được nhiều kết quả tích cực: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện và đạt mức tăng trưởng

cao; thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh. So với các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung, Bình Định nằm trong nhóm địa phương phát triển khá.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định phương hướng, mục tiêu phát triển của tỉnh là tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy truyền thống, ý chí, khát

* TS, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

(1) Tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên là 6.066km², có bờ biển dài 134km, là một trong năm tỉnh, thành phố của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế biển

vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm quốc phòng - an ninh và môi trường xã hội ổn định; đẩy nhanh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng đổi mới sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực nhằm đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phấn đấu xây dựng Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu khu vực miền Trung...

Hơn 3 năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX gắn với Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, quy định mới của Trung ương. Ngay trong những tháng đầu sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Định đã hoàn thành việc triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn (với 98,6% cán bộ, đảng viên tham gia). Đồng thời, Tỉnh ủy Bình Định xây dựng 8 chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX... Với sự nỗ lực phấn đấu, tinh thần đoàn kết, thống nhất của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, tỉnh Bình Định đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực; tiềm năng, lợi thế của địa phương được phát huy. Kinh tế tỉnh Bình Định tiếp tục tăng trưởng, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 4 năm (2021, 2022, 2023, 2024) tăng 7%, (chỉ tiêu bình quân trong 5 năm là 7 - 7,5%). Tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng GRDP của tỉnh Bình Định đạt 7,6% so với cùng kỳ năm 2023; xếp thứ 19/63 địa phương cả nước, thứ 4/14 địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ (tăng 3 bậc so với năm 2019) và thứ 1/5 tỉnh thuộc tiểu vùng Trung Trung Bộ. GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 78,1 triệu đồng/người; dự báo

năm 2024 đạt 86,6 triệu đồng/người. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tổng kim ngạch xuất khẩu (từ năm 2021 đến tháng 6-2024) là 5.527 triệu USD, đạt 92,1% kế hoạch đề ra. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tính đến cuối năm 2023 đạt 51.700 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 43,94% so với GRDP, hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên⁽²⁾; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Đặc biệt, tỉnh Bình Định đã hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg, ngày 14-12-2023. Đây là tiền đề, cơ sở pháp lý quan trọng để tỉnh Bình Định thu hút nhà đầu tư lớn, nhà đầu tư chiến lược, tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Định tổ chức thành công các hội nghị chuyên đề lớn về triển khai nghị quyết của Chính phủ và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; nâng cao chất lượng công trình xây dựng cơ bản; quán triệt công tác quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng, chống lán, chiếm đất đai, xây dựng trái phép; tình hình hoạt động khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chuyển đổi số... Qua đó, nâng

(2) Năm 2023, tỉnh Bình Định đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Kết quả, toàn tỉnh có 1.079 hộ được hỗ trợ xây dựng nhà ở, với tổng kinh phí hỗ trợ là 47,425 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thực hiện tốt các chính sách ổn định đời sống nhân dân, các vùng bị thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành cải cách hành chính⁽³⁾. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về công tác giải quyết thủ tục hành chính đạt 98,3%...

Bên cạnh kết quả đạt được, qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, tỉnh Bình Định vẫn còn một số hạn chế, như kinh tế phát triển chưa bền vững; cơ cấu kinh tế chuyên dịch chậm; sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn; tiến độ triển khai một số công trình trọng điểm còn chậm; công tác thu hút đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là thu hút các dự án động lực; một số chủ trương, chính sách đề ra chưa thực sự hiệu quả... Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, lao động - việc làm còn bất cập; công tác phối hợp, giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh có nơi, có lúc thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời. Tình trạng vi phạm trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, khai thác thủy sản, bảo vệ rừng còn xảy ra, gây bức xúc. An ninh, trật tự trên địa bàn có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Định là địa phương nằm trong vùng thường xuyên bị hạn hán, lũ lụt, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nguồn nhân lực chất lượng cao khan hiếm...

2- Thời gian tới, Đảng bộ tỉnh Bình Định tập trung quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14-6-2024, của Bộ Chính trị, “Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”⁽⁴⁾. Đồng thời, tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp ở địa phương; trong đó, tập trung thực hiện đồng bộ, thúc đẩy 5 trụ cột tăng trưởng⁽⁵⁾; giải quyết hiệu quả 3 khâu đột phá⁽⁶⁾. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1619/QĐ-TTg, ngày 14-12-2023, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”... Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển Bình Định trở thành một trong những

(3) Kết quả, chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp năm 2023 tỉnh Bình Định đạt 85,47 điểm, xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến xếp thứ 3/14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đứng thứ nhất vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Tỉnh Bình Định ban hành “Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định”

(4) Quy hoạch là cơ sở quan trọng để tỉnh Bình Định đầu tư phát triển, vươn lên. Mục tiêu đến năm 2030, Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Đến năm 2050, Bình Định tiếp tục thuộc nhóm địa phương dẫn đầu khu vực miền Trung với GRDP bình quân đầu người và tỷ lệ đô thị hóa cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Tỉnh Bình Định trở thành trung tâm kinh tế biển; trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Việt Nam; trung tâm du lịch lớn của cả nước, trung tâm kết nối khu vực vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và Hành lang Kinh tế Đông - Tây...

(5) Bao gồm: 1- Phát triển công nghiệp; 2- Du lịch; 3- Dịch vụ cảng và logistics, bao gồm cảng biển và cảng hàng không; 4- Phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản dựa trên công nghệ cao, chuyển từ số lượng sang chất lượng; 5- Phát triển kinh tế đô thị gắn với quá trình đô thị hóa

(6) Đó là: 1- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương để thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh Bình Định; 2- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng phát triển của tỉnh, nhất là nhân lực công nghệ thông tin, kỹ thuật công nghiệp, du lịch, công nghiệp công nghệ cao; thực hiện chính sách thu hút lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; 3- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông cho vùng phía Bắc của tỉnh nhằm thúc đẩy cực tăng trưởng phía Bắc

tỉnh, thành phố phát triển thuộc nhóm dẫn đầu khu vực miền Trung.

Về phương hướng đến năm 2030: *Một là*, đến năm 2030, Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2030 bình quân từ 8,5% trở lên, GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người, tương đương 7.500 - 7.900 USD. Chỉ số phát triển con người (HDI) tiếp tục nằm trong nhóm cao của cả nước (0,700 - 0,800). *Hai là*, kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững và xanh dựa trên các trụ cột tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ du lịch, cảng biển - logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đô thị hóa. *Ba là*, là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ và du lịch của vùng duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển; trọng điểm du lịch quốc gia và quốc tế với hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. *Bốn là*, thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện mạnh môi trường đầu tư, kinh doanh, trở thành điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư và doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong nhóm cao của cả nước. *Năm là*, có mạng lưới hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị phát triển theo hướng đô thị thông minh, kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, cả nước và quốc tế, trong đó tập trung phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc, khai thác tiềm năng, lợi thế, đặc biệt là về cảnh quan và khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại; quy hoạch xây dựng trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội. *Sáu là*, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy bản sắc, nét đẹp văn hóa các dân tộc, phát triển thành phố Quy Nhơn thành trung tâm văn hoá phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải

Trung Bộ; bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

3- Thời gian tới, tình hình kinh tế thế giới, khu vực dự báo tiếp tục xu hướng phục hồi, nhưng còn nhiều rủi ro, thách thức. Lạm phát tuy có dấu hiệu hạ nhiệt, nhưng hầu hết nền kinh tế lớn trên thế giới tăng trưởng thấp, nhiều nước phát triển tiếp tục có xu hướng duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt. Bên cạnh đó, xung đột giữa các nước lớn diễn biến phức tạp. Trong nước, kinh tế - xã hội dự báo tiếp tục đối mặt với khó khăn, sự phục hồi của các ngành, lĩnh vực chưa đồng đều; chi phí đầu vào sản xuất tăng cao; tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến bất thường; huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn; giá nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao; tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn tiềm ẩn phức tạp... Để đạt được định hướng phát triển đến năm 2030 nêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp sau:

Trước tiên, tỉnh Bình Định tập trung mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh thu hút đầu tư, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cấp điện, hạ tầng xã hội quanh khu công nghiệp và hạ tầng khác; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, ưu tiên dự án công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; chú trọng thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP). Ngoài ra, tỉnh Bình Định đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, như y tế, giáo dục, đào tạo nghề,... qua đó, huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực.

Thứ hai, xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tới làm việc tại tỉnh Bình Định; chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, nâng

cao trình độ và đào tạo bổ sung kỹ năng mới cho lực lượng lao động của địa phương, đặc biệt là lao động nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của các ngành có giá trị gia tăng cao, như công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch.

Thứ ba, tập trung phát triển dịch vụ cảng biển - logistics, khuyến khích phát triển ngành công nghiệp và đô thị ven biển; tăng cường đầu tư năng lượng tái tạo và phát triển các ngành kinh tế biển mới. Trong đó, điểm nhấn các cảng biển lớn sẽ từng bước được hình thành trong tương lai tại huyện Phù Mỹ, thị xã Hoài Nhơn và phát huy thế mạnh hiện có của cảng Quy Nhơn để phục vụ nhu cầu phát triển của các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và phát triển các ngành nông sản, lâm sản, công nghiệp,... của tỉnh và khu vực.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cho khoa học - công nghệ, đồng thời tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh; thu hút các nguồn lực đầu tư vào phát triển và ứng dụng công nghệ cao, phát triển năng lượng, đặc biệt là năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối...) và các nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...); bên cạnh đó, khuyến khích doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu, không thân thiện với môi trường chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng tiêu chuẩn của nền kinh tế xanh.

Thứ năm, tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, trong đó tập trung huy động nguồn vốn FDI cho dự án đầu tư thực sự hiệu quả trong phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Việc thu hút nguồn vốn nước ngoài không chỉ góp phần phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, mà còn giúp doanh nghiệp trong nước học hỏi

kinh nghiệm từ doanh nghiệp nước ngoài, đồng thời tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác với cộng đồng quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ để đạt được các mục tiêu về phát triển xanh.

Thứ sáu, đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển gắn với phát triển bền vững là xu hướng tất yếu trong thời gian tới không chỉ riêng tỉnh Bình Định, mà còn ở quy mô cả nước. Thực tế hiện nay, việc phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn mới chỉ ở xuất phát điểm, còn thiếu đồng bộ và gặp phải rào cản về nguồn vốn, nhân lực, khoa học - công nghệ... Tỉnh Bình Định xác định mục tiêu đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển.

Thứ bảy, tập trung đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, đưa tỉnh Bình Định trở thành trung tâm vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực các tỉnh, thành phố duyên hải miền Trung; định hướng hình thành chuỗi đô thị du lịch ven biển dọc theo tuyến đường bộ (đường tỉnh 639); xây dựng hình ảnh đô thị biển vùng duyên hải Trung Bộ để tạo ra cơ hội thu hút nghỉ dưỡng dựa trên lợi thế về văn hóa, cảnh quan thiên nhiên; tập trung phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ven biển thông qua các dự án điện gió ngoài khơi dự kiến triển khai có tổng công suất 10.300MW.

Với bối cảnh, tình hình thực tế hiện nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định tiếp tục phát huy thuận lợi, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong kế hoạch năm 2025. □

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA BỘ ĐỘI TĂNG THIẾT GIÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC

NGUYỄN ĐỨC DINH*

Trải qua 65 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và phát triển, trong từng giai đoạn cách mạng, Bộ đội Tăng thiết giáp - lực lượng quan trọng của Lục quân Quân đội nhân dân Việt Nam - luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Phát huy truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng”, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Binh chủng dã và đang thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, nhằm nâng cao hơn nữa khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

THỰC hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (mở rộng) khóa II (tháng 3-1957), về chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam theo hướng “Cách mạng, chính quy và tương đối hiện đại”; trong đó, có các binh chủng thuộc lực lượng lục quân, ngày 5-10-1959, Trung đoàn xe tăng 202 của Quân đội ta được thành lập. Đây là đơn vị tiền thân của Binh chủng Tăng thiết giáp sau này. Sau khi thành lập, trước yêu cầu xây dựng và phát triển lực lượng, đơn vị đã làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, ổn định tổ chức, chủ động khắc phục khó khăn; tập trung huấn luyện làm chủ vũ khí, trang bị, phương tiện, tăng cường luyện tập, diễn tập, nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật, khả năng hiệp đồng chiến đấu với các binh chủng khác, sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu.

Bước vào giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Binh chủng Tăng thiết giáp sử dụng một phần lực lượng lên đường vào miền Nam chiến đấu. Với phương châm: Lấy xe tăng địch để đánh địch; vừa nghiên cứu

thực tiễn chiến trường hình thành cách đánh của Bộ đội Tăng thiết giáp, vừa kết hợp xây dựng, phát triển lực lượng, Bộ đội Tăng thiết giáp đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh, các binh chủng khác tham gia nhiều chiến dịch, trận đánh quan trọng giành thắng lợi quyết định, với hiệu suất chiến đấu cao và không ngừng trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt⁽¹⁾.

Bộ đội Tăng thiết giáp đã tham gia chiến đấu trên khắp chiến trường miền Nam, như các chiến dịch Trị Thiên - Huế, duyên hải miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ,...; giải phóng những địa bàn và lập công xuất sắc với nhiều trận đánh đặc biệt điển hình, như tiêu diệt cụm cứ điểm Huội San - Tà Mây, cứ điểm Làng Vây (năm 1968), Đắc Tô - Tân Cảnh (năm 1972), Phước Long, Buôn Ma Thuột (năm 1975), đánh địch rút chạy trên Đường 7, đánh địch lấn chiếm, bảo vệ vùng giải phóng...

* Thiếu tướng, Chính ủy Binh chủng Tăng thiết giáp

(1) Ngày 22-6-1965, Bộ Quốc phòng Quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Thiết giáp (năm 1994 đổi thành Bộ Tư lệnh Tăng thiết giáp)

Dù chiến đấu trong đội hình của các binh đoàn chủ lực hay độc lập tác chiến, Bộ đội Tăng thiết giáp đều bí mật, bất ngờ, phát huy sức mạnh đột kích, thọc sâu, tiến công thần tốc, phản kích táo bạo, mưu trí sáng tạo, càng đánh càng mạnh. Đồng thời, từng bước hình thành, phát triển nghệ thuật tác chiến Tăng thiết giáp trên các loại địa hình, nhất là địa bàn thành phố, thị xã, tạo tiền đề quan trọng để tiến công giải phóng Sài Gòn; cùng các lực lượng khác cơ động, đột phá, chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài, thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu bên trong, góp phần to lớn giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Hình ảnh hai chiếc xe tăng mang số hiệu 390 và 843 dừng mãi húc đổ cánh cổng sắt dinh Độc lập và Trung úy Bùi Quang Thận cầm lá cờ giải phóng lên nóc dinh Độc lập thể hiện lòng quả cảm và sự quyết tâm của những người chiến sĩ xe tăng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cùng với đó, Bộ đội Tăng thiết giáp còn tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, phía Bắc của Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế giúp các nước bạn Lào, Cam-pu-chia.

Giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng, cùng với nhân dân cả nước, lực lượng vũ trang nói chung, Bộ đội Tăng thiết giáp nói riêng đã chủ động, sáng tạo thực hiện hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, có nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc.

Bộ đội Tăng thiết giáp tham mưu cho Bộ Quốc phòng điều chỉnh tổ chức, biên chế các đơn vị Tăng thiết giáp toàn quân và xây dựng, phát triển lực lượng trong Bình chủng bảo đảm “Tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Từng bước hiện đại hóa trang bị kỹ thuật; duy trì nền

nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên rà soát, bổ sung và luyện tập thành thực các phương án, không để bị động, bất ngờ; tích cực tham gia giúp đỡ nhân dân phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, dịch bệnh; tham gia hội thao, hội thi cấp toàn quân đều đạt giải cao. Đặc biệt, trong giai đoạn 2018 - 2022, tổ chức huấn luyện, tham gia Hội thao Quân sự quốc tế - sự kiện thể thao quân sự do Liên bang Nga tổ chức và giành kết quả cao: Đoạt Huy chương Bạc năm 2019, Huy chương Vàng bảng 2 năm 2020. Hình ảnh cờ đỏ sao vàng tung bay trên tháp pháo xe tăng tại thao trường Alabino, ngoại ô Mát-xcơ-va (Liên bang Nga) đã khẳng định khả năng, trình độ tổ chức chỉ huy và sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật của Bộ đội Tăng thiết giáp, khẳng định năng lực quốc phòng của Việt Nam trên trường quốc tế. Đó là thành quả của công tác hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng của Đảng, đồng thời là niềm tự hào của quân và dân cả nước, là vinh dự lớn của mỗi cán bộ, chiến sĩ Tăng thiết giáp. Ngay khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Bộ đội Tăng thiết giáp đã cùng toàn Đảng, toàn quân tích cực tham gia giúp nhân dân phòng, chống dịch, tạo ấn tượng tốt về phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, hình ảnh người chiến sĩ xe tăng thời kỳ mới; được cấp ủy, chính quyền, nhân dân tin yêu.

Trong 65 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và phát triển với thành tích đặc biệt xuất sắc, Bộ đội Tăng thiết giáp đã có 44 lượt tập thể và 16 cá nhân được Đảng, Nhà nước tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, như Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều phần thưởng cao quý khác. Năm 2024, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất cho Binh chủng Tăng thiết giáp.

Thời gian tới, để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, mau lẹ, phức tạp, khó đoán định. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Binh chủng xác định, cần quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng về xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu:

Một là, phát huy nhân tố chính trị tinh thần trong xây dựng Binh chủng Tăng thiết giáp “Tinh, gọn, mạnh”, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Đây là giải pháp căn bản; do đó, cần tập trung xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy các cấp trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, mẫu mực.

Binh chủng Tăng thiết giáp coi trọng xây dựng cho cán bộ, chiến sĩ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành, tin tưởng tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng, sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và thắng lợi của sự nghiệp đổi mới; đặc biệt là xây dựng bản lĩnh tư tưởng thép của người cán bộ, chiến sĩ Tăng thiết giáp thời kỳ mới. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống của dân tộc, Quân đội, Binh chủng; giúp cán bộ, chiến sĩ nhận thức đúng đối tượng, đối tác; phương thức tác chiến.

Nêu cao ý chí quyết tâm, xây dựng niềm tin chiến thắng, cách đánh của Bộ đội Tăng thiết giáp trong chiến tranh hiện đại; có kiến thức, năng lực toàn diện, sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Binh chủng “Tinh, gọn, mạnh”, chính quy, hiện đại; không dao động, chùn bước trước những

khó khăn, gian khổ, hy sinh; từ đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong mọi điều kiện.

Hai là, tập trung xây dựng Đảng bộ Binh chủng Tăng thiết giáp trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đây là vấn đề then chốt, quyết định; chính vì vậy, từ Đảng ủy Binh chủng Tăng thiết giáp đến cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của cấp trên về công tác xây dựng Đảng; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn cấp ủy, gắn với kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp phù hợp với sự điều chỉnh tổ chức, lực lượng trong Binh chủng; xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh từ chính mỗi cán bộ, đảng viên.

Quá trình tiến hành phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình; Kết luận số 111-KL/QUTW, ngày 12-2-2019 của Thường vụ Quân ủy Trung ương, về tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Quân đội giai đoạn mới. Đồng thời, tiến hành tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, gắn xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp.

Đảng bộ tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là phẩm chất, trình độ năng lực và trách nhiệm công tác; phát huy và khuyến khích xây dựng lực lượng cán bộ trẻ, tâm huyết, trách nhiệm đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ; thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm nêu gương “trên làm gương mẫu mực, dưới tích

cực làm theo”; tinh thần “7 dám”⁽²⁾ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả “5 quyết tâm, 5 chủ động”⁽³⁾ theo chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo theo hướng tập trung, khoa học, sâu sát, quyết liệt, nói đi đôi với làm; phân công, phân cấp, gắn trách nhiệm cá nhân rõ ràng, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; thường xuyên làm tốt công tác chính sách và hậu phương gia đình cán bộ để cán bộ tin tưởng yên tâm công tác, thực hiện nhiệm vụ, chức trách.

Ba là, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, đào tạo, sẵn sàng chiến đấu và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đây là giải pháp trọng tâm, xuyên suốt, khâu đột phá quyết định sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu của Binh chủng Tăng thiết giáp.

Binh chủng Tăng thiết giáp tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW, ngày 20-12-2022 của Quân ủy Trung ương; Nghị quyết số 17-NQ/ĐU, ngày 30-3-2023 của Đảng ủy Binh chủng Tăng thiết giáp, về “Nâng cao chất lượng công tác huấn luyện giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo”. Tích cực đổi mới phương pháp huấn luyện đồng bộ chuyên sâu, sát thực tiễn với từng loại hình tác chiến. Kịp thời rút kinh nghiệm về các cuộc chiến tranh hiện đại, nghiên cứu vận dụng phát triển nghệ thuật sử dụng tăng thiết giáp.

Binh chủng tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng dạy - học, nghiên cứu khoa học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu phát triển mới của khoa học, nghệ thuật quân sự; xây dựng các nhà trường đạt tiêu chuẩn nhà trường thông minh; thực hiện

tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Tập trung nghiên cứu và ứng dụng các công trình, đề tài, sáng kiến, trọng tâm là nghiên cứu nghệ thuật sử dụng, cách đánh của tăng thiết giáp trong các hình thức chiến tranh địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, trên các chiến trường. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, gắn với cải cách thủ tục hành chính phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát thực hiện nhiệm vụ và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

Bốn là, tập trung xây dựng Binh chủng Tăng thiết giáp vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Đây là giải pháp căn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 79/CT-BQP, ngày 22-7-2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, về việc xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu” đối với từng cơ quan, đơn vị trong Binh chủng Tăng thiết giáp.

(2) Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung.

(3) 5 quyết tâm bao gồm: Quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI đề ra; Quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện chiến đấu tốt nhất; Quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, biên chế của Quân đội; Quyết tâm xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội vững mạnh, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; Quyết tâm tổ chức tốt các hoạt động hướng tới kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày Hội quốc phòng toàn dân. 5 chủ động là: Chủ động tham mưu, đề xuất, xử lý tình huống; Chủ động bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo và sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; Chủ động tiến hành tốt công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, tiến tới Đại hội XIV của Đảng; Chủ động chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao; Chủ động tiến hành các biện pháp xây dựng Đảng bộ Quân đội thật sự trong sạch, vững mạnh, gương mẫu, tiêu biểu cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ

Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào khắc phục khâu yếu, mặt yếu trong các nội dung cơ bản, đó là: Tập trung xây dựng Binh chủng vững mạnh về chính trị, như xây dựng cho cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao; xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng thực sự trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn các cấp thường xuyên được bổ sung kiện toàn bảo đảm quân số, chất lượng, trình độ năng lực, phương pháp, tác phong công tác đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ; tiến hành tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm đơn vị an toàn tuyệt đối về chính trị; nội bộ đoàn kết thống nhất, các tổ chức quần chúng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm công tác tổ chức lực lượng, thường xuyên kiện toàn tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo; duy trì nghiêm nề nếp sẵn sàng chiến đấu, kịp thời xử trí tốt tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tập trung xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật tốt, không để xảy ra vụ việc vi phạm; đẩy mạnh cải cách hành chính quân sự, ứng dụng hiệu quả khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính, kế hoạch đầu tư, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất; đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông” (Cuộc vận động 50) trong các cơ quan, đơn vị và toàn Binh chủng.

Năm là, phát huy vai trò, chức năng đội quân công tác, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chức năng “đội quân công tác” thể hiện bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội ta luôn giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân, là lực lượng nòng cốt tham gia công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, phát huy bản chất, truyền thống vẻ vang “Bộ đội Cụ Hồ”, người chiến sĩ xe tăng. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ luôn gần dân, trọng dân, hiểu dân và có trách nhiệm với nhân dân; luôn giữ tốt mối quan hệ chặt chẽ, phối hợp hoạt động với cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương nơi đóng quân; tích cực đi đầu trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo; tích cực tham gia phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, chính sách, tuyên truyền đặc biệt. Đồng thời thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các phong trào thi đua: “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Quân đội chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”,... góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn đóng quân.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trên là đòi hỏi khách quan, phù hợp với sự phát triển của Binh chủng Tăng thiết giáp nhằm hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xứng đáng với truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng” của Bộ đội Tăng thiết giáp Việt Nam anh hùng mà lớp lớp thế hệ cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Tăng thiết giáp đã đổ mồ hôi, công sức, xương máu trong suốt 65 năm qua. □

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

LÊ TIẾN TRƯỜNG*

Kinh tế xanh là một mô hình kinh tế mà mục tiêu chính là tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời tạo ra cơ hội kinh doanh và việc làm bền vững. Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam là một mục tiêu quan trọng, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững. Là quốc gia có quy mô xuất khẩu dệt may lớn thứ ba thế giới, sử dụng khoảng ba triệu lao động trực tiếp trong các nhà máy sản xuất dệt may, trong xu thế chuyển đổi xanh, xanh hóa quá trình sản xuất, ngành dệt may Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội nắm bắt xu thế mới, nhưng cũng đối diện với nhiều thách thức và tiềm ẩn cả rủi ro.

Phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Qua đó, Việt Nam đóng vai trò ngày càng quan trọng trong các diễn đàn tăng trưởng xanh toàn cầu. Nhận thức được sự cần thiết của việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và sự bền vững về môi trường - xã hội, tăng trưởng xanh luôn được đặt ưu tiên trong các chương trình nghị sự quốc gia, cũng như trong thiết kế chính sách liên quan.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định chủ trương “phát triển nhanh và bền vững” và phát triển kinh tế xanh: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu

quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”⁽¹⁾.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2012, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng

* Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

(1) Nguyễn Tuấn Phong: “Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025”, *Công thông tin điện tử Viện Chiến lược và chính sách tài chính*, ngày 18-11-2021, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM221681

xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 là các chính sách nổi bật của Việt Nam để hướng tới thực hiện cam kết mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại COP 26. Kết quả là, trong hơn một thập niên qua, Việt Nam đã đạt được tiến bộ và nhiều thành tựu đáng kể trong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, cụ thể như sau:

Lợi ích môi trường: Việc theo đuổi tăng trưởng xanh đã mang lại kết quả tích cực về môi trường. Tốc độ tăng phát thải qua các năm đã giảm và lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Việt Nam đã tăng độ che phủ rừng từ 38,7% năm 2008 lên 42% vào năm 2020⁽²⁾. Chất lượng không khí được cải thiện trong giai đoạn 2018 - 2022, với nồng độ PM_{2,5} trung bình hằng năm giảm từ 32,9 xuống 27,2 ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)⁽³⁾.

Cơ hội kinh tế: Đầu tư vào dự án năng lượng tái tạo, bao gồm trang trại năng lượng gió và mặt trời, nông nghiệp bền vững và du lịch sinh thái, đã tạo ra cơ hội kinh tế và việc làm xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Hoạt động kinh tế xanh ở Việt Nam đã tạo ra 6,7 tỷ USD vào năm 2020 (2% tổng GDP) với đà tăng trưởng vững chắc (10 - 13%/năm giai đoạn 2018 - 2020)⁽⁴⁾, trong đó 41% là từ ngành năng lượng, 28% là từ hoạt động nông, lâm nghiệp, 14% là từ hoạt động công nghiệp và 17% là từ các ngành giao thông - vận tải, thông tin liên lạc, xử lý rác thải và xây dựng. Năm 2020, kinh tế xanh góp phần tạo ra khoảng hơn 400 nghìn việc làm, trong đó hơn một nửa đến từ các hoạt động nông, lâm nghiệp xanh và công nghệ cao (33%) và hoạt động công nghiệp (28%) - chủ yếu là sản xuất thiết bị,

máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất năng lượng tái tạo và năng lượng sạch. Tuy nhiên, số lượng việc làm được tạo ra từ hoạt động kinh tế xanh của Việt Nam chưa nhiều (1,1% tổng số việc làm quốc gia⁽⁵⁾) so với các nước dẫn đầu (3,3% ở Pháp vào năm 2020 và 6,7% ở Trung Quốc vào năm 2022⁽⁶⁾).

Vị thế, uy tín quốc gia: Cam kết của Việt Nam về tăng trưởng xanh giúp nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, thu hút đầu tư và mở rộng quan hệ với đối tác nước ngoài. Trong giai đoạn 2017 - 2021, khoảng 9 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã được huy động vào các lĩnh vực xanh tại Việt Nam, tập trung vào năng lượng tái tạo và sản xuất thiết bị, máy móc cho các dự án thuộc lĩnh vực tăng trưởng xanh. Về xếp hạng quốc tế, theo ấn bản năm 2023 của Chỉ số tăng trưởng xanh, Việt Nam xếp thứ 73/245 quốc gia và thứ 16/50 quốc gia châu Á, với điểm chỉ số 56,44. Việt Nam đã thực hiện tốt các khía cạnh bảo vệ vốn tự nhiên và hòa nhập xã hội, nhưng phải đối mặt với thách thức về khía cạnh hiệu quả tài nguyên và các cơ hội kinh tế xanh. Theo Chỉ số tương lai xanh ấn bản năm 2023, Việt Nam xếp thứ 53/76 nền kinh tế và thứ 9/16 nền kinh tế ở châu Á, đạt điểm chỉ số 4,13. Việt Nam xếp ở giữa trong các hạng mục chuyển đổi năng

(2) Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hiện trạng rừng Việt Nam qua các năm

(3) Iqair, Những quốc gia và khu vực ô nhiễm nhất trên thế giới, <https://www.iqair.com/vi/world-most-polluted-countries>

(4) Niên giám Thống kê, phân loại ngành kinh tế xanh bởi nhóm nghiên cứu, dựa theo Hướng dẫn thống kê các lĩnh vực xanh theo văn bản số 9050/NHNN-TD

(5) Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2020*

(6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo triển khai kết luận phiên họp toàn thể lần thứ nhất ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh, 2023*

Bảng 1: Các vấn đề về môi trường của sản phẩm dệt may

Các vấn đề về môi trường	Vòng đời sản phẩm có tác động lớn nhất	
	Sản xuất	Tiêu thụ
Tiêu thụ năng lượng	Sản xuất các loại sợi nhân tạo, sợi dệt và quá trình xử lý hoàn tất	Giai đoạn sử dụng: giặt và sấy khô quần áo
Tiêu thụ nước và sử dụng hóa chất	Trồng bông, tiền xử lý ướt, nhuộm và hoàn tất	Giai đoạn sử dụng: giặt ủi
Chất thải rắn	Sản xuất sản phẩm dệt/quần áo	Xử lý sản phẩm ở cuối vòng đời
Phát thải CO ₂ trực tiếp	Quá trình vận hành chuỗi trong chuỗi cung ứng để phân phối toàn cầu	

lượng, nhưng cần nỗ lực nâng thứ hạng trong các hạng mục về phát thải các-bon và chính sách khí hậu.

Động lực xanh hóa ngành dệt may Việt Nam

Mặc dù là một trong những ngành công nghiệp quan trọng, đóng góp đáng kể cho nền kinh tế toàn cầu, nhưng dệt may cũng là một trong những ngành gây ô nhiễm nhất trên thế giới, vì chuỗi cung ứng sử dụng nhiều tài nguyên và hóa chất, tạo ra lượng lớn chất thải, chất độc hại gây ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất. Lượng khí thải các-bon hằng năm của ngành dệt may thế giới trong vòng đời sản phẩm thời trang (khoảng 3,3 tỷ tấn khí thải CO₂) gần bằng lượng khí thải các-bon của cả 28 quốc gia trong khu vực Liên minh châu Âu (EU) (3,5 tỷ tấn). Ngoài việc tiêu thụ một lượng lớn tài nguyên, ngành dệt may còn chịu trách nhiệm cho 5% khối lượng chất thải toàn cầu. Tác động tiêu cực đến môi trường xảy ra với cường độ khác nhau ở các giai đoạn khác nhau trong vòng đời sản phẩm dệt may, với vai trò khác nhau của người sản xuất và người tiêu dùng trong việc tạo ra và sử dụng

sản phẩm. Tác động trực tiếp, lớn nhất của người tiêu dùng lên môi trường gắn liền với giai đoạn sử dụng và thải bỏ⁽⁷⁾.

Do đó, xanh hóa ngành dệt may sẽ giúp giải quyết được nhiều vấn đề về môi trường mà ngành này đang gây ra. Doanh nghiệp của ngành cần áp dụng phương pháp sản xuất xanh, lựa chọn nguyên liệu xanh để tạo ra sản phẩm dệt may bền vững hơn khi người tiêu dùng đang có xu hướng ngày càng quan tâm đến tính bền vững, tính thân thiện với môi trường của sản phẩm. Người tiêu dùng đang ngày càng nhận thức được sự cần thiết và tầm quan trọng của hành vi nhỏ góp phần giải quyết các thách thức lớn toàn cầu về ô nhiễm môi trường và tác động đến đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã ý thức được rằng làm được điều này còn giúp cải thiện hình ảnh thương hiệu và mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã bắt đầu luật hóa các vấn đề liên quan đến xanh hóa ngành dệt may trong những năm gần đây

(7) Xem: Lê Tiên Trường (chủ biên): *Xu hướng dịch chuyển tới kinh tế tuần hoàn và các ảnh hưởng đến ngành dệt may Việt Nam*, Nxb. Bách khoa Hà Nội, 2023

như một phần của nỗ lực hướng tới phát triển bền vững. Nổi bật nhất là Liên minh châu Âu với các hoạt động cụ thể, thông qua các quy định và chính sách, như Thỏa thuận xanh châu Âu, Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn, Chiến lược công nghiệp mới cho châu Âu và Chiến lược của Liên minh châu Âu cho ngành dệt may bền vững và tuần hoàn. Do đó, chuyển dịch theo hướng sản xuất xanh là giải pháp tốt nhất hiện nay để tuân thủ các quy định về tính bền vững của sản phẩm dệt may tại các thị trường này.

Ngành dệt may Việt Nam thuộc tốp 4 ngành xuất khẩu chủ lực của quốc gia năm 2023, với kim ngạch xuất khẩu đạt 39,7 tỷ USD (chiếm hơn 11% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước). Hiện nay, ngành dệt may có khoảng 7.000 doanh nghiệp đang hoạt động, bảo đảm việc làm cho trên 3 triệu lao động trực tiếp trong ngành, chưa kể các ngành liên quan, công nghiệp hỗ trợ. Vì vậy, khi chuyển dịch sang sản xuất xanh, ngành dệt may sẽ tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm xanh, bền vững cho người lao động, góp phần ổn định đời sống, nâng cao chất lượng làm việc, đóng góp vào công tác an sinh xã hội quốc gia.

Cơ hội chuyển đổi xanh đối với ngành dệt may Việt Nam

Các xu thế trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu hiện nay đang mở ra cơ hội để thúc đẩy xanh hóa ngành dệt may Việt Nam.

Thứ nhất, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do gần đây đã mang lại một số ưu đãi thuế quan dành cho hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam.

Thứ hai, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có môi trường kinh doanh thuận lợi với sự ổn định về hệ thống kinh tế - chính trị. Trong bối cảnh tình hình địa - chính trị thế

giới có nhiều bất ổn như hiện nay, việc các hãng thời trang tìm nguồn cung ứng nhiều hơn tại Việt Nam là điều dễ hiểu.

Thứ ba, năng lực sản xuất của doanh nghiệp dệt may Việt Nam với đội ngũ lao động kỹ thuật tốt, đáp ứng được đơn hàng khó, yêu cầu chất lượng cao sẽ là một lợi thế.

Hiện nay, chi phí nhân công rẻ không còn là lợi thế cạnh tranh của dệt may Việt Nam, thay vào đó, trở thành nhà cung ứng bền vững đang và sẽ là yếu tố quan trọng để thu hút khách hàng, nâng cao vị thế và uy tín của doanh nghiệp. Xu hướng sản xuất dệt may xanh sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam đón được đơn hàng ổn định với hiệu quả tốt trong tương lai.

Các nhãn hàng vẫn ưu tiên nhà sản xuất và đối tác sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường. Nhờ hệ thống pháp luật lao động, pháp luật về doanh nghiệp của Việt Nam tương đối hoàn thiện theo chuẩn quốc tế về lao động, việc làm và các vấn đề xã hội, doanh nghiệp Việt Nam sẽ có lợi thế lớn khi triển khai đánh giá mức độ tuân thủ đạo đức kinh doanh của các nhãn hàng trước khi hợp tác.

Khi nền kinh tế phục hồi, thu nhập và tiêu dùng được cải thiện, người tiêu dùng sẽ quan tâm hơn đến sản phẩm xanh được sản xuất bởi doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội và môi trường. Do đó, xu hướng trong trung và dài hạn vẫn sẽ hướng tới sản phẩm xanh và bền vững hơn.

Thách thức trong quá trình xanh hóa ngành dệt may

Mặc dù xanh hóa sản xuất dệt may có thể mang lại cơ hội để ngành dệt may Việt Nam vươn lên một nấc thang mới trong chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng doanh nghiệp trong ngành cũng sẽ đối diện với thách thức rất lớn.

Thứ nhất, lựa chọn nguyên liệu xanh, thân thiện với môi trường phục vụ sản xuất đang là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp dệt may do hạn chế về nguồn cung, cũng như thị hiếu của người tiêu dùng. Mặc dù người tiêu dùng đang có xu hướng ngày càng ủng hộ vật liệu xanh, bền vững hơn, nhưng thực tế cho thấy vật liệu tổng hợp đang chiếm ưu thế do giá rẻ, đáp ứng được yêu cầu đa dạng về thiết kế, mục đích sử dụng và nguồn cung dồi dào. Các loại nguyên liệu từ bông, lanh, gai dầu và đay hiện đang phổ biến nhất trong nhóm nguyên liệu xanh, tuy nhiên theo số liệu của Textile Exchange, các loại xơ thực vật này chỉ chiếm 27% tổng sản lượng xơ toàn cầu (trong đó, bông chiếm 22%), xơ tổng hợp từ bột gỗ chỉ chiếm 6,3%. Trong khi đó, xơ hóa học tổng hợp chiếm tới 65% tổng sản lượng toàn cầu, phổ biến nhất là xơ polyester (54%) và polyamid (5%). Do đó, nguồn cung nguyên liệu và khả năng chi trả của người tiêu dùng cho sản phẩm có nguồn gốc thân thiện với môi trường vẫn là rào cản đáng kể đối với doanh nghiệp dệt may trên thế giới nói chung và dệt may Việt Nam nói riêng.

Thứ hai, sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường vẫn là sản phẩm thuộc phân khúc thị trường ngách với giá cao, khó cạnh tranh về giá với sản phẩm truyền thống hiện hữu, nhất là trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều khó khăn như hiện tại. Do đó, thị trường tiêu thụ hạn chế sẽ là thách thức đối với việc chuyển đổi xanh cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Thứ ba, về mặt chính sách, mặc dù chủ trương phát triển kinh tế xanh đã được quan tâm trong thời gian gần đây, nhưng chính sách cụ thể để xanh hóa ngành dệt may vẫn còn thiếu và chưa triển khai đồng bộ. Chưa

có quy định rõ ràng về phát triển bền vững hay phát triển kinh tế xanh áp dụng cho ngành dệt may. Do đó, doanh nghiệp trong ngành vẫn chưa có được hành lang pháp lý rõ ràng, chưa có khuyến khích chuyển dịch xanh hóa một cách hiệu lực. Hiện nay, hệ thống chiến lược với nhiều mục tiêu, định hướng và hành động trong Chiến lược và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh chưa được lồng ghép triệt để hoặc chi tiết hóa, đặc biệt là ở nội dung chuyên ngành (ví dụ, quy hoạch và phát triển khu công nghiệp xanh cho ngành sợi).

Thứ tư, hệ thống tài chính xanh còn non trẻ khiến dự án dệt may xanh gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn tài chính, bao gồm cả huy động vốn hoặc tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi. Điều này xuất phát từ khung pháp lý tài chính xanh chưa hoàn thiện (ví dụ, trường hợp thị trường trái phiếu xanh) và công cụ huy động tài chính xanh mới chưa được triển khai (ví dụ, trường hợp thị trường giao dịch tín chỉ các-bon). Ngoài ra, doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần sự hướng dẫn triển khai đồng bộ, dự án thí điểm và hỗ trợ nâng cao năng lực huy động vốn, đặc biệt là với sản phẩm và cơ chế tài chính mới còn xa lạ đối với thị trường Việt Nam. Đặc thù của sản xuất dệt may xanh là hướng tới sự bền vững, tăng trưởng ổn định trong dài hạn, rất khó để thấy được hiệu quả ngay trong những năm đầu, do đó công cụ tín dụng xanh cần được xây dựng phù hợp với đầu tư sản xuất xanh trong ngành dệt may.

Cuối cùng là mức độ nhận thức và sự tham gia của người dân vào các vấn đề tăng trưởng xanh và phát triển bền vững vẫn chưa cao. Điều này hạn chế tiềm năng thay đổi hành vi và đổi mới xã hội có thể hỗ trợ tăng cường xanh hóa ngành dệt may và phát thải ít các-bon.

Một số khuyến nghị

Về chính sách vĩ mô

Với đặc điểm ngành dệt may kinh doanh hoàn toàn cạnh tranh theo thị trường quốc tế, các quyết định, lộ trình xanh hóa mang tính áp đặt sẽ ít có hiệu quả, mà phải gắn chặt với chuyển biến của toàn bộ nền kinh tế thế giới, trước hết là tại các nước phát triển, là thị trường tiêu thụ chính của hàng hóa dệt may Việt Nam. Đi nhanh hơn thị trường cũng có thể có thiệt hại về tài chính, khó khăn ngắn hạn khi năng lực cung của hàng hóa dệt may xanh, bền vững lớn hơn cầu, nhưng đi chậm hơn thì chắc chắn không có vị trí trong chuỗi cung ứng mới, dẫn tới khủng hoảng toàn diện ngành dệt may.

Do đó, việc thể chế hóa tiêu chuẩn xanh trong ngành dệt may với lộ trình phát triển và mục tiêu cụ thể, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế xanh trên thế giới là cần thiết. Lộ trình phát triển dệt may xanh cần nêu rõ các mục tiêu, quy định cụ thể cho từng giai đoạn ngắn, gắn với vai trò của các bên liên quan, đồng thời gắn với các cơ chế tài chính để thực hiện mục tiêu, như cơ chế đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), cơ chế tài chính xanh... Quy định của Chính phủ là điều kiện sàn để đầu tư mới, đầu tư chiều sâu đi đúng định hướng của nền kinh tế xanh, tránh lãng phí của cải vật chất. Tuy nhiên, các mục tiêu này phải rất linh hoạt, liên tục có khả năng điều chỉnh theo diễn biến của thị trường chứ không thể giữ cố định như kế hoạch 5 năm, hay các chiến lược, quy hoạch 10 năm hiện có.

Chính sách hỗ trợ, khuyến khích, điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp theo hướng chuyển đổi xanh và áp dụng sáng kiến xanh thông qua các công cụ về tín dụng, thuế, tiếp cận đất đai cũng cần được ban hành. Đặc biệt là, chính sách tài chính có tác dụng bổ

sung dòng tiền và lợi thế chi phí cho doanh nghiệp triển khai sản xuất xanh, như giảm thuế VAT, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế nhập khẩu các nguồn nguyên liệu tham gia tạo sản phẩm xanh ở trong nước, có nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nhân lực xanh tại doanh nghiệp từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Việc đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và quản lý kinh tế xanh cần được đưa vào chương trình đào tạo từ bậc cao đẳng trở lên để sẵn sàng phục vụ cho quá trình chuyển đổi xanh.

Về chiến lược phát triển

Đánh giá và phân tích: Các bộ quản lý ngành cần tiến hành đánh giá kỹ lưỡng về tình trạng hiện tại của ngành dệt may, bao gồm việc sử dụng tài nguyên, phát sinh chất thải và cấu trúc chuỗi cung ứng.

Xác định các bên liên quan chính và thu hút họ tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh, bao gồm nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà bán lẻ, người tiêu dùng và cơ sở quản lý chất thải.

Đặt mục tiêu rõ ràng: Từ kết quả đánh giá, cần xác định mục tiêu rõ ràng và có thể đo lường được cho quá trình chuyển đổi. Chẳng hạn như, giảm tiêu thụ tài nguyên, giảm thiểu phát sinh chất thải và tăng cường sử dụng vật liệu tái chế.

Các mốc thời gian thực tế để đạt được các mục tiêu này cần được đặt ra, bao gồm cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Mục tiêu linh hoạt, cơ chế điều chỉnh dễ dàng, có khuyến khích tài chính cho doanh nghiệp thực hiện tốt lộ trình chuyển đổi.

Về công nghệ và đầu tư

Cần có nghiên cứu mang tính dẫn đường, hướng dẫn và chuyển giao cho doanh nghiệp, cùng với kênh chuyển giao của khách hàng trong chuỗi cung ứng, bảo đảm việc lựa chọn hướng đi cho chuyển đổi

sản xuất xanh về phương diện công nghệ không lãng phí.

Trước hết, cần tập trung vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xanh, như năng lượng tái tạo, sử dụng hiệu quả năng lượng và nước, quản lý tài nguyên và xử lý chất thải, nghiên cứu áp dụng công nghệ sử dụng lại phát thải và rác thải, công nghệ tuần hoàn. Điều này có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tạo ra nguồn tài nguyên bền vững. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác với đối tác, nhà cung cấp máy móc thiết bị để học hỏi, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong ngành dệt may.

Về tài chính

Nghiên cứu, phát triển các lựa chọn tài chính xanh, như trái phiếu xanh, khoản tín dụng cho sản xuất xanh và đầu tư tác động (impact investing)⁽⁸⁾. Các công cụ tài chính này thu hút nhà đầu tư đang tìm cách hỗ trợ các sáng kiến thân thiện với môi trường và có thể cung cấp vốn cần thiết cho dự án nhà máy dệt may xanh.

Cộng tác với doanh nghiệp, nhà đầu tư và tổ chức khác để tập hợp nguồn lực và chia sẻ gánh nặng tài chính của các sáng kiến xanh. Liên doanh, tập đoàn và quan hệ đối tác có thể tạo ra lợi thế kinh tế theo quy mô và phân tán hóa rủi ro.

Về nhân lực

Đầu tiên, cần xác định khoảng cách về kỹ năng của người lao động trong doanh nghiệp có thể cản trở quá trình chuyển đổi sang sản xuất xanh. Từ đó, xây dựng chương trình đào tạo để nâng cao kiến thức cho lực lượng lao động về tiêu chí của dệt may xanh, thực hành bền vững và công nghệ mới.

Hợp tác với trường đại học, cơ sở đào tạo để phát triển chương trình đào tạo lực lượng lao động nguồn cho sản xuất xanh, bao gồm cả lao động trực tiếp và lực lượng quản lý.

Xây dựng mạng lưới liên ngành/liên doanh nghiệp để cùng chia sẻ kiến thức, kỹ năng, thực hành xanh hóa sản xuất.

Về thị trường

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về chiến lược, chương trình cũng như sản phẩm xanh và ý nghĩa của dệt may xanh mà doanh nghiệp đang có để thu hút sự quan tâm của cộng đồng. Từ đó, góp phần thay đổi nhận thức, thói quen của người tiêu dùng hướng đến sản phẩm xanh, bền vững.

Sử dụng chiến dịch tiếp thị và kênh truyền thông phù hợp để làm nổi bật các khía cạnh tuần hoàn của sản phẩm, đồng thời tạo cơ hội cho người tiêu dùng được tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm xanh, như đóng góp sáng kiến về nguyên liệu xanh, đề xuất quy trình sản xuất xanh, quy trình sản xuất tuần hoàn...

Xây dựng văn hóa tiêu dùng sản phẩm xanh, bền vững

Dịch chuyển sang sử dụng sản phẩm dệt may xanh với số lượng ít đi, giá mỗi đơn vị sản phẩm cao lên, mẫu mã chưa đa dạng như hàng hóa dệt may thời trang truyền thống, thời trang nhanh hiện nay là một quá trình điều chỉnh hành vi tiêu dùng đã hình thành nhiều năm của các nền kinh tế trên thế giới, tiêu thụ quá mức nhu cầu dẫn đến tạo áp lực về chất thải đang là vấn đề toàn cầu cấp bách nhất. Chính vì vậy, bên cạnh nỗ lực về kinh tế thì cần rất nhiều nỗ lực xây dựng văn hóa tiêu dùng mới, văn hóa tiêu dùng sản phẩm xanh. Sự thấu hiểu, chấp nhận sử dụng ít đi, nhưng là sản phẩm xanh với giá cả cao hơn từ người tiêu dùng là nhân tố quyết định thành công của quá trình xanh hóa ngành dệt may. □

(8) Đầu tư tác động là việc đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, quỹ với kỳ vọng tạo ra tác động về xã hội và môi trường song song với thu nhập tài chính

ОГЛАВЛЕНИЕ

***: Пресс-релиз Десятого пленума ЦК КПВ XIII созыва. ● ***: Вступительное слово на Десятом пленуме ЦК КПВ XIII созыва. ● ***: Заключительное слово на Десятом пленуме ЦК КПВ XIII созыва. ● ТО ЛАМ: Продолжение решительного обновления метода руководства и правления Партии - насущное требование нового революционного периода. ● ФАМ МИНЬ ТИНЬ: Срочная ликвидация последствий тайфуна и наводнений, скорейшее налаживание жизни населения, активное восстановление производственной и предпринимательской деятельности, содействие экономическому росту, сдерживание инфляции. ● НГУЕН ДИНЬ КХАНГ: Стремлясь быть достойными 95-летней традиции строительства и развития под руководством Партии, Профсоюз Вьетнама продолжает вносить вклад в дело строительства и защиты Отечества в текущий период. ● ЛЬОНГ НГУЕН МИНЬ ЧИЕТ: Провинция Куангнам активно готовится к проведению конференций парторганизаций разных уровней и конференции парторганизации провинции на срок работы 2025 - 2030 годов. ● ТО ЛАМ: Стремление к реализации мирного, стабильного и устойчивого будущего во имя сотрудничества и процветания – Видение, цели и твердые обязательства Вьетнама перед международным сообществом. ● ДАНГ ХОАНГ ЗЯНГ: Отношения между Вьетнамом и ООН: Начало нового сотрудничества ради лучшего будущего человечества. ● НГО ЛЕ ВАН: Вьетнам - Куба: Дружба, проверенная временем.

TABLE OF CONTENTS

***: Announcement of the 10th plenum of the 13th Party Central Committee. ● ***: Opening remarks of the 10th plenum of the 13th Party Central Committee. ● ***: Closing remarks of the 10th plenum of the 13th Party Central Committee. ● TÔ LÂM: Continue to strongly innovate the Party's leadership and ruling methods - An urgent requirement of the new revolutionary period. ● PHAM MINH CHINH: Redouble efforts to recover from storm and flood, quickly stabilize people's lives, actively restore production and business, boost economic growth and inflation control. ● NGUYỄN ĐÌNH KHANG: Worthy of the 95-year tradition of building and growing under the Party's leadership, the Vietnam Trade Union continues to contribute to the cause of building and protecting the Fatherland in the current period. ● LƯƠNG NGUYỄN MINH TRIẾT: Quang Nam province actively prepares for party congresses at various levels towards the provincial Party Congress for the 2025 - 2030 term. ● TÔ LÂM: Strive to realize a future of peace, stability, cooperation, prosperity and sustainability - Vietnam's vision, goals and strong commitment to the international community. ● ĐẶNG HOÀNG GIANG: Vietnam-United Nations relations: The beginning of new cooperation for a better future of humanity. ● NGỒ LÊ VĂN: Vietnam - Cuba: Timeless friendship.

TABLE DES MATIÈRES

***: Communiqué du Xe plénum du Comité central du Parti communiste vietnamien, XIIIe exercice. ● ***: Discours d'ouverture du Xe plénum du Comité central du Parti communiste vietnamien, XIIIe exercice. ● ***: Discours de clôture du Xe plénum du Comité central du Parti communiste vietnamien, XIIIe exercice. ● TÔ LÂM: Continuer à innover fortement dans les méthodes de direction du Parti - Une exigence urgente de la nouvelle période révolutionnaire. ● PHAM MINH CHINH: Surmonter de toute urgence les conséquences des typhons et des inondations, stabiliser rapidement la vie de la population, restaurer activement la production et les affaires, promouvoir la croissance économique et contrôler l'inflation. ● NGUYỄN ĐÌNH KHANG: Forte de ses 95 ans de construction et de croissance sous la direction du Parti, la Confédération générale du Travail du Vietnam continue de contribuer à l'édification et à la défense de la Patrie dans la période actuelle. ● LƯƠNG NGUYỄN MINH TRIẾT: La province de Quang Nam se prépare activement à organiser des congrès du Parti à tous les niveaux en vue du congrès provincial du Parti pour le mandat 2025 - 2030. ● TÔ LÂM: S'efforcer de réaliser un avenir de paix, de stabilité, de coopération, de prospérité et de durabilité - la vision, les objectifs et l'engagement ferme du Vietnam envers la communauté internationale. ● ĐẶNG HOÀNG GIANG: Relations Vietnam - Nations Unies: Le début d'une nouvelle coopération pour un avenir meilleur de l'humanité. ● NGỒ LÊ VĂN: Vietnam - Cuba: une amitié intemporelle.

SUMARIO

***: Comunicado del X Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam, en su XIII mandato. ● ***: Discurso de apertura del X Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam en su XIII mandato. ● ***: Discurso de clausura del X Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam en su XIII mandato. ● TÔ LÂM: Continuar renovando con fuerza los métodos de dirección del Partido: una demanda apremiante de la nueva etapa revolucionaria. ● PHAM MINH CHINH: Hay que remediar urgentemente las consecuencias de tormentas e inundaciones, estabilizar rápidamente la vida de las personas, reanimar la producción y los negocios, promover el crecimiento económico y controlar la inflación. ● NGUYỄN ĐÌNH KHANG: Siguiendo la tradición en sus 95 años de construcción y crecimiento bajo el liderazgo del Partido, la Confederación General del Trabajo de Vietnam continúa contribuyendo a la construcción y defensa de la Patria en el período actual. ● LƯƠNG NGUYỄN MINH TRIẾT: La provincia de Quang Nam se prepara activamente para celebrar congresos del Partido en todos los niveles para dirigirse al congreso provincial del Partido, período 2025 - 2030. ● TÔ LÂM: Por hacer realidad un futuro de paz, estabilidad, cooperación, prosperidad y sostenibilidad: la visión, los objetivos y el firme compromiso de Vietnam con la comunidad internacional. ● ĐẶNG HOÀNG GIANG: Relaciones Vietnam - Naciones Unidas: El comienzo de una nueva cooperación para un futuro mejor para la humanidad. ● NGỒ LÊ VĂN: Vietnam - Cuba: una amistad eterna.

目录

***: 越共十三届十中全会公报。 ● ***: 越共十三届十中全会开幕辞。 ● ***: 越共十三届十中全会闭幕辞。 ● 苏林: 不断有力革新党的领导、执政方式——新革命阶段的紧迫要求。 ● 范明政: 抓紧解决台风、洪水后果, 尽快稳定人民生活, 积极恢复生产和经营, 促进经济增长, 控制通货膨胀。 ● 阮庭康: 越南工会继承95年在党的领导下不断建设和成长的光辉传统, 继续为当今阶段建国卫国事业做出贡献。 ● 梁阮明哲: 广南省积极为各级党代会做准备, 面向2025至2030年任期越共广南省代表大会。 ● 苏林: 努力实现和平、稳定、合作、繁荣与发展的未来——越南对国际社会的愿景、目标和有力承诺。 ● 邓黄江: 越南与联合国的关系: 开启新合作阶段, 面向人类美好的未来。 ● 吴黎文: 越南-古巴: 跨越时空的友谊。